

15 THÁNG 4 NĂM 1971

# BACH KHOA

*năm mười lăm*

TRẦN NGỌC NINH xã hội và văn hóa thái cổ Việt-nam  
\* TỬ TRÍ Hồi quốc giữa hai phong trào ly khai \* NGUYỄN  
ĐÌNH-HÒA Chomsky và ngữ pháp biến tạo \* NGUYỄN-  
VĂN-ĐẬU giới đại thương gia và kỹ-nghệ-gia Việt-nam  
dưới thời Pháp thuộc \* PHẠM-LƯƠNG-GIANG một  
vài nhận xét và kỷ-niệm về Ấn-độ \* NGUYỄN-VĂN-  
HẦU nhớ Đông Hồ tiên sinh \* TIÊU-LƯ-KHÊ  
huý nhật cổ thi sĩ Đông Hồ tại Kiên-Giang \*  
HOÀNG-NGỌC-TUẤN tuổi trẻ hư không \* TƯỞNG-  
LINH di câu với Phạm Lê Phan \* KHÊ-KINH-  
KHA tình đi mùa thu \* chút tình băng khuâng  
\* ĐÔNG TRINH một thành phố cho tương lai

**SINH HOẠT** : thời sự thế  
giới \* thời sự văn nghệ \* hoạt  
động của Trung tâm học liệu

343





# BÁCH KHOA

Số 343 ngày 15-4-1971

TRẦN NGỌC NINH <i>xã-hội và văn hóa thái cổ Việt-nam</i> (Bài nói chuyện nhân ngày Giỗ Quốc tổ Hùng Vương 10-3 Tân Hợi)	05
TỪ TRÍ <i>Hồi quốc, giữa hai phong trào ly khai</i>	15
NGUYỄN ĐÌNH HÒA <i>Chomsky và ngữ pháp biến tạo</i>	23
NGUYỄN VĂN ĐẬU <i>giới đại-thương-gia và kỹ-nghệ gia Việt-nam dưới thời Pháp thuộc</i>	31
PHẠM LƯƠNG GIANG <i>một vài nhận xét và kỷ-niệm về Ấn-độ nhân cuộc tổng tuyển cử tháng 3-71 tại Ấn-độ</i>	39
NGUYỄN VĂN HẦU <i>nhớ Đông Hồ tiên sinh</i>	47
TIÊU LƯ KHÊ <i>huý nhật cổ thi-sĩ Đông-Hồ tại Kiên Giang</i>	55
HOÀNG NGỌC TUẤN <i>tuổi trẻ hư không</i> (truyện dài)	63
TƯỜNG LINH <i>đi câu với Phạm Lê Phan</i> (thơ)	72
KHÈ KINH KHA <i>tình đi mùa thu — chút tình băng khuâng</i> (thơ)	73
ĐÔNG TRÌNH <i>một thành phố cho tương lai</i> (thơ)	74

## SINH HOẠT

TỪ TRÍ <i>thời sự thế giới</i>	75
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	79
TRÀNG THIÊN, THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	81
THẾ NHÂN <i>hoạt động của Trung Tâm học-liệu</i>	85

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ-CHÂU  
Chủ bút :  
Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon  
Điện-thoại : 25.539  
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ-ĐĂNG  
21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon  
GIÁ : 50đ Công sở : 100đ  
Cao Nguyên và Miền Trung  
thêm cước phí máy bay

## Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Phạm Duy còn đó nỗi buồn của Tạ Tỵ do Văn sử học xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 260 trang trình bày cuộc đời của nhạc sĩ Phạm Duy từ khi còn nhỏ, đi học và lúc «bụi đời», đi làm, rồi sáng tác nhạc, đi kháng chiến v.v... những cuộc tình trong cuộc đời và những bản tình ca. Nhiều hình ảnh rất quý giá. Bản đặc biệt. Giá 300 đ.

— Trái đắng trường sinh tập đoàn thiên của Doãn Quốc Sỹ do Sáng Tạo xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm được xuất bản thứ 20 của tác giả dày 120 trang gồm 3 phần. Bản đặc biệt. Giá 140 đ.

— Thư gửi người đàn bà không quen biết (56 câu chuyện với phụ nữ) nguyên tác «Lettres à l'inconnue» của André Maurois, bản dịch của Nguyễn Hiến Lê, do nhà xuất bản Nguyễn Hiến Lê ấn hành và dịch giả gửi tặng. Sách dày 174 trang gồm tất cả những giải đáp cho phụ nữ về ái tình, về tâm lý, và y phục, về quyền lợi v.v. Bản đặc biệt.

— Dạy con theo lối mới của Nguyễn Hiến Lê do Thanh Tân xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 196 trang, in lần thứ 3, gồm 3 phần : Giáo dục mới, vấn đề kỷ luật và những tật của trẻ. Phụ lục : Vấn đề đánh trẻ. Giá 180 đ.

— Tự học, một nhu cầu của thời đại của Nguyễn Hiến Lê do

Thanh Tân xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách in lần thứ 3 dày 238 trang, giúp cho tất cả những người nào muốn tự học, về cách tự học, cách đọc sách v.v... có Phụ lục : Cách đọc chữ Hán. Giá 220 đ.

— Lợi mỗi ngày được một giờ nguyên tác «How to gain an extra hour every day» của Ray Josephs, bản lược dịch của Nguyễn Hiến Lê, do Thanh Tân xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 192 trang, dạy cách tổ chức đời sống hàng ngày, từ buổi sáng thức dậy, làm việc, cho tới buổi tối, đi ngủ, theo những phương pháp lợi thời giờ và hiệu quả. Giá 190 đ.

— Tôi nhìn tôi trên vách, truyện dài của Túy Hồng do Đồng Nai xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 4 được xuất bản của Túy Hồng, dày 458 trang, bìa của Duy Thanh. Giá 360 đ.

— Mùa hạ huyền truyện dài của Túy Hồng, do Văn-Khoa xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 5 được xuất bản của Túy Hồng, dày 424 trang. Giá 400 đ.

— Tay ngọc truyện dài của Nhật Tiến, do Huyền Trân xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 262 trang, in lần thứ 2. Giá 250 đ.

— Trời Âu qua mắt Việt bút ký của Minh Quân do Trí Đăng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 256 trang ghi lại những nhận xét và cảm nghĩ rất độc đáo của một cây bút phụ nữ Việt trong dịp ghé qua các thủ đô và thành phố lớn của Anh, Pháp, Thụy Sĩ, Đức, Ý v.v... Bản đặc biệt. Giá 250 đ.

# Xã hội và văn hóa thái-cổ Việt-nam

(Bài nói chuyện của Giáo sư Trần-Ngọc-Ninh tại thính đường trường Quốc-gia âm-nhạc nhân ngày Giỗ Quốc-tử Hùng-Vương 10-3 Tân-Hợi (1971) do đoàn Văn nghệ Thanh-niên Sinh-viên Học-sinh Tiên-Rộng tổ-chức).

Nếu tiền sử được định nghĩa là thời đại trước khi có chữ viết để ghi chép các sự việc, thì tất cả khoảng thời gian trước khi Triệu-Đà chiếm đoạt nước Âu-Lạc bằng sự phản-bội là thuộc về tiền sử của nước ta. Theo truyền thuyết thì thời-gian ấy gần như hoàn toàn là thời-đại Hồng-Bàng, nhưng ngày nay, chúng ta biết rằng, trước khi có những vương quốc thành hình, thì nhân-loại phải trải qua những nếp sống cộng đồng khác, và những nhân loại ở trên đất nước này cũng đã theo những định-luật ấy.

Bữa nay, trở về nguồn cùng với quý Vị ở đây và tất cả những người Việt còn rung động với ý nghĩa nguyên-thủy của chữ «đồng-bào», tôi muốn phác họa lại một vài nét của đời sống xã-hội và tâm linh trong buổi bình-minh của dân-tộc.

Tôi sẽ để tất cả những vấn-đề quốc-hiệu (Văn-Lang hay Da-Lang) danh-hiệu (Hùng-Vương hay Lạc-Vương) v.v... ra ngoài lề của bài này. Các học giả nước ta thường luận bàn về những vấn-đề ấy với một sự hiểu biết rất sâu rộng về các tài-liệu viết bởi các sử gia Trung-Hoa và Việt-Nam. Tôi không dám đi vào trong cái rừng sách vở ấy, trước

hết vì rằng các tài-liệu sách vở chính đã được dẫn ra về nước ta trong thời ấy đều là sách hậu-biến bởi người Trung-Hoa, và nhiều sách viết ra là để kể những chuyện quái dị của những dân-tộc mà họ gọi là Man, Di; Giá-trị thực của những chuyện ấy chắc cũng không hơn gì phần lớn các sách đương thời nói về những phong tục của người «Mọi cà rãng» hay của một bộ lạc nào đó ở châu Phi xích đạo, nếu người viết không thực sự đã hòa mình với những dân-tộc xa lạ ấy trong nhiều năm. Vả lại, những tên-hiệu mà người Trung-Hoa đã ghi lại tất nhiên đều chỉ là những tiếng phiên âm. Họ có chép về dân Lạc thì theo thiển kiến tiếng «Lạc» này chẳng phải là con chim lạc, con thú lạc hay con sông lạc, mà chỉ vì, theo cách phát âm của hoa-ngữ thượng cổ, thì tiếng «Lạc» mà ngày nay động Quan-hỏa đọc là [lò], chính là âm gần sát nhất với cái tên mà người thổ-dân dùng để tự gọi; cũng như nước Phù-Nam thì là phiên âm tiếng Phnom (núi), Chiêm là Champa v.v... Không biết rõ đời Tân-Hán, người tàu đọc tiếng đó như thế nào; tôi đã tra những sách về Hoa-ngữ thái-cổ và thượng-cổ của Ông Karlgren, nhưng chưa tìm thấy.

Chỉ biết rằng, chép về dân Lạc, mỗi sách viết chữ ấy một khác, từ các tác-giả Trung-Hoa như Tư-Mã-Thiên, Ban-Cổ, Phạm-Việt, đến các tác-giả Việt-Nam đời nhà Trần như Lê-Tắc, Lí-Tế-Xuyên..., và chính điều này cũng lại biện-minh rằng «Lạc» chỉ là một chữ phiên âm, đọc theo lối Hán-Việt, như Ái Nhĩ-Lan là Ireland, Tây-Bá-Lợi Á là Siberia, Thổ-Nhĩ-Kỳ là Turkey mà thôi.

(Trong suốt bài này, nói đến tiếng «Lạc», như Lạc-Việt, Âu-Lạc, Lạc-Vương, Lạc-tướng, v.v... tức là tiếng «Lạc» này; đó là chính tên mà người ngày xưa đã dùng để tự gọi trong thời Hồng-Bàng; tuy rằng ngày nay chúng ta đọc có khác đi thực, nhưng sự thay đổi trong ngữ-âm là một điều tự-nhiên mà ta bắt buộc phải chấp nhận).

Tôi sẽ không trở lại vấn-đề này và cũng sẽ không nói gì đến các vua Hùng mà hôm nay chúng ta kỷ-niệm, vì tôi tin tưởng rằng, ngay từ thời nguyên-thủy, trên đất nước của chúng ta và trong dân-tộc của chúng ta, dân bao giờ cũng quan trọng hơn vua. Đây cũng là một quan niệm về lịch-sử nữa, lịch-sử không phải là của một người hay một dòng họ, mà là của trăm họ và của toàn dân. Trong đời Hồng-Bàng, Hùng-Vương thứ ba hay Hùng-Vương thứ sáu chỉ là những con số trong một chuỗi 18 Vị vua; nhưng chú đánh rậm ven sông gọi là Chử-đồng-tử (cậu bé ven sông) đã khai khẩn một bãi tự-nhiên thành một khu trù phú; hoặc người thanh-niên vô-danh ở làng Phù-đồng đã nhổ ngọn tre mà đuổi giặc xâm lăng, là những người mà dân-tộc sẽ mãi mãi ghi ơn trong những truyện mà suốt từ thừa hồng-

hoang cho đến nay, chúng ta đời đời truyền-tụng. Bởi vậy tôi tin rằng, chính trong ngày Giỗ Tổ này, chúng ta lại càng cần phải nghĩ đến đất Lạc, người Lạc chứ không phải chỉ có vua Lạc có danh hiệu là Hùng, mà thôi.

### Văn-hóa Hòa-bình

Đất nước chúng ta bắt đầu có vết chân người ít ra là từ khoảng 12.000 năm nay.

Phong cảnh khi đó còn hoàn toàn hoang - vu. Ở miền Nam, hồ Toulé Sap còn mênh mông như biển, tất cả lưu-vực sông Cửu-Long còn là một bãi sinh lầy nuốt hết mọi loài muông thú, trừ giống cá sấu. Ở miền Bắc, các đồng-bằng của sông Cái, Sông Đáy, Sông Mã cũng chưa cho phép con người phiêu lưu tới. Từ rặng Lĩnh Nam trở xuống, chỉ toàn là rừng rú âm-u với những loài voi lớn mà ta gọi là *vám*, với hùm beo, trâu rừng, ngựa hoang, chó sói và muôn loài rắn rết sâu bọ dành dật nhau quyền được sống.

Những người đầu tiên xuất hiện ở đây được biết trong khoa tiền-sử dưới danh-hiệu là văn-minh Hòa-bình: những di-tích đầu tiên đã được khai quật lên ở Hòa-Bình, nhưng ở cả Hà-Nam, Ninh-Bình, Thanh-Hóa (Núi Đọ), trong một khu-vực rộng vào khoảng 1500 cây số vuông; với rất nhiều những hang đá và kẽ núi.

Mười hai ngàn năm là một con số tương đối rất mới trong lịch sử con người. Văn-minh đá-đập-dưới có với hầu-nhân ở thung lũng Olduvai (Phi-châu) vào khoảng hơn 500 000 năm trước đây; sau đó ít lâu, là hầu nhân

Java, và hầu-nhân Bắc-kinh. Nhưng hàng ngày người ta càng tìm ra nhiều dấu-hiệu rằng, không những loài người đã phát sinh ra ở ba khu-vực trên, mà có thể còn do một ổ nữa, ở vào khoảng giữa Tứ-Xuyên và Quảng-Tây. Từ bốn khu-vực nguyên-thủy này, định mệnh đã làm ra những lịch-sử khác nhau.

Hầu-nhân Java đã bị tiêu diệt bởi các loài khác.

Hầu-nhân Olduvai đã đi dọc theo sông Nil mà di tản đi nhiều nơi của Cựu-thế-giới và tạo ra những kỹ-nghệ đá đập biệt-tạp tùy theo thổ-sản và trình-độ thủ-công.

Hầu-nhân Bắc-kinh và những hậu-duệ của các giống người sơ-thủy của miền Bắc Hoàng-Hà cũng tản đi nhiều nơi khi những trận gió lốc khủng khiếp tạo ra sa-mạc Ordos và Gobi nổi lên; có thể một số đã theo eo biển Bebring mà trôi dạt sang Bắc Mỹ; những người còn lại, sau cả mấy trăm ngàn năm phiêu dạt, bỗng lại xuất hiện như những nông-dân của làng Ngưỡng-Thiền và trấn Long-Sơn nổi tiếng trong tiền-sử-học: đó là những người thuộc về thời mà hoa-sử gọi là đời Ân (Thương) và đời Chu. Bị ngăn chặn ở phương Bắc bởi những dân du mục thiện chiến biết cưỡi ngựa biết nuôi chó, mà họ gọi là Hung-nô và Khuyển-nhung, họ tiến bước dần về phương Nam. Nhưng cho tới đầu đời Đông Chu, những khu vực ở Miền Nam sông Dương-tử vẫn còn là lãnh-thổ của người Man, người Miêu, người Thái, người Việt và cả trăm sắc dân khác.

Những giống dân này ở đâu đến đây? Họ rất có thể là hậu-duệ của những người sơ-thủy miền Nam Trung-Hoa,

theo nhân-chủng-học vật-lý. Người sơ-thủy ở Tứ-dương (Tứ xuyên) và người sơ-thủy ở Liễu-Giang (Quảng-Tây) đã có những tính cách hình thái của những giống người Đại-dương. Từ những xuất-xứ ấy, họ đã đi về phương Đông và phương Nam, dọc theo những con sông lớn: sông Dương-tử, sông Cái, sông Cửu-Long, sông Ménam, sông Irrawaddy. Họ học đi bẫy, và tản ra khắp các đảo của Thái-bình-dương. Một dòng là những người Nguyên-Indonesian; một dòng là những người Nguyên-Melanesian; một dòng là Nguyên-Môn-Khmer; một dòng là Nguyên-Thái; và có lẽ có những dòng đã sang đến tận bờ bên kia của Thái-bình-dương mà lập nghiệp ở Nam Mỹ, đem theo cả ngôn-ngữ, cả kỹ-nghệ, cả kiến-trúc, và cả những cây dừa ngày nay mọc ở Péru, ở Lagos Santos (Brésil), và ở Chili. Và họ chính là những người đầu tiên đã trốn tránh cái áp-lực xâm nhập của giống người phương Bắc mà định cư ở trên mảnh đất ngày nay gọi là Việt-Nam. Trong thời đại ấy, chưa có biên-giới quốc-gia, mà cũng chưa có quốc-gia.

Những người của văn-hóa Hòa-bình giống như những người Melanesian ngày nay. Họ còn sống theo nếp sống đá đập. Các đồ đá còn thô-sơ và được đeo theo những nhát lớn. Những đồ đá này có thể được dùng để đào bới những củ ăn được, ngoài những công dụng về sự săn bắt các con mồi nhỏ. Thức ăn của họ lấy ở trong thiên-nhiên; họ nhặt ở dưới đất, họ vặt trên các cây. Thịt thì có hươu, nai, gấu, bò, chó, khỉ, và rất nhiều ốc, hến. Không có chứng-

tích gì rằng họ đã biết trồng trọt hay nuôi gia-súc, trừ có loài chó. Họ đã biết dùng lửa để nướng thịt mà ăn, họ biết làm ra lửa nếu lửa bị tắt bằng sự đập đá hoặc cọ gỗ, nhưng thường thì họ phải nuôi giữ ngọn lửa ở cửa những hang họ ở để ngăn các thú dữ không vào được. Họ chưa biết làm đồ gốm.

Những tin tưởng về *Mana* của người Melanesian ngày nay có lẽ đã có từ hồi nguyên-thủy. Họ còn để lại tiếng *ma* trong hoa-ngữ và việt-ngữ. Cái *ma*, cũng như *mana*, là một thứ năng lực vô hình, khả dĩ gây ra được những việc lạ lùng nhưng rất lợi hại cho người ta: một hòn đá ném ra mà trúng được một con thú chẳng hạn, là vì người ném có «cái ma». Nhưng những vật bề ngoài vô-tri, như ụ đất, cái cây, cũng có thể tác dụng vào người ta; khi ấy thì tức là có *con ma*: ngay nay ta cũng còn nói đến con ma cây đề, con ma cây gạo, con ma hòn, con ma đồng; có ma hiền, có ma dữ, và những tin tưởng ấy vẫn còn ở trong tiềm-thức của chúng ta, (Sau này, theo người Trung Hoa di dân, ta gọi một giống ma nước, chết rồi mà còn giữ tinh-thần đối kháng, nhận chìm kẻ địch, là «con nam»).

Đó là một hình thức của những tin tưởng về đời sống u-minh. Những người thuộc văn-hóa Hòa bình chôn người chết, đầu hướng về phía Đông vì họ tin rằng ở ngoài biển Đông là một cõi khác, ở đó linh-hồn của người chết vẫn sống. Các linh hồn được chở đi bằng thuyền sau khi thân xác đã chết.

### Văn-hóa Bắc-sơn.

Văn-hóa Hòa-bình còn đang nảy nở thì một lớp văn-minh khác xuất hiện.

Đợt sau này được gọi là văn-hóa Bắc-sơn. Hai nền văn-hóa chung sống với nhau, như ở Phổ-bình-gia, ở đây, người ta thấy rõ nhất rằng có sự lẫn lộn của hai giống người có những tính cách nhân chủng khác nhau, thuộc hai lớp kỹ-nghệ khác nhau, nhưng ở nhiều nơi khác ở làng Cờm, Khắc kiêm, Đồng thược cũng thấy sự *hỗn chủng* này, với kết quả tất nhiên là những trao đổi văn hóa rất chứa đựng.

Văn-hóa Bắc-sơn đã thuộc về lớp đầu của kỹ-nghệ Tân-thạch. Những vật nhân-tạo tiêu biểu của nền văn-hóa này là những lưỡi đá mài ở mép và lại có một đường rạch ở một bên má. Người Bắc-sơn thuộc về giống Nguyên-Indonesian. Họ đã bắt đầu biết trồng trọt bằng cách cào đất, nhưng phần nhiều vẫn còn sống bằng sự săn bắn. Thức ăn của họ trước hết là dã thú, như hươu, nai và rất nhiều ốc hến. Xương các giống vật được dùng làm dụng cụ để đào đất, hoặc làm kim để may những tấm da khoác. Đồ gốm cũng bắt đầu xuất hiện nhưng còn thô-sơ và đều là đồ làm tay.

Một số người thuộc văn-hóa Bắc-sơn đã rời miền Trung Du đi xuống những vùng đồng-bằng ít sinh-lầy để ở Đa Bút ở Thanh-Hóa, là một trạm tiền-sử ở đó có những ngôi mộ thuộc thời này. Người chết có khi được hỏa-thiêu rồi được nhặt xương đem chôn, hoặc được chôn ngay. Xác chết được bó tròn, và đây là một nguồn tin tưởng khác: người ta tin rằng người chết sẽ hồi-sinh và vì thế phải được chôn vào trong lòng đất như một cái thai nằm trong lòng mẹ. Một vài xác chết được



rắc chu-sa màu máu để giúp cho sự lấy lại sinh-khí. Các di cốt có cả những búa đá và những đồ trang sức ở cạnh, để dùng ở cõi bên kia.

Sự chung đụng của hai nền văn-hóa Hòa-bình và Bắc-sơn đã kéo dài không biết bao nhiêu thế-kỷ. Những người này vẫn tiếp-tục một cuộc di chuyển, rất chậm, về phương Nam.

### Văn-hóa tân-thạch

Đột nhiên, vào khoảng giữa thiên-niên-kỷ thứ ba trước Công-Nguyên, cách chúng ta vào khoảng hơn bốn ngàn năm, bỗng tràn ngập tất cả vùng Bắc-Việt và Thượng-Lào một nền văn-minh mới mà tiêu biểu là lưỡi đá có mấu. Lớp văn-minh này đến như một làn sóng lớn, và phủ lên trên những nền kỹ-thuật Hòa-bình Bắc-sơn và hoàn-toàn thay thế những nền văn-minh cũ. Họ không ngưng lại ở Bắc-Việt, mà từ Thượng-Lào, còn đi dọc theo sông Mekong mà xuống Samrong Sen, Kompong Thom, từ đây, họ tới bán đảo Mã-Lai và sang Nam-Dương quần-đảo. Sau đó lại còn có một dòng nữa, đã đi dọc sông Irawaddy mà vào Miến-Điện.

Những người này, về phương-diện nhân chủng vật-lý, tuy vẫn còn thuộc giống Nguyên Indonesian nhưng đã bắt đầu có những nét hình-thái của Mông-Chung. Chúng ta biết rằng ngay ở Trung-Hoa, những tính-cách Mông-Chung cũng chỉ mới thực rõ vào khoảng đời Chu mà thôi. Dầu sao những người mới đến này, những người dùng lưỡi đá có mấu, cũng còn phải được coi là người Nguyên Indonesian, mặc dầu sự lai giống với người Mongoloid

đã nhiều hơn những người thuộc văn-minh Bắc-sơn. Theo sử của Trung-Hoa, họ là người Lạc (Lò) và chúng ta thường nói là Lạc-Việt. Dầu danh từ này có nghĩa là người Việt ở đất Lạc, hay sự kết-hợp giữa người Lạc và những người cực-nam của « Bách Việt », thì cũng đã mặc nhiên có sự công nhận rằng những người này đã bắt đầu là người Việt.

Lưỡi đá có mấu làm bằng đá nham, được mài nhẵn cả mặt lẫn lưỡi, vừa là nông cụ, vừa là đồ đi săn, vừa là binh-khí chiến đấu. Có nhiều loại rìu đá, lớn nhỏ, nặng nhẹ, dày mỏng khác nhau tỏ ra rằng xã-hội đã được tổ chức một cách phức-tạp. Cái mấu là cái tay cầm, và là cái chốt để cắm vào một cành cây hay một khúc tre. Khi dùng làm nông-cụ thì lưỡi đá rộng hơn và có hình thang, mặt lưỡi nằm ngang thẳng góc với cán như một lưỡi cuốc hay lưỡi thuổng. Vào đến khu vực từ Thanh Hóa đến Sa Huỳnh, Quảng Ngãi, thì có những mặt lưỡi dọc với cán, như những lưỡi rìu của người đốn cây.

Những người này đã biết trồng trọt và nuôi gia súc. Phần lớn còn làm rẫy và họ có những cây dùi để chọc đất mà để hạt giống vào. Nhưng cũng có chỗ đã biết cào đất để gieo giống. Họ trồng lúa, giống lúa được trồng là lúa nếp và lúa tẻ giống như thứ lúa vùng Sơn-Iây, Trung-Hoa. Nhờ sự trồng trọt, họ đã đi từ đời sống kinh tế *nhật* và *vật* (cueillette) sang đời sống kinh tế *gặt* và *cắt*. Họ nuôi chó và bắt đầu nuôi lợn, nuôi gà nhưng chưa khắc phục được loài trâu, loài bò. Họ biết nuôi tầm một công việc rất phức-tạp mà dân Man, dân Miêu

của miền Nam Trung-Hoa cũng đã biết từ thời Thượng-Cổ. Trong sự ăn uống không những họ biết *thui*, biết *nuông*, họ bắt đầu biết *nấu*, biết *ninh* thức ăn bằng những đồ gốm mà họ gọi là *cái* với *cái niêu*.

Đồ gốm trong nền văn-hóa lưới đá có mẫu làm bằng đất sét trộn cát, nung trong lò. Sự trang trí theo kiểu kẻ hà, đan mắt lưới, và chứng tỏ một điều là người thời ấy rất hay dùng tre, nứa để đan các dụng cụ dùng ở trong nhà. Ngay từ lúc này, văn minh Lạc Việt đã là *văn minh cây tre*, nhưng phần lớn các sản phẩm bằng tre đều đã mai một!

Kỹ thuật tân thạch đã cho phép chinh phục một không gian sinh sống vững vàng, và dân số đã tăng thurởng một cách mạnh mẽ. Cùng với sự kiện này, tất nhiên phải có một sự tổ chức xã hội.

Truyền thuyết cho rằng bắt đầu từ lúc này đời sống bộ lạc đã nhường bước cho chế độ quân chủ. Nhiều bộ lạc qui tụ quanh một vị vua, mà đời sau gọi là Hùng Vương. Sự truyền ngôi không qua việc hôn phối như trong thời các vua huyền thoại của Trung Hoa mà ở trong phạm vi của dòng họ, tuy

không bắt buộc là phải dành ngôi Vua cho người con cả.

Các nhóm người trước kia là bộ-lạc, nay định-cư và tụ-bộ lại thành những làng, những mạc, những xóm, nhìn xuống những khu đất trồng trọt của họ. Chắc rằng đã có những luật lệ qui-định sự chia đất để cho công-tư được toàn vẹn. Trong những xã-hội sơ khai, tất cả mọi công việc đều có ý nghĩa tượng-trưng. Sự chia đất trong thời thái-cổ được hình dung trong cách sát chiếc bánh chưng. Cho đến ngày nay, chúng ta vẫn còn giữ cái phép sát bánh của đời xưa, là dùng lạt chứ không dùng dao. Dao là để *cắt* và chia rẽ; nhưng lạt dùng để buộc, và chúng ta *sát* bánh bằng cách buộc xéo sợi lạt và rút hai đầu. Cái bánh được chia không theo kiểu chữ *tĩnh* như Mạnh-Tử viết: Phép chia ruộng lạc có 4 phần giữa và 12 phần bên; nếu phần giữa là phần ruộng công thì tỷ-lệ là 1 công 3 tư, chứ không phải 1 công 8 tư như trong thời gọi là Nghiêu-Thuấn theo sách Mạnh-Tử.

(còn tiếp 1 kỳ)

TRẦN NGỌC NINH

Đã bày bán cuốn truyện dài :

## MÙA HẠ HUYỀN

của TUÝ HỒNG

- Một chuyện thật thấy đã lâu
- Câu chuyện muốn nói : đời càng nhiều đàn bà càng buồn, nhà càng đông con gái càng chán
- Văn lời viết thông minh, có duyên, táo bạo.

VĂN-KHOA XUẤT BẢN

# Hồi quốc

## *giữa hai phong trào ly khai*

Ngày 15-8-1947 sau hơn một năm trời đùng độ đẫm máu giữa hai cộng đồng Ấn-độ và Hồi giáo, hai quốc gia mới độc lập chính thức xuất hiện trên chính trường quốc tế là Ấn độ và Hồi quốc: Hồi quốc sau trên 100 năm tranh đấu đã ly khai khỏi cộng đồng Ấn Độ. Như vậy 4 thế kỷ sống chung giữa hai tôn giáo Ấn — Hồi đã chấm dứt.

Nếu cuộc ly khai Ấn-Hồi năm 1947 là một giải pháp chính trị có thể chấp nhận được trong cuộc tranh chấp tôn giáo tại bán đảo Ấn độ thì về phương diện xã hội, kinh tế cũng như nhân văn, cuộc ly khai này chỉ tạo thêm những khó khăn cho tân quốc gia Hồi mới độc lập. Tuy người ta dựa vào nguyên tắc dân tộc tự quyết để thành lập một Hồi quốc qui tụ các tín đồ hồi giáo, nhưng khi áp dụng nguyên tắc này người ta lại tạo nên một vấn đề thiếu số tại bán đảo Ấn độ. Thật vậy, nếu Hồi- quốc đã cho 70 triệu người Hồi giáo một đất đứng thì tại Ấn độ người ta đã tạo nên một thiếu số Hồi có tới 40 triệu người. Về phương diện kinh tế người ta thấy sự ly khai Hồi Ấn có những hậu quả hết sức trầm trọng. Hồi quốc là một xứ canh nông, trong khi Ấn độ giữ các máy móc trang bị để biến chế và xử dụng các nông phẩm của Hồi. Bông và đay của vùng Đông-Hồi cần phải chở sang dēt ở Calcutta của Ấn. Sau hết

hết giữa Tây-Hồi và Đông-Hồi có một khoảng cách tới 1.600 cây số. Muốn di chuyển từ vùng nọ sang vùng kia người ta phải dùng phi cơ bay qua lãnh thổ Ấn hay dùng tàu thủy chạy vòng quanh lục địa Ấn.

Các khó khăn của Hồi đã dần dần đưa tới phong trào ly khai hiện tại giữa hai vùng Đông và Tây Hồi. Hiện thời chính phủ trung ương Hồi ở Karachi đang cố gắng gửi quân sang đàn áp phe ly khai, nhưng người ta thấy dù muốn dù không một quốc gia Đông Hồi cũng sẽ được thành lập trong một tương lai gần đây. Phong trào ly khai hiện thời chỉ là hậu quả của phong trào ly khai cách đây 24 năm và sẽ chấm dứt một tình trạng vô lý của lịch sử.

**Từ thống trị Mông Cổ  
tới thống trị Anh.**

Hồi giáo du nhập vào bán đảo Ấn độ từ thế kỷ thứ 9. Tùy từng trường hợp, tôn giáo này khi thì tỏ ra hết sức khoan dung, chấp nhận chung sống với các tôn giáo khác, khi thì dẫn thân vào những cuộc thánh chiến đẫm máu để tranh giành ảnh hưởng.

Với chính sách này, 6 vị Hoàng đế Mông cổ lớn nhất đã từ năm 1526 tới năm 1707 đưa Hồi giáo vào thời cực thịnh Hoàng đế Alabar (1556-1605) đã dùng một chính sách nhân nghĩa để thu hút người dân Ấn

độ, bãi bỏ mọi kỳ thị giữa hai tôn giáo. Hoàng đế Aurangzeb (1658-1707 dùng bạo lực để phổ biến kinh Coran) ra lệnh phá các nhà thờ Ấn-độ-giáo.

Với sự thống trị của Mông cổ người ta thấy một nền văn minh Ấn-độ, dung hòa hai tôn giáo Hồi — Ấn, xuất hiện. Khi người Anh bắt đầu đặt nền đô hộ trên bán đảo Ấn độ người ta thấy 1 số lớn các tiểu vương Ấn độ đi theo Hồi giáo. Để đặt nền móng cho sự thống trị của mình, người Anh đã tìm cách loại bỏ dần các tiểu vương theo Hồi giáo. Chính sách loại bỏ ảnh hưởng Hồi giáo ở Ấn độ đã khiến cho người hồi giáo hết sức công phẫn. Họ đã nổi loạn lần đầu tiên chống chính quyền Anh vào năm 1857.

Song song với sự đàn áp Hồi giáo. Người Anh đã cố gắng ưu đãi người theo Ấn-độ-giáo. Các trung tâm văn hóa, thương mại kinh tế đã từ các vùng Hồi-giáo chuyển vào trong lục địa hay chuyển tới bờ biển. Calcutta, Bombay, Madras là những đô thị thương mại mới dành riêng cho người Ấn độ giáo.

Một phong trào Hồi đã được thành lập để chống lại sự lu mờ của Hồi giáo. Phong trào này tìm cách dung hòa truyền thống Hồi với các đòi hỏi của đời sống tân tiến. Syed Ahmed (1817-1898), Ameer Ali (1849-1928) và thi sĩ Iqbal (1873-1938) đã là những cha đẻ của phong trào phục hồi Hồi giáo.

Các hoạt động của 3 nhân vật trên đã được một nhân vật thứ tư là Djinnah hoàn tất bằng cách qui tụ dân Hồi giáo ở Ấn độ trong một quốc gia

mới thành lập.

Syed Amed Khan, sau khi du hành Âu Châu trở về, đã bắt đầu tin tưởng rằng chỉ có cách dùng văn hóa và khoa học Âu Tây mới có thể khôi phục lại quyền lợi cho người Hồi giáo tại Ấn độ, trước các biện pháp đàn áp của Anh. Năm 1875 ông thành lập một tờ báo dùng tiếng Urdu và một trung tâm nghiên cứu Hồi giáo. Trung tâm này sau đó đã trở thành Viện Đại học Aligarh. Đại học Aligarh nhằm mục đích đào tạo những cấp chỉ huy hồi giáo bằng cách cho họ một kiến thức kỹ thuật tân tiến và đồng thời cho họ được hiểu rõ hơn về Hồi giáo. Ngay từ cuối thế kỷ thứ 19 Syed Amed đã nghĩ rằng khi Anh rút khỏi Ấn độ thì người ta cần phải thành lập hai quốc gia tại bán đảo này : một quốc gia của người theo Hồi giáo và một quốc gia của người theo Ấn độ giáo.

Hoạt động của Syed Amed được Ameer Ali tiếp tục, Ameer Ali cố gắng tạo cho Hồi giáo một hình thức tân tiến. Trong cuốn «Tinh thần Hồi-giáo» (Spirit of Islam) ông đã phân tích tư tưởng của Allah để chứng minh rằng Hồi giáo là một tôn giáo đầy tính cách khoa học, khoan dung và cấp tiến. Năm 1909 Ameer Ali cầm đầu một phái đoàn Hồi giáo đến gặp Lord Morley đề đòi cho người Hồi giáo được quyền bỏ phiếu riêng vì nếu bỏ phiếu chung thì họ sẽ bị tràn ngập trong đám cử tri Ấn độ quá đông đảo. Chính phủ Anh đã thỏa mãn thỉnh nguyện này :

Sau Ameer Ali, Iqbal cũng góp phần không nhỏ vào công cuộc phục hưng

Hồi-giáo. Qua các bài thơ của ông, ông đã hun đúc tình đoàn kết giữa các người Hồi giáo. Nếu lúc đầu, ông chủ trương hai giáo dân Hồi và Ấn sống chung thì vào cuối đời ông, ông đã đi dẫn tới quan niệm thành lập một quốc gia riêng biệt. Ông hy vọng rằng vùng Punjab, vùng Sind và vùng Bélouchistan sẽ nhập lại thành một quốc gia tự trị trong Đế-quốc Anh.

Năm 1932, Hội nghị bàn tròn ở Luân đôn giữa Anh và các nhà lãnh đạo Ấn, Hồi không mang lại được kết quả gì đáng kể. Iqbal chán nản đã khuyên những người đồng đạo của ông nên lập ra các tổ chức để tranh đấu riêng rẽ và không cùng tranh đấu với người Ấn-độ-giáo nữa. Thật vậy, từ trước cho tới lúc đó các người Hồi-giáo đã cộng tác với các người Ấn-độ-giáo trong đảng Quốc-đại để tranh-thủ độc-lập. Trong đảng Quốc-đại luôn luôn có những lãnh-tụ theo Hồi-giáo.

Nhưng song song với sức bành trướng của đảng Quốc-đại chính-phủ Anh đã bỏ chính-sách đàn áp Hồi-giáo để ngược lại dùng lực lượng Hồi-giáo ngăn chặn lực lượng của đảng Quốc-đại. Chính phủ Anh càng nhượng bộ Ấn-độ, viễn-tượng độc-lập càng gần, thì người Hồi-giáo lại càng lo sợ cho tương-lai của họ. Họ sợ rằng trong một nước Ấn-độ độc-lập, thiểu số Hồi-giáo sẽ bị dân Ấn-độ-giáo thống trị. Từ trước cho tới lúc đó, hai cộng-đồng Hồi-giáo và Ấn-độ-giáo vẫn sống chung với nhau và không có cuộc tranh chấp nào đáng kể xảy ra. Nhưng bán đảo Ấn-độ càng đi gần tới độc-lập thì

giới trí-thức Hồi-giáo lại càng sợ quyền lợi mình bị đe dọa. Mối lo sợ này đã lan rộng ra trong dân chúng. Và từ các thôn xóm cho tới các đô-thị, dân Hồi-giáo và dân Ấn-độ-giáo đã bắt đầu nhìn nhau bằng cặp mắt nghi kỵ.

Liên-đoàn Hồi-giáo do Ali Mohammed Djinnah bắt đầu từ năm 1937 đã chấm dứt sự cộng tác với đảng Quốc-đại. Năm 1940 trước đại-hội của Liên-đoàn Hồi-giáo ở Lahore Djinnah đã tuyên bố rằng những người Ấn-độ-giáo và Hồi-giáo theo hai triết-lý khác nhau, có những phong tục khác nhau vì thật ra họ thuộc về hai nền văn-minh khác nhau. Vì vậy bắt hai quốc gia này cùng sống trong một chính-thể chỉ đưa chính-thể này tới tan vỡ vì đa số Ấn-độ sẽ thống-trị thiểu số Hồi-giáo. Và bắt đầu bấy giờ người ta nói tới việc thành lập một Hồi-quốc.

Djinnah là một luật-sư ở Bombay tính tình kiêu ngạo. Và cũng vì tính kiêu ngạo này mà ông đã nhất định chống lại sự thống-trị của Anh cũng như của Ấn-độ. Tháng 4-1942 Sir Stafford Cripps thay mặt Anh đề nghị ban hành một hiến-pháp cho Ấn để trả lại cho Ấn-độ độc-lập sau khi chiến tranh chấm dứt. Nhưng đề-nghị này bị cả đảng Quốc-đại lẫn Liên-đoàn Hồi-giáo bác bỏ vì người Ấn không được độc-lập ngay và người Hồi thì thấy nguyên-tắc thành lập một Hồi-quốc không được đề cập tới. Sir Stafford Cripps phải trở về Anh tay không, trong khi Djinnah đi khắp Ấn-độ tuyên cáo là Hồi-giáo đang bị đe dọa và

tạo nên một bầu không khí bất bình trong các tầng lớp Hồi-giáo ở Ấn-độ. Năm 1946, hơn một năm sau khi chiến tranh chấm dứt, Anh vẫn chưa trả lại tự do cho Ấn-độ, Djin-nah quyết định hành động bằng cách kêu gọi dân chúng đứng dậy tranh đấu. Đáp lời kêu gọi của Djinnah trên toàn thể lãnh thổ Ấn-độ dân Hồi-giáo nổi dậy tàn sát dân Ấn-độ. Hàng ngàn người đã bị thiệt mạng trong các vụ thảm sát giữa hai tôn-giáo và hàng triệu người đã bỏ cả nhà cửa đi tỵ nạn.

Trước tình-trạng hỗn loạn này chính-phủ Anh chỉ còn có một cách giải quyết là rút khỏi Ấn-độ càng sớm càng hay. Phó vương Mountbatten đã yêu cầu chính phủ quyết định chia bán đảo Ấn-độ làm 2 quốc-gia. Ngày 15-8-1947 hai nước Ấn-độ và Hồi-quốc được thành lập. Trong khi Djinnah tự phong mình là toàn-quyền Hồi-quốc thì Mountbatten được người Ấn yêu cầu ở lại Tân-đê-li giữ chức toàn-quyền Ấn-độ. Hồi-quốc đã xuất hiện trên bản-đồ thế-giới với hai vùng Đông và Tây cách nhau trên 1.600 cây số, từ vùng nọ tới vùng kia phải đi qua lãnh thổ Ấn-độ. Ngay từ khi thành lập, Hồi-quốc đã phải đối phó với mọi khó khăn đủ loại và mằm ly khai vẫn âm ỉ ngay trong nội bộ của nước này.

### Từ ly-khai Ấn-Hồi tới ly-khai giữa hai vùng Đông — Tây

Hồi-quốc mà Iqbal mơ tưởng vào năm 1930 chỉ gồm có 3 xứ ở phía

Tây Bắc bán đảo Ấn-độ là Punjab, Sind và Bélouchistan. Danh từ Pakistan tức là tên tắt của 3 tỉnh này. Iqbal không bao giờ mơ tưởng tới Bengale ở phía Đông-Bắc bán đảo Ấn-độ. Djinnah đã thực hiện không những được mộng của Iqbal mà còn lấy thêm được miền Đông xứ Bengale.

Về phương diện địa-lý, một Hồi-quốc có hai vùng cách nhau gần 2000 cây số là một hiện tượng hết sức kỳ lạ. Về phương diện nhân chủng giữa dân vùng Tây Hồi và dân Đông Hồi chỉ có một điểm chung là họ cùng theo Hồi-giáo. Dân Tây-hồi cao lớn nước da trắng hơn còn giữ nhiều vết tích của tổ tiên họ từ Thổ-nhĩ-kỳ sang. Trong khi dân Đông Hồi gần dân Ấn-độ hơn. Họ được coi là công dân Hồi-quốc chỉ vì dưới triều đại Mông-cò họ đã theo Hồi-giáo.

Đông Hồi chỉ có 1/6 diện tích của toàn thể Hồi-quốc nhưng hiện thời đã có tới 70 triệu dân trong khi Tây Hồi có diện tích rộng hơn gấp 5 lần mà chỉ có 50 triệu dân. Đông Hồi sản xuất đay và đang chiếm tới 50% trị-giá xuất cảng của toàn thể Hồi-quốc.

Cả hai vùng Đông và Tây đều thiếu kỹ-nghệ. Khi còn thuộc quyền Anh, nông phẩm ở các vùng Penjab, Bélouchist và Bengalean được kỹ-nghệ Ấn-độ xử dụng, biến chế và tiêu thụ. Với sự ly-khai Ấn-Hồi, Hồi-quốc không còn được xử dụng các kỹ-nghệ Ấn nữa.

Trong khi miền Tây tương đối phồn thịnh hơn thì miền Đông-Hồi bị làm mồi cho nạn đói, cho tật bệnh. Ngay từ buổi ban đầu sự thống nhất của Hồi-quốc đã bị đe dọa. Người ta chỉ còn biết siết chặt tình đoàn kết quốc gia bằng cách củng cố Hồi-giáo.

Vấn-đề cần phải giải quyết trước nhất là thảo Hiến-pháp. Quốc-hội lập-hiến được triệu-tập nhưng người ta phải chứng kiến những cuộc cãi vã giữa các giáo-sĩ râu dài lưng thụng trong bộ áo cổ truyền. Nếu người ta chia ghế tại Quốc-hội theo tỷ-lệ dân số thì vùng Đông-Hồi sẽ nắm đa số. Nhưng nếu người ta thiết-lập hệ-thống liên-bang, mỗi tiểu-bang đều có một số đại-diện bằng nhau thì Bélouchistan, với một triệu dân, sẽ ngang hàng với Bengale có 50 triệu dân.

Sau 3 năm cãi lộn, Liaquat Ali Khan đưa ra một dự-án Hiến-pháp dựa trên những nguyên-tắc hồi-giáo như cấm uống rượu, cấm mãi dâm hủy bỏ lãi suất... Ngoài ra dự án này còn trừ liệu một Ủy-ban gồm các nhà thông-thái về Hồi-giáo để duyệt xét xem các đạo luật do Quốc-hội đưa ra có tôn trọng Hồi-giáo hay không.

Nhưng các thành phần trí-thức tân tiến trong nước đã lớn tiếng phản đối dự-án này vì họ sợ quyền hành của các giáo-sĩ quá mạnh có thể làm thiệt hại tới quyền lợi của họ. Và vì họ là những địa-chủ giàu có, đã từng tài trợ Liên-đoàn Hồi-giáo trong cuộc tranh đấu giành độc-lập, nên chính phủ cũng không dám thành lập một chính-thể thần-quyền.

Năm 1958 sau nhiều vụ đảo chính liên tiếp tướng Ayub Khan đã nắm được chính quyền thiết lập một chính thể độc tài quân phiệt và ban hành một "nền dân chủ chỉ đạo". Nền độc tài của tướng Ayub Khan đã kéo dài tới năm 1969 và đã ổn định được một phần nào tình hình chính trị trong nước. Nhưng sau 11 năm sống dưới chế độ độc tài, dân chúng đã nổi dậy biểu tình đòi thành lập một chế độ dân chủ. Ayub Khan đã phải nhượng bộ và rút khỏi chính quyền. Tướng Agha Mohammed Yahya Khan đã lên thay thế ông trong chức vụ Tổng thống. Ông Yahya Khan đã tái lập chính thể quân sự trong khi chờ đợi thiết lập một thể chế dân chủ.

Tháng 12.1970 cuộc bầu cử Quốc hội Lập hiến được tổ chức để soạn thảo một Hiến pháp mới. Hai đảng đã thắng lợi lớn trong cuộc bầu cử này là Liên đoàn Hwami của ông Mujibur Rahman và đảng nhân dân Hồi của ông Zufikar Ali Bhutto.

Liên đoàn Awami đã chiếm được 167 ghế trên 313 ghế tại Quốc hội Liên bang và đảng Nhân dân Hồi cũng trở thành một thiểu số mạnh tại Quốc hội với 82 ghế. Liên đoàn Awami nắm được đa số tuyệt đối là một điều không đáng ngạc nhiên vì Liên đoàn đòi tự trị và bênh vực quyền lợi cho Đông Hồi và dân Đông-Hồi chiếm đa số trong nước. Với thành công của Liên đoàn Awami ông Mujibur Rahman có hy vọng trở thành Thủ-tướng Hồi quốc. Nhưng

những đòi hỏi của Đảng ông và quá trình hoạt động của ông đã đi ngược lại với đường lối của đảng nhân dân Hồi. Từ 23 năm qua ông Mujibo Rahman đã luôn luôn đòi quyền tự trị cho vùng Đông Hồi, Gốc tại Đông Hồi, Mujibo Rahman năm nay 51 tuổi là một địa chủ thuộc giai cấp trung lưu. Ngoài trừ một thời gian ngắn làm việc tại một công ty bảo hiểm, Mujibo Rahman đã dùng cả cuộc đời ông để hoạt động chính trị. Sau khi tranh đấu chống Anh và chống đa số Ấn-độ-giáo, ông bắt đầu tranh đấu chống lại sự lạm quyền của Tây Hồi. Ông không chấp nhận việc 4/5 ngân sách quốc gia được dùng để phát triển Tây Hồi với 50 triệu dân trong khi Đông Hồi với 70 triệu dân chỉ được hưởng có 1/5 ngân sách quốc gia 85% công chức và 90% sĩ quan Hồi đều gốc ở Tây Hồi vì dân vùng này tiến bộ hơn. Nhưng ông Rahman nhất định thay đổi tình trạng này. Ông đòi thành lập một chính-thể liên-bang để mỗi vùng được hưởng một quyền tự trị rộng rãi về mọi phương diện trừ 2 vấn đề chung là ngoại giao và quốc phòng thì trao cho thẩm quyền của Nhà-nước liên-bang. Với một quan-niệm như vậy tại Quốc-hội lập hiến, ông Mujibo Rahman không khỏi làm thay đổi tình trạng hiện hữu của Hồi quốc. Hơn nữa, ông có một đường lối ngoại giao thân Tây-phương. Ông hứa là khi nắm chính quyền sẽ siết chặt liên lạc thân hữu với Ấn-độ và sẽ bỏ mọi đòi hỏi về vấn-đề Cachemire.

Quan-điểm của jibo Rahman đã khiến đối thủ của ông là Ali Bhutto

lo ngại nếu Rahman nắm chính quyền thì bao nhiêu công trình của BhuHo trong chức vụ Tổng-trưởng Ngoại-giao sẽ bị phá hủy hết. Thật vậy BhuHo đã cố gắng có một chính sách thân Nga và Trun Cộng trong nhiều năm qua. Vì vậy mà Hồi đã rút khỏi các tổ-chức liên-phòng do Mỹ và Anh bảo trợ như Tổ-chức Phòng thư Trung-Đông (CENTO) và Tổ chức Liêu phòng Đông Nam-Á (SEATO). Ngoài ra nếu để đảng Awami nắm chính quyền thì Tây Hồi sẽ bị vùng Đông Hồi đa số thống trị.

Vì vậy mà Ali Bhutto đã từ chối không chịu tham gia Quốc-hội lập-hiến. Dân Đông-Hồi coi đó là một hành động nhằm duy trì tru-thế của Tây-Hồi vì vậy họ đã rầm rộ biểu tình chống lại Chính-phủ Trung-ương đóng đô ở Tây-Hồi. Phong trào đòi quyền chính trị được ghép thêm phong trào đòi quyền tự-trị. Tổng thống Yahya Khan phải ra lệnh hoãn ngày triệu tập Quốc-hội và khởi sự thương thuyết với hai ông Mujibo Rahman và Bhutto.

Nhưng quyết-định hoãn triệu tập Quốc hội chỉ làm cho phong trào phản đối của Đông-Hồi mạnh mẽ hơn lên. Từ đòi tự-trị người ta đã bắt đầu tính chuyện đòi ly khai để thành lập một quốc gia riêng biệt tại Đông-Hồi. Tổng-thống Yahya Khan, một mặt thương thuyết với hai lãnh-tụ Bhutto và Rhaman, một mặt cho chuyển quân sang Đông-Hồi để duy trì thống-nhất quốc gia trước các âm mưu ly khai. Nhưng quân đội Hồi phần đông là do sĩ quan Tây Hồi chỉ



huy. Họ không ngần ngại sử dụng võ-lực để đàn áp các người biểu-tình. Cuộc thương thuyết giữa 2 ông Yahya Khan và Rhaman đã kéo dài 11 ngày mà không mang lại được kết quả nào có thể dập tắt ngọn lửa đấu tranh của dân chúng Đông-Hồi. Tổng Thống Yahya Khan nhất quyết chống lại đòi hỏi tự trị của ông Rhaman. Nhưng ông Rhaman nhận thấy đã đến lúc phải khai thác ưu thế chính trị của ông để thực hiện ước vọng của mình từ 23 năm qua nên ông nhất định không nhượng bộ. Tổng Thống Yahya Khan cũng yêu cầu ông Bhutto cộng tác với ông Rhaman. Nhưng ông Bhutto đưa ra điều kiện là ông chỉ cộng tác, nếu ông Rhaman đề ông giữ chức vụ Tổng trưởng Ngoại Giao. Với đa số tại Quốc hội ông Rhaman có quyền lập một nội các vững chắc mà không cần sự tham gia của ông Bhutto nên ông Rhaman đã bác bỏ điều kiện này. Ba biến chuyển đã liên tiếp xảy ra khiến nội chiến bùng nổ tại Hồi quốc và làm gián đoạn cuộc thương thuyết tay ba. Trước hết tại Chittagong trong khi quân đội được chính phủ trung ương gửi từ Tây Hồi sang đang bốc rở quân trang thì họ bị dân chúng Đông Hồi bao vây nhọc mọ. Người ta không biết bên nào đã bắn trước và kết quả là 35 thường dân Đông Hồi bị tử thương. Ông Rhaman phản công lại bằng cách kêu gọi tổng đình công để phản đối. Tổng Thống Yahya Khan quyết định đặt ông Rhaman và đảng Awami ra ngoài vòng pháp luật và ra lệnh cho quân đội «thi hành nhiệm vụ» Một cuộc chiến tranh thật

sự bùng nổ. Thủ đô Dacca của Đông Hồi bị tàn phá. Hàng ngàn dân bị sát hại, và lãnh tụ Mujibo Rhaman bị bắt. Bị bắt ông Rhaman lại càng có thêm uy tín đối với dân chúng, vì từ 23 năm qua ông đã từng bị cầm tù tới 9 năm 8 tháng.

Trước khi bị bắt, ông Mujibo Rhaman đã tuyên bố ly khai khỏi Hồi quốc và thành lập một quốc gia Bengale tự do và độc lập. Chính phủ của Tiểu bang Tây Bengale thuộc Ấn độ, tuy do cộng sản nắm giữ, đã không ngần ngại gửi quân chí nguyện sang trợ giúp quốc gia Bengale mới.

Tuy hiện thời quân đội Tây Hồi đang làm chủ tình thế tại các đô thị lớn nhưng dân chúng Bengale đã rút về nông thôn để tổ chức trường kỳ kháng chiến. Quân đội Đông Hồi tuy mạnh mẽ và được trang bị đầy đủ hơn, nhưng vì phải chuyển vận khó khăn nên khó có thể toàn thắng. Cuộc nội chiến tại Hồi quốc có thể sẽ kéo dài trong nhiều năm nếu chính phủ Karachi không chịu trả độc lập cho Đông Hồi vì giờ đây người ta không còn đòi tự trị nữa mà đòi độc lập.

Cuộc nội chiến ở Hồi quốc đã làm cho các nước lân cận và các cường quốc khó xử. Ấn độ lo ngại rằng cuộc chiến tranh này sẽ tràn sang Ấn hay ít nhất cũng có thể đưa tới sự ly khai của miền Tây Bengale. Mỹ tuy có thiện cảm với phong trào ly khai Đông Hồi nhưng không dám có một hành động nào thân hữu vì làm như vậy sẽ đẩy chính phủ Karachi vào tay cộng sản. Nga và Trung Cộng từ nhiều năm nay muốn dùng Hồi quốc

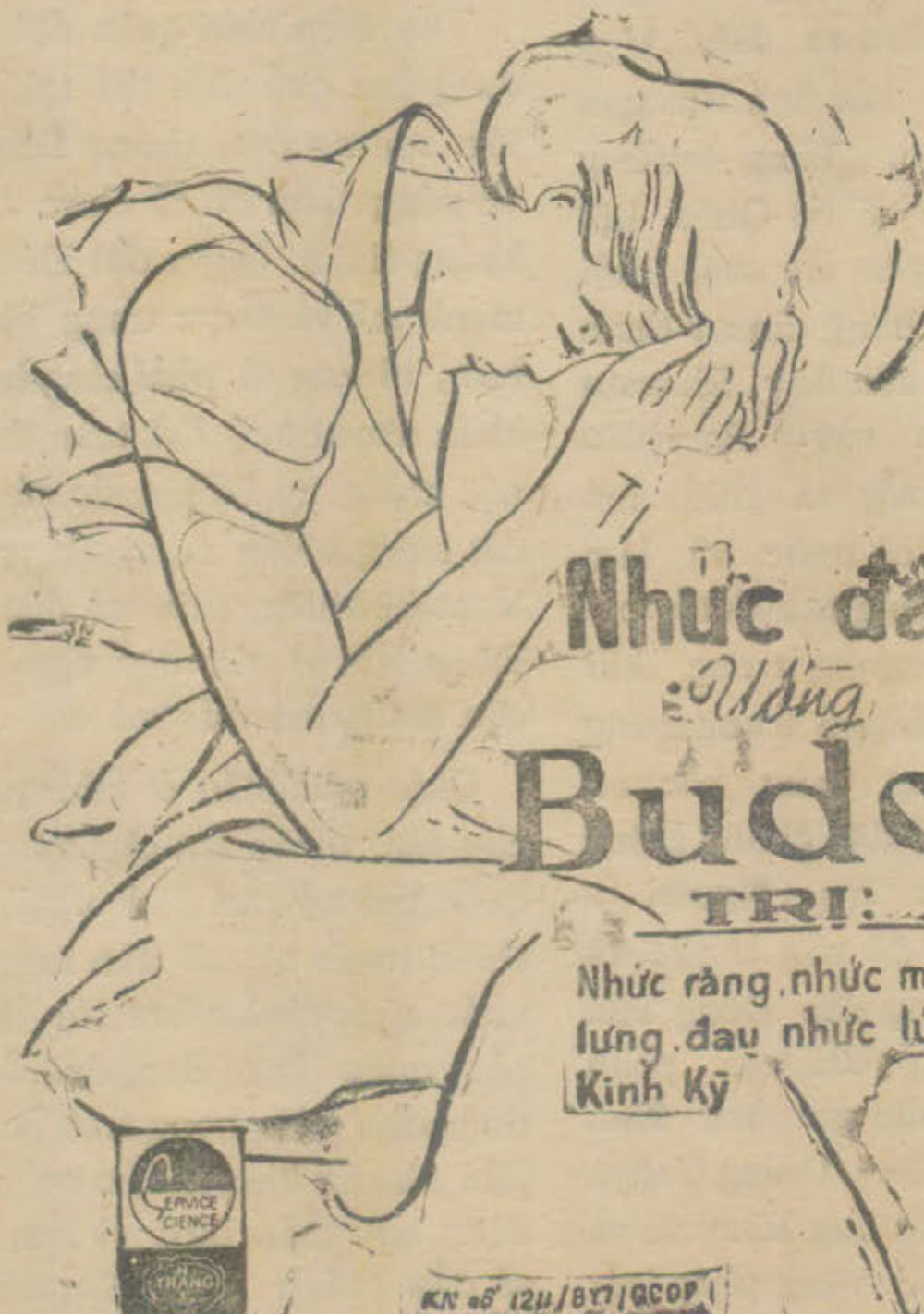
làm lực lượng ngăn cản Ấn độ cũng lúng túng không kém. Vì một Hồi quốc suy yếu sẽ cho Ấn độ một tầm quan trọng lớn hơn tại Á Châu.

oOo

Phong trào ly khai tại Đông Hồi đã là một hậu quả của chế độ thực dân ngày trước. Khi rút khỏi thuộc địa, thực dân Anh đã để lại một di sản là 2 quốc gia thiếu thống nhất, thiếu đoàn kết. Phong trào ly khai này cũng còn phản ảnh bệnh trường thành của các quốc gia mới độc lập. Những biên giới được ấn định một cách độc đoán và giả tạo, những cộng đồng chủng tộc văn hóa khác nhau bị ép uồng

sống cùng nhau không tránh khỏi những cuộc tranh chấp trầm trọng có thể đưa tới nội chiến. Nguyên tắc dân tộc tự quyết, sau khi các thuộc địa được giải phóng vào những năm 1945-1955, đã trở thành một nguyên nhân tan vỡ của các quốc gia mới. Sự rạn nứt nội bộ này đã bắt đầu từ Nigeria với phong trào ly khai Biafra năm 1967, đang được tiếp tục tại Hồi quốc và trong tương lai người ta e rằng sẽ lan tràn tới các quốc gia khác có những dân tộc thiểu tính cách đồng nhất như Ấn độ.

TỪ TRÌ



**Nhức đầu**  
*đông*  
**Budon**  
**TRI:**

Nhức răng, nhức môi đau  
 lưng, đau nhức lúc có  
 Kinh Kỳ

LEVINCE  
 CIENCE  
 TRIANG

KN 05 1211/817/QCOP

# CHOMSKY và Ngữ-pháp biến-tạo

Năm 1957 đánh dấu một kỷ-nguyên mới trong lịch-sử Ngữ-học. Năm đó, Giáo-sư Noam Chomsky, thuộc Viện Đại học MIT xuất-bản cuốn *Syntactic Structures* (Các Cấu-tạo Cú-pháp). Cuốn sách này thật đã bắt đầu một cuộc cách-mạng về lý-thuyết Ngữ-học. Bài này có mục-đích trình-bày lý-thuyết Ngữ-pháp Biến-tạo do Chomsky khởi-xướng và các đồng-nghiệp hay đồ-đệ của ông đào sâu hoặc phê-bình bổ-xung thêm.

Kể từ đầu thế-kỷ này với sự đóng góp của nhà Ngữ-học Thụy-sĩ Ferdinand De Saussure và giáo-sư I.A. Richards (Người Anh) trong những năm 1930 và sau đó, chưa có ai có ảnh-hưởng lớn hơn ông Chomsky đối với việc nghiên-cứu ngôn-ngữ hoặc đã cống-hiến nhiều hơn Giáo-sư Chomsky để chứng-minh rằng Ngữ-học là một kỹ-luật trung-ương cốt-yếu cho sự hiểu biết về trí-óc và cách cư-xử của con người.

Đối với công-chúng trong khoảng năm năm nay thì Giáo-sư Chomsky là một trong những người phản-đối cuộc chiến-tranh ở Việt-Nam và công kích vai-tù của bộ máy quân-sự và kỹ-nghệ trong đời sống Mỹ. Gần đây ông có đi cả Hà-nội nữa. Nhưng còn một Noam Chomsky thứ hai là một học-giả kiệt-xuất trong những

lĩnh-vực Ngữ-học, Ngữ-ý-học, Tâm-lý-học, Giáo-dục-học. Sách vở của ông viết ra nghiên-cứu về Ngôn-ngữ và tư-tưởng rất là chuyên-môn và khó đọc. Nhưng cũng như bài vở của nhà nhân-loại-học Claude-Levi-Strauss, lý-thuyết ngữ-pháp biến-tạo (transformational and generative grammar) là một trong những lý-thuyết chuyên-môn có tính cách vô cùng hấp dẫn cả đối với những người không chuyên-môn.

Chính Giáo-sư Chomsky cũng chịu khó diễn-giải để phổ-biến những công-trình chuyên-môn của ông theo truyền-thống của những triết-gia như Mill và Huxley. Cuộc cách-mạng Chomsky thật ra có từ trước Chomsky. Giáo-sư của ông tại Viện Đại-học Pennsylvania là ông Zellig Harris thật ra đã đặt nền móng cho cuộc cách-mạng đó. Trong cuốn *Methods in Structural Linguistics* (Phương-pháp Ngữ-học Cấu-thức), xuất-bản năm 1951, nhà ngữ-học Harris cũng đã trình bày một vài ý-niệm căn-bản về ý-nghĩa Ngữ-pháp. Cuốn sách của Chomsky sáu năm sau mới xuất-hiện. Nó đã được coi là một cuốn cổ-diễn về lý-thuyết biến-tạo, rồi từ đó nhiều bài biên khảo và sách của Chomsky đã liên-tiếp bàn thêm tới vấn đề, và lẽ tất-nhiên trong những bài diễn-thuyết được dự-thính đông đảo tại

các đại-học Oxford, London, Cambridge, v.v... Ông Chomsky đã có dịp trình bày hoặc trả lời những người phê-bình.

Thoạt tiên có một bài diễn thuyết của Giáo-sư Skinner thuộc Viện Đại-học Harvard đã thúc đẩy ông Chomsky suy-luận thêm về những khoa-học về hành-vi (behavior) của con người. Cuốn *Verbal behavior* (Hành-vi ngôn-ngữ) của Skinner xuất-hiện năm 1957, và bài công-kích của Chomsky thì hai năm sau mới được in ra. Giáo-sư Skinner đã có nhiều công-trình khảo-cứu về các động-vật xem chúng bị kích-thích và phản-ứng ra thế nào. Ông cũng muốn áp-dụng thuyết đó vào hành-vi ngôn-ngữ theo một đường lối giống như là những con chuột tập tìm lối ra khỏi mê-lộ. Như vậy thì, vẫn theo Ông, muốn hiểu được lý-thuyết về Ngôn-ngữ của loài người ta sẽ cần cải-tiến những kỹ-thuật gây ra các kích thích, nghĩa là phản-ứng có điều-kiện vẫn được dùng để dạy một con chuột khi bị lạc đường thì biết cách nhận một cái lò-xo nào đó để đi tới miếng mồi. Skinner chủ-trương rằng nếu ta dạy những động-vật hạ-đẳng kiêu đó được thì một đứa bé cũng học nói kiêu đó, nghĩa là bằng một quá-trình kích-thích và phản-ứng (stimulus and response).

Gần đây cũng có người nêu nghi-vấn về chỗ người ta có thể dạy con chuột những chuyện gì và chúng có thể học những chuyện gì. Chomsky thì cho rằng khảo-hướng của Skinner

Giáo sư

Noam Chomsky



tuy có vẻ khoa-học, nhưng thật sự đã đưa tới sự thoái-hóa về chỗ tâm-lý-học tri-giác. Vì con người ta khác hẳn tất cả các sinh-vật khác ở chỗ có thể học-tập và xử-dụng ngôn-ngữ, là một thứ công-cụ vô cùng phức-tạp, có tính-cách sáng-tạo thuần-túy. Chomsky đã vạch rõ rằng tất cả chúng ta luôn-luôn dùng đến những câu nói mà có thể chúng ta chưa nghe thấy bao giờ, hoặc chưa được học bao giờ, và nhất-định là không ai có thể dùng một kích-thích nào trong hoàn-cảnh chung-quanh chúng ta, để gây nên một phản-ứng có điều kiện sẽ thúc đẩy những câu nói đó.

Thật vậy, ta hãy nhìn vào tuyệt đại đa số những câu mà một người (nói bất cứ một ngôn-ngữ nào) nghe thấy hay đọc thấy trong đời mình. Thực ra người ấy chỉ nghe thấy hay đọc thấy những câu đó có một lần mà thôi. Nói khác đi, trong số những câu mà người ấy sử-dụng thực-sự, phần lớn đều là những câu mới lạ hoàn-toàn. Đây là một điểm then chốt trong bất cứ một lý-thuyết ngôn-ngữ nào.

Theo nguyên-tắc thì người dùng ngôn-ngữ đó có thể sử-dụng được một số vô-hạn-chế các câu nói. Nhưng

trong thực-tế, việc dùng tất cả những câu nói đó sẽ đòi hỏi nhiều thời-gian lắm, thành-thủ không thể thực-hiện được, và mỗi người chúng ta chỉ sử-dụng có một phần có hạn trong số các câu kia thôi.

Ta biết rõ ngữ-pháp của ngôn-ngữ ta nói. Song ta không hẳn đã có thể giảng rõ cho người khác thấy điều hiểu biết của ta. Muốn định-tính một ngôn-ngữ, ta phải nói rõ những điều cần biết để hiểu rõ về ngôn-ngữ ấy. Toàn bộ những kiến-thức này tức là khả-năng hiểu-biết (dịch danh-từ competence) của người nói ngôn-ngữ ấy : hiểu biết về ngữ-pháp của ngôn-ngữ mình.

Ngay từ lúc nhỏ tuổi, một đứa trẻ đã có thể xây dựng và hiểu biết một con số không-lờ các câu nói tuy nghe mới lạ, nhưng nó cũng thấy là «đúng văn-phạm». Ngược lại nếu thấy một câu nói «sai văn-phạm» thì nó cũng có thể biết ngay. Tất cả những quá-trình suy-tư đó phức-tạp vô cùng, có thể đứng giữa địa-hạt sinh-lý và tâm-lý. Chomsky đã xác-nhận lại hồi 1967 rằng ngôn ngữ loài người là một hiện-tượng độc nhất vô nhị, trong thế-giới động-vật không có gì giống nó cả. Nhiều nhà nhân-chủng-học cho rằng ngôn-ngữ loài người là kết-quả một cuộc tiến-hóa từ những phương-thức truyền-đạt thô-sơ hơn, ví dụ tiếng chim kêu vượn hót. Chomsky chủ-trương rằng chỉ có loài người mới có thể sử-dụng ngôn-ngữ một cách hồn-nhiên và sáng-tác. Chomsky phân-biệt hai bình-diện, một bình-diện rất chuyên-môn là sự

trình-bày và miêu-tả một số qui-luật sẽ giúp ta tạo nên những câu đúng ngữ-pháp, chứ không tạo nên những câu sai ngữ-pháp. Bình-diện kia là một bình-diện triết-học vì quan điếm của Chomsky về ngữ-pháp biến tạo liên-hệ mật-thiết tới tính-chất của trí óc con người cũng như tính-chất của cảm-giác. Nguyên đầu thế-kỷ này, cả hai môn toán-học và luận-lý-học đã trải qua một giai-đoạn tự xét lại. Chomsky đã áp dụng hệ thống ký-hiệu của toán và của lô-gích vào chất-liệu đa-dạng của ngôn-ngữ loài người.

Ông nói rằng, trước hết, tất cả những câu nói trong một ngôn-ngữ nào đó đều có thể tạo ra từ một con số nhỏ, những câu căn-bản nếu ta áp-dụng một số những qui-luật về biến-cải. Những qui-luật này đại-khái ta có thể so với những luật về cộng trừ, thay-thế v.v... vẫn được dùng trong số-học và đại số-học. Ngữ-pháp của Chomsky gồm có những qui luật để biến-cải một hình thức ngữ-pháp thành những hình-thức khác, có liên-quan mật-thiết với nó về phương diện ý-nghĩa. Ví-dụ câu : *Giáp yêu Liên*, có thể đổi thành câu, *Liên được Giáp yêu*.

Câu thứ hai có hai bình-diện rõ-rệt. Căn-cứ vào công-trình của các nhà Ngữ-Pháp và luận lý ở bên Pháp trong khoảng những năm 1960, trong khi Chomsky chủ-trương rằng câu «*Giáp yêu Liên*» chính là cái kiến trúc bề mặt, tức sự biểu-hiện ngữ-âm của câu đó: một dấu-hiệu vật-lý. Chúng ta rất có thể áp-dụng kiến-thức truyền-thống

về Ngữ-pháp đã học ở trường vào kiến-trúc đó (chủ-ngữ, vị-ngữ, động-từ, bổ-ngữ, v.v...) Tuy nhiên cái kiến-trúc bề mặt đó nó cho ta biết rất ít về ý nghĩa trong đầu của người nói. Kiến-trúc bề mặt cũng rất đa-dạng: mỗi ngôn-ngữ một khác. Thực sự còn một ít kiến-trúc bề sâu, biểu-hiện rõ ý-nghĩa của câu nói đó tức là ý-niệm Giáp yêu một cô gái tên là Liên. Từ kiến-trúc bề sâu này, là một cái gì phổ-biến trong tất cả các ngôn ngữ loài người, ta sẽ phải qua từng giai-đoạn cải-biến và thể hoán, để tạo nên những câu như «*Giáp yêu Liên, Liên được Giáp yêu*».

Cuốn *Syntactic Structures* đã được dịch ra chữ Hán. Dịch-giả là hai ông Vương-Sĩ-Nguyên (William S. Y. Wang) và Lục-Hiếu-Đông (Hsiao-Tung-Lu). Sách này xuất-bản tại Hương-cảng năm 1966.

Đây là bản dịch Hán-văn đầu tiên của cuốn *Syntactic Structures*, vừa chính-xác vừa trung-thành với nguyên-tác. Hai dịch-giả đã đổi nhan sách thành *Biến-hoán-luật Ngữ-pháp lý-luận*, thay hẳn bài tựa của Chomsky, và dịch rất sát. Thịnh-thoảng mới cắt nghĩa rộng ra và chỉ có một lần là khác với nguyên-bản vì có những vấn-đề lý-thuyết tìm thấy trong những tác-phẩm của Chomsky viết sau năm 1957.

Tất cả những ví-dụ dẫn từ tiếng Anh vẫn được đề nguyên; dị h giả thỉnh thoảng mới thêm những ví-dụ lấy từ tiếng Hán để minh-hiến tính-cách phổ-biến của lý thuyết. Một biểu-kê định từ chuyên-môn Anh-Hán đã được thêm vào và bản liệt-kê những sáng tác của Giáo-sư Chomsky cũng được cập nhận tới 1966.

Nhan sách này bằng chữ Hán như vậy có nghĩa là lý-thuyết về ngữ-pháp biến-tạo, chứ không phải là các cấu-tạo cú-pháp:

Thật ra, lý thuyết về biến-tạo đã được phát-triển rất nhiều từ ngày cuốn sách tiên-phong được ra đời. Giáo-sư Vương-Sĩ-Nguyên bắt đầu dịch từ mùa hè 1962, khi mà đa-số những bước tiến mới nhất của lý-thuyết biến-tạo chưa xuất-hiện. Lúc đầu ngữ-pháp biến-tạo chỉ là một hệ-thống gồm có kết-cấu của một từ-tổ, những phương-thức biến-tạo và những luật biến-âm trong nội-bộ một từ. Đến nay hình thức của ngữ-pháp biến-tạo đã chuyển thành một hệ-thống các định-luật về ba bình-diện: cú-pháp, ngữ-âm và ngữ-ý. Trong thành-phần cú-pháp, mỗi câu lại có một cấu-thức bề sâu và một cấu-thức bề mặt. Đa-số những biến-chuyển này mới được xuất-hiện từ 1963, và đỉnh chót của nó là cuốn *Aspects of the Theory of Syntax*, xuất-bản năm 1965.

Lý-thuyết biến-tạo là phổ-biến và đại-đồng.

Việt :	(1)	<i>Nó rất có liêm-sĩ</i>	(đúng ngữ-pháp)
	(2)	* <i>Nó rất có thư-viện.</i>	( sai ngữ-pháp )
Anh :	(3)	<i>Have you a book on modern music ?</i>	(đúng ngữ-pháp)

- (4) \* *Read you a book on modern music ?* ( sai ngữ-pháp )
- Hán : (5) *Tha ngôn hữu học-vấn.* (đúng ngữ-pháp)
- (6) \* *Tha ngôn hữu phòng-tử.* ( sai ngữ-pháp )

Ý-niệm cho rằng ngữ-pháp độc-lập khỏi ngữ-ý là ý-niệm chính. Trong các ví-dụ trên đây, (1), (3), và (5) thì đúng ngữ-pháp, còn (2), (4), và (6) thì sai.

Lý-do là chính cái cấu-thức bề sâu nó quyết-định xem bao giờ từ *rất* (hay *ngận*) có thể xuất-hiện trước động-từ *có* (hay *hữu*), nghĩa là nó quyết-định xem danh từ nào có thể đứng sau động-từ *có* (hay *hữu*).

Giáo-sư Dương-Đức-Nhự đã có một bài phân-tích về cuốn *Syntactic Structures* đăng trong *Văn-hóa Nguyệt-san* (số tháng 8, 1964. Tập 13 8, tr.1041-1046). Giáo sư Nguyễn-Đặng-Liêm cũng đã dùng khảo-hướng biến tạo để so-sánh ngữ-pháp tiếng Anh và ngữ-pháp tiếng Việt trong hai cuốn sách *A Contrastive Analysis of English and Vietnamese, Vol. I, English Grammar, A combined Tagmemic and Transformational Approach ; A Contrastive Analysis of English and Vietnamese Vol. 3* (Linguistic Circle of Canberra Publications, and Pacific Linguistics, Series C— Books, Nos 3 and 5). Canberra: The Australian National University, 1966 và 1967 Đây là cuốn thứ nhất và cuốn thứ ba trong bộ sách ba cuốn trình bày ngữ-pháp tiếng Anh theo khảo-hướng tác-mem và khảo hướng biến tạo. Cuốn thứ hai trình bày ngữ-pháp tiếng Việt thì chưa ra.

Tác-giả là một nhà ngữ-học Việt-

Nam trẻ tuổi, nhưng đã có nhiều thành-tích sáng-tác và giảng-dạy trong nước cũng như ở nước ngoài. Giáo-sư Nguyễn-Đặng-Liêm, hiện dạy học tại Viện Đại-học Hawaii, có bằng cử-nhân của Đại-học Văn-khoa Saigon trước khi ông qua Viện Đại-học Michigan (Ann Arbor, Michigan) học cao-học. Tại đó, ông đã lấy thêm một lúc hai bằng Phó Tiến-sĩ (tức Master), một về Ngữ-học, và một về Phương-pháp dạy Anh-ngữ. Sau mấy năm làm việc tại Viện Đại-học Saigon, Giáo-sư Liêm qua Úc tiếp-tục học-tập, và có bằng Tiến-sĩ Ngữ-học của Viện Đại-học Quốc-gia Úc-đại-lợi.

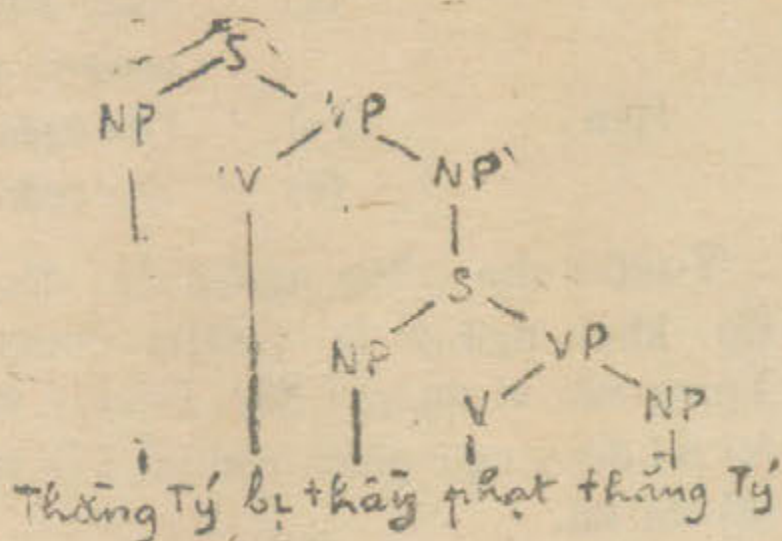
Trong bài tựa, tác-giả có nói: « Đây là một công-trình phân-tích theo phương-pháp đối-chiếu. Đứng về phương-diện lý-thuyết ngữ-học, phương-pháp của chúng tôi đã thử áp-dụng hai lý-thuyết ngữ-học nếu không dẫn đầu thì cũng là trong số những lý-thuyết dẫn đầu của thời-gian mười năm qua, tức là lý-thuyết tác men và lý-thuyết ngữ-pháp biến-tạo.» (Trang XI-XII).

Thật ra, chính lý-thuyết ngữ-pháp biến-tạo đã biến-chuyển rất nhiều từ khi được Giáo-sư Noam Chomsky khởi xướng qua cuốn *Syntactic Structures*, xuất-bản từ năm 1957. Trong bài « tính-chất Luật Ngữ-pháp » (*On the Nature of the «Rule of Grammar»*) hồi 1961, Giáo-sư Chomsky chủ-trương rằng, nếu ta có một câu đơn-giản, ta

có thể biến nó thành một câu phức-tạp hơn (thí-dụ, câu bị-động, câu-hỏi, câu phức-hợp, v.v.) và công-việc biến-tạo đó vừa tiết-kiệm vừa tự-nhiên. Rõ ràng là mô-thức biến-tạo nói ở đây là mô-thức biến-tạo từ một kiến-trúc bề mặt này thành một kiến-trúc bề mặt khác. Nói một cách vắn tắt, kiến-thức bề sâu (deep structure) là ý-nghĩa của câu, còn kiến-thức bề mặt (surface structure) là sự biểu-hiện ngữ-âm của câu đó, cái gì mà ta nghe thấy được.

Giáo-sư Liêm đã đi từ một số kiểu câu đơn-giản (ví-dụ câu khẳng định (1) *Thầy phật thăng Tý*) để tạo nên một số kiểu câu (bị-động (2) *Thăng Tý bị thầy phật*, chẳng hạn), rồi từ đó ông dùng các luật biến-tạo để cải-biến những câu đó thành câu hỏi (3) *Thầy có phật thăng Tý không?*, câu cầu-khiến (4) *Thầy phật thăng Tý đi, v v...*

Giáo-sư Liêm làm thế là theo chương-trình mà Giáo-sư Chomsky nói đến hồi đầu. Chứ hiện nay lý-thuyết về ngữ-pháp biến-tạo thì lại không chủ-trương làm những sự cải-biến về bề mặt nữa. Hiện nay, lý-thuyết về biến-tạo nhấn mạnh những luật chính-xác theo đó mỗi câu phải có một kiến-trúc chiều sâu rất trừu-tượng. Ví-dụ câu, (2) *Thăng Tý bị thầy phật* là do câu (1) mà ra, và cả hai câu đều có kiến-thức bề sâu như sau : (S = câu ; NP = từ-tổ danh từ đứng làm chủ-ngữ ; VP = từ-tổ động từ đứng làm vị-ngữ ; N = danh-từ ; V = động-từ.)



Theo Giáo-sư Chomsky và các nhà lý-thuyết khác thì ngữ-pháp của bất cứ một ngôn-ngữ nào cũng gồm có mấy bộ-phận chính sau đây :

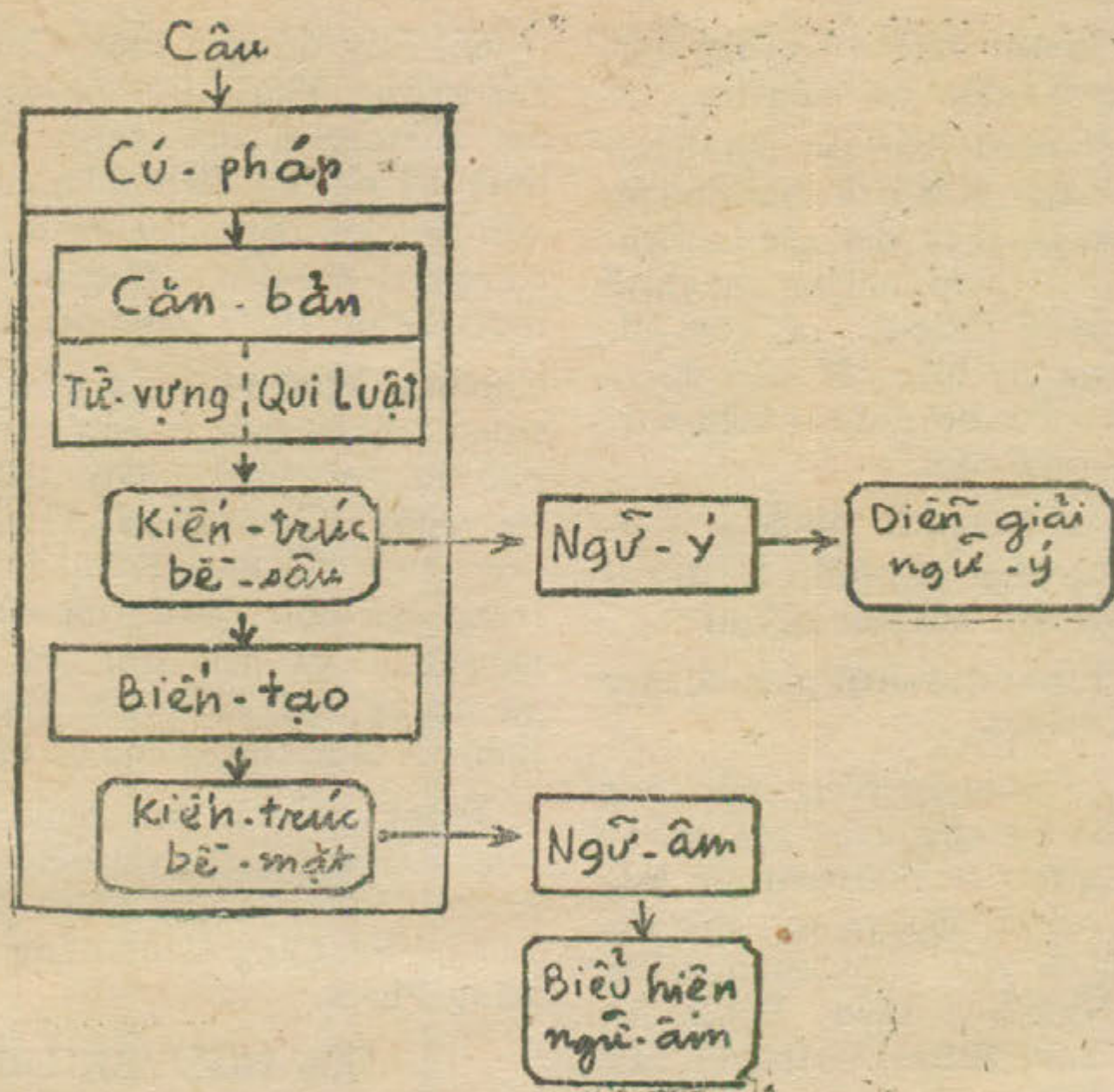
1. Bộ-phận cú pháp gồm có (a) căn bản (b) bộ-phận biến-tạo ;
2. Bộ-phận ngữ ý ;
3. Bộ-phận ngữ-âm.

Vị-trí của những bộ-phận nói trên được trình-bày trong đồ-biểu ở trang sau đây (xem hình bên trang 29)

Thành-phần căn bản của ngữ-pháp gồm có từ-vựng và qui-luật căn-bản.

*Qui-luật căn-bản.* — Hệ-thống những qui-luật này tạo nên những kiểu câu căn-bản, mỗi kiểu được miêu tả rõ-ràng về cách cấu-tạo. Công việc miêu-tả dừng tới những hình vẽ chỉ rõ thành-tổ của từng câu. Bộ-phận căn-bản dẫn tới kiến-trúc bề sâu của một câu. Thí-dụ như hình vẽ ở trang 29 là cấu-thức, là kiến-trúc bề sâu của câu « *Thăng Tý bị thầy phật* ». Muốn đi từ kiến-trúc bề sâu tới câu « *Thăng Tý bị thầy phật* » đó, ta cần phải theo một số quy-luật về biến-tạo, chẳng hạn bỏ từ-tổ danh-từ *Thăng Tý* lần thứ hai, khiến cho người nói tiếng Việt sẽ thốt ra câu : « *Thăng Tý bị thầy phật* ». So-sánh trường-hợp tiếng Anh





«*Ti was punished by the teacher*», do câu *The teacher punished Ti* mà ra, hoặc câu Pháp-ngữ «*Ti a été puni par le maître*» do câu «*Le maître a puni Ti*». Lẽ tất-nhiên trong trường hợp Anh-ngữ chẳng-hạn, từ-tổ danh-từ «*Ti*» phải được mang lên đầu câu, động-từ «*punish*» phải cần thêm «*o be*» và còn phải thêm từ «*by*». Ngoài ra, kiến-trúc bề mặt về cú-pháp cũng còn phải đi qua bộ-phận ngữ-âm trước khi ta có thể có được kiến-trúc bề mặt về ngữ-âm, nghĩa là sự biểu-hện cụ-thể của câu nói.

**Từ-vựng.** — Từ-vựng là một phần của bộ-phận căn-bản bao gồm những từ-tổ của ngôn-ngữ được nghiên-cứu và các đặc-tính của mỗi từ-tổ trên mỗi bình-diện. Hình-thái ngữ-âm của mỗi từ-tổ được phân-định rõ-ràng về sắc-thái ngữ-âm, phạm-trù

cú-pháp, ý-nghĩa của từ-tổ và bất cứ một nét đặc-thù nào khác. Thí-dụ danh-từ «*nhân*» gồm có những sắc-thái (+ danh-từ), (- đếm được), (+ trừu-tượng), v.v...

Riêng danh-từ «*nhân*» phải được phân-tích ra thành những âm-vị như nh-, â-, n.

Hiện nay, người ta đương bàn cãi rất nhiều về bộ-phận từ-vựng, không biết có nên ghi rõ những giá-trị của từng sắc-thái ngữ-âm hay là chỉ dùng những dấu hiệu + (âm), — (dương).

**Bộ-phận ngữ-ý.** — Bộ-phận này diễn-giải ý-nghĩa của kiến-trúc bề-sâu mà bộ-phận căn-bản tạo nên. Nói khác đi, nó cho ta cái mà khái-niệm cổ-truyền gọi là những ý-nghĩa của một câu.

**Bộ-phận biên-tạo.** — Bộ-phận này

là bộ phận lý-thú nhất. Những quy luật về biến-tạo đòi cái kiến-trúc bề sâu do bộ-phận căn bản tạo nên thành kiến-trúc bề mặt. Kết quả của những đợt biến-tạo là thay đổi các thành-tố trong câu, thêm những thành-tố mới, bỏ một số khác đi, nói tóm lại, tất cả những sự biến-cải cần thiết, để đi từ kiến-trúc bề sâu tới kiến-trúc bề mặt của một câu.

*Bộ-phận ngữ-âm.* — Những quy luật trong bộ-phận này giúp ta đi tới sự biểu-hiện ngữ-âm của cả câu.

Tất cả những quy-luật phải đi theo một chu kỳ rõ-rệt.

Ít nhất, Chomsky cũng có công làm mọi nhà học-giả chú-ý tới những vấn đề đã được nghiên-cứu từ thế-kỷ thứ 17, 18 và đầu thế kỷ thứ 19. Chính ông đã viết một cuốn sách, nhan đề là «Ngữ-học theo Descartes» (Cartesian Linguistics) xuất-bản năm

1966. Đây đúng là một «Chương Sử Tư-tưởng Thuần-lý» (A Chapter in the History of Rationalist Thought), thuật lại những điểm then chốt về các vấn-đề cách đây mấy trăm năm đã có người nói đến (Descartes, Corde-moy, Schlegel, Humboldt, v.v...).

Chomsky kể rõ những ý-kiến xuất hiện trong truyền-thống của «ngữ-pháp phổ biến» và «ngữ-pháp triết-lý» rút từ cuốn *Grammaire Générale et Raisonnée* của Port-Royal (năm 1660) trong ngữ-học đại-cương của thời-kỳ lãng-mạn và sau đó, và sau đó, và trong cái triết-học thuần-lý nó làm bối cảnh chung cho cả hai cái trên

Trong một bài sau, chúng tôi sẽ trình bày sơ về một vài kiểu-mẫu ngữ-pháp biến-tạo dùng ví-dụ lấy trong tiếng Việt, tiếng Hán, tiếng Anh và tiếng Pháp.

G.s. NGUYỄN-ĐÌNH HÒA

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

( S . O . A . E . O . )

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 93.741 – 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE  
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique  
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA  
CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

## Giới Đại-thương-gia và Kỹ-nghệ-gia Việt-Nam dưới thời Pháp thuộc

« Kỹ nghệ hóa » và « phát triển thương mại » là hai giấc mơ thực tế của nhiều nước chậm tiến. Như chúng ta ngày nay, hai cố gắng ấy luôn luôn có ý nghĩa của nỗi trông ngóng về một tương lai sáng sủa. Không ai có thể phủ nhận về kết quả hiển nhiên của thương mại và kỹ nghệ, trước hết là làm phong phú đời sống vật chất quốc gia. Từ đó, nó mang thêm nhiều ý nghĩa về mặt chính trị hay xã hội.

Dưới thời Pháp thuộc, sinh hoạt thương mại và kỹ nghệ, còn mang ý nghĩa của những cố gắng đấu tranh giành quyền kinh tế trong tay ngoại nhân. Bởi vậy, đề cập đến giới đại thương gia và kỹ nghệ gia Việt-Nam hồi đó, cũng là một cách nhắc nhở về nghĩa vụ đấu tranh bao giờ cũng phải toàn diện.

Trong bài này, chúng tôi trước hết liệt kê danh sách các đại thương gia và kỹ nghệ gia, sau đó căn cứ vào kết quả công việc làm của họ để có những nhận định về các khía cạnh liên-hệ (chính trị, xã hội, văn hóa v.v...). Tất nhiên, bao giờ chúng tôi cũng muốn nói rằng không một công việc tìm kiếm nào dám tự hào là đầy đủ cả, cũng mong quý vị bỏ khuyết cho những chỗ thiếu sót và chỉ dẫn cho những chỗ sai lầm.

### Các danh từ « thời Pháp thuộc » « đại thương gia » và « kỹ nghệ gia »

Thời Pháp thuộc bắt đầu từ đâu và chấm dứt ở đâu? Năm 1858, liên quân Pháp và Y-Pha-Nho bắn phát súng đầu tiên vào Đà-Nẵng. Năm 1862, quân Pháp chiếm được ba tỉnh Gia Định, Định Tường và Biên Hòa. Năm 1884, hòa ước Patenôtre được ký kết giữa hai chính phủ Việt Pháp, xác định quyền đô hộ của Pháp trên toàn cõi Việt Nam.

Như vậy, trên lý thuyết, thời Pháp thuộc được coi là bắt đầu từ năm 1884 với tất cả yếu tính pháp lý của nó. Trên thực tế, thời Pháp thuộc có thể

coi như bắt đầu từ năm 1862. Tuy người Tây phương tới xứ ta từ những thế kỷ XVI, XVII, tuy người Pháp xâm lăng xứ ta từ năm 1858, nhưng phải đợi tới khi ba tỉnh kể trên bị chiếm đóng, quyền đô hộ của Pháp mới được tổ chức có hệ thống.

Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp. Rồi ngày 19-12-1946, cuộc kháng chiến cả nước bùng nổ, một cách mặc nhiên quyền thống trị của Pháp không còn được thừa nhận nữa. Đó là thời kỳ mà tiếng nói của người Việt vẫn nguyên vẹn một khối. Bởi vậy, đó là lúc thời Pháp thuộc chấm dứt trên mặt lý thuyết, không phải đợi tới lúc hiệp ước Hạ-Long được ký kết

(1948). Trên thực tế mãi cho đến năm 1954, người Pháp mới thực sự rời quyền hành của họ khỏi Việt Nam, khi đất nước này bị chia đôi do hiệp-định Genève.

Trong phạm vi đề-tài, sự qui định trên không phải là một ràng buộc khắt khe. André Dumarest, trong quyển « La formation des classes sociales en pays annamite », có nhận định rằng sinh hoạt kỹ nghệ ở Việt Nam có thể chia làm hai giai đoạn: trước và sau Đại-chiến I (1914-1918), và nền kỹ nghệ mới chỉ có sau năm 1914 (1).

Về thương mại, Dumarest cho rằng các đại thương gia Việt Nam thực sự xuất hiện mấy năm sau Đại chiến, từ những năm 1923, 1924 (2).

Nhận định trên có thể đúng, vì trước thời gian ấy, các kỹ nghệ gia và đại thương gia Việt Nam hầu như chưa có, ngoại trừ trường hợp Bạch Thái Bưởi.

Nhưng, thế nào thì được gọi là đại thương-gia và kỹ nghệ gia?

Kỹ nghệ, hiểu như ngành hoạt động sản xuất với điều kiện kỹ thuật khác với ngành hoạt động thủ công nghệ cổ truyền. Với những phương tiện mới về mọi mặt, kỹ nghệ đóng một vai trò kinh tế khác với vai trò của thủ công nghệ. Danh từ « kỹ nghệ gia » có thể dùng để chỉ những người chủ hoặc những công ty hay cơ sở kỹ nghệ.

Các đại thương gia là những người hay các cơ sở, các tổ chức thương mại với một số tiêu chuẩn. Nhưng, tiêu chuẩn ra sao: số vốn, số lợi tức, phạm vi kinh doanh, số người tham dự kinh

doanh, mức độ luân chuyển hàng hóa...? Cái khó là ở chỗ không phải tài liệu nào cũng đề cập đầy đủ về các chi tiết trên. Bởi lẽ đó, chúng tôi căn cứ trước hết vào tiếng tăm của nhà kinh doanh. Một người được biết đến nhiều trong lãnh vực thương mại, ắt phải có những đặc biệt đáng chú ý, mà tài kinh doanh của họ là nguyên nhân quan trọng tạo nên tiếng tăm ấy. Trường hợp Bạch Thái Bưởi là một dẫn chứng cụ thể. Trong tinh thần này, tài liệu kể miệng của những người lớn tuổi không phải là không giá trị.

Như vậy thì, điều quan trọng của vấn đề là ở chỗ, những người được gọi là đại thương gia và kỹ nghệ gia, là những người đóng góp nhiều vào sinh hoạt kinh tế quốc gia trong một thời kỳ nào đó.

### Liệt kê các đại thương gia và kỹ nghệ gia trước năm 1954

Một vài ghi chú :

- a) những người đã chết : có dấu (+) ở đằng trước
- b) những người không biết rõ : có dấu (?) ở đằng trước
- c) những người còn sống : không có dấu hiệu gì cả
- d) tên cơ sở được viết trong hai dấu ngoặc đơn ( ), tên người viết như thường.

#### I. Giới đại thương gia

Theo Dumarest, trong sách đã dẫn, phải tới những năm 1923, 1924, một số thương gia Việt Nam mới xuất hiện cạnh tranh với các thương gia Tàu hoặc Pháp, mà hai nhà buôn lớn đáng chú ý là Quảng Hưng Long và Vũ Văn An ở Hà Nội. Tất nhiên, trên

toàn quốc không thiếu gì những thương gia hay những cơ sở thương mại quan trọng. Nhưng, các cơ sở đứng vào hàng « đại » thì không có bao nhiêu. Qua nhiều tài liệu, chúng tôi chỉ có thể kể ra được mấy cơ sở sau đây :

(QUẢNG HƯNG LONG) — Société Commercial Annamite Q.H.L., Hanoi.

— Cung cấp mọi thứ vật liệu nặng nhẹ

— Thành lập ngày 15-8-1907, hoạt động trong 24 năm.

— Vốn 181.000 đồng (bước đầu 10.000 đồng, năm 1917 tăng thành 60.000 đồng, tháng 2-1921 lên 120.000 đồng, tháng 2-1924 lên 190.000 đồng, tháng 8-1925 lên 181.000 đồng) (3).

(?) VŨ VĂN AN, Hanoi.

— Đại thương xá, buôn bán đủ mọi thứ hàng.

— Sáng lập năm 1924.

— (không ghi số vốn), lợi tức hàng tháng so sánh được với các đại thương xá của người Âu (4).

(+) BÙI HUY TÍN, Quảng Nam.

— Thầu cung cấp vật liệu xây cất.

— Thành lập ngày 16-10-1926.

— Vốn 60.000 đồng.

— nhân sự : I phụ tá, II giám thị, 6 thợ, 30 lao công (5).

(QUẢNG AN LONG), Quảng Nam.

— Xuất nhập cảng kỹ nghệ và nông nghiệp.

— Thành lập năm 1926, hiệu lực trong 20 năm.

— Vốn 20.000 đồng.

— Nhân sự : các ông

(?) Le Tan Yet (giám đốc)

(?) Nguyen Tan Na (phó giám đốc)

(?) Le Tao (thủ quỹ) (6).

## II. Giới kỹ nghệ gia

Kỹ nghệ trong thời kỳ này chưa có gì là phong phú như ngày nay. Chúng tôi chia ra làm ba loại sau đây : kỹ nghệ nặng, kỹ nghệ chế biến, kỹ nghệ khai thác.

### A. Ngành kỹ nghệ nặng

(+) BẠCH THÁI BƯỞI, Hải Phòng.

1) — Khai mỏ than đá già (anthracite)  
— Cơ sở Fabien ở Quảng Yên, 724 hectares (ha)

— Cơ sở Alexandre ở Quảng Yên, 1.200 ha.

— Cả hai cơ sở này Bạch Thái Bưởi mua lại của ông R. Prekel, từ 1-8-1925

— Vốn bỏ ra : 140.000 đồng (7).

2) Khai mỏ chì :

— Cơ sở Phý Long ở Thanh Hóa 450 ha (8)

(?) BÙI HUY TUẤN, Lạng Sơn.

— Khai mỏ phosphate.

— Cơ sở 698 ha, thực hiện từ năm 1913 (9).

(?) HOANG VĂN TUNG, Hanoi.

— Khai mỏ tungstène.

— Cơ sở Seo-Ho-Lung ở Cao Bằng, 360 ha (10).

(?) HUYNH THI MUOI, Saigon.

— Khai thác cát.

— Cơ sở ở Gia Định, 16 ha.

— Sản lượng trong năm 1925 : 30.000 mét khối (11).

(?) LE THI TAM, Hải Phòng.

— Khai mỏ than đá già.

— Cơ sở Jean ở Quảng Yên, 240 ha, khai thác từ 1925.

— Vốn 80.000 đồng.

— Bạch Thái Bưởi điều khiển việc khai thác (12).

(?) NGO CHAU LIEM, Saigon.

— Khai thác đất sét để làm gạch và ngói.

— Cơ sở ở Đồng Nai Thượng, 300 ha.

— Sản lượng năm 1925: 400 mét khối. (13)

(?) NGUYEN THI HAI, Hải Dương và NGUYEN VAN TAN, Hải Phòng.

— Khai mỏ Kaolin

— Cơ sở ở Hải Dương, 1531 ha.

— Sản lượng năm 1925: 278 mét khối (14).

### B. Ngành kỹ nghệ chế biến

(?) LÊ PHÁT VINH, Saigon

— Nhà máy tơ sợi; sản xuất satin, crêpe, lụa lanh.

— Thành lập năm 1920.

— Dụng cụ: 16 máy dùng sức người

— Nhân sự: 2 phụ tá giám đốc, 30 nhân công kéo sợi, 2 lao công (15)

(LIÊN THANH), Saigon

— Công ty sản xuất nước mắm; khai thác tại Phan Thiết, Phú Hải, Mũi Né, Phan Rí

— Thành lập ngày 15-7-1917

— Vốn 133.500 đồng.

— Chủ quyền thuộc các ông.

(?) Hồ Ta Bang

(?) Nguyen Văn Chu

(?) Nguyen Trong Lai (16)

(?) NGUYEN VĂN TAN, Hải Phòng

— Nhà máy làm đồ sứ; khu vực hoạt động: Đông Triều, Kinh Môn (Hải Dương), Thất Khê (Quảng Yên)

— Thiết lập ngày 12-10-1926

— Vốn 195.000 đồng

— Được chính phủ Pháp thừa nhận bán chính thức là một cơ sở cho toàn cõi Đông Dương (danh hiệu: Manufacture de Porcelaine Industrielle de l'Indochine)

— Nhân sự: 1 kế toán viên, 2 thư ký, 160 thợ (trong có 60 đàn bà, 40 trẻ em), 5 người có chức vụ đặc biệt (?)

— Sản lợi trung bình hằng năm: 50.000 đồng

— Hợp tác với các ông (?) Feutrier

(?) Tissot

(?) Forest

(?) Monthuis

(?) Hoang Ngoc Bach (17)

(+) TRƯƠNG VĂN BÈN, Saigon

— Hãng sản xuất xà bông «Cô Ba», cơ xưởng ở Cholon

— Cung cấp xà bông cho toàn xứ Đông Dương, cạnh tranh hiệu lực với xà bông ngoại quốc.

### C. Ngành kỹ nghệ khai thác

(+) BẠCH THÁI BƯỞI, Hải Phòng

— Chuyên chở đường thủy

— Số tàu thuyền: 15 sà-lúp, 4 tàu kéo.

— a/ Đường sông :

1). *Hanoi đi* : Sơn Tây, Việt Trì, Hòa Bình, Chợ Bờ, Trung Hoa (3 chuyến mỗi tháng vào những ngày 9, 19, 29 âm lịch)

2). *Hanoi đi* : Việt Trì, Tuyên Quang (3 chuyến mỗi tuần)

3). *Hanoi đi* : Nam Định khứ hồi (3 chuyến khứ hồi mỗi tuần ; trọng tải 2.500 hành khách, 323 tấn hàng hóa)

4). *Nam định đi* : Hải Phòng, Phủ Ninh Giang (2 ngày một chuyến ; trọng tải 850 người, 250 tấn hàng)

5). *Nam định đi* : Kim Sơn, Phát Diệm (2 ngày một chuyến ; trọng tải 300 người, 45 tấn hàng)

6). *Nam định đi* : Trúc Ninh (chạy hàng ngày ; trọng tải 120 người, 55 tấn hàng)

7). *Nam định đi* : Yên Trụ (chạy hàng ngày ; trọng tải 120 người, 35 tấn hàng)

8). *Nam định đi* : Ninh Bình, Phủ Nho Quan (mỗi ngày 1 chuyến, trọng tải 155, 47 tấn hàng)

9). *Hải Dương đi* Hải Phòng (2 ngày một chuyến ; trọng tải 200 người, 12 tấn hàng).

10). *Phủ Lý đi* Bến Đục (mỗi ngày 2 chuyến ; trọng tải 150 du khách).

— b) Đường biển : Hải Phòng đi Saigon, Hải Phòng đi Bến Thủy, Nam Định đi Bến Thủy (18).

(?) PHAM VAN PHI, Nghệ An.

— Chuyên chở đường bộ bằng xe hơi.

— Vinh đi Đông Hà (mỗi ngày),

— Vinh đi Tha-Khét (7 ngày một chuyến).

— Đông Hà đi Savanakhet (7 ngày một chuyến).

— Vinh đi Đông Hà và Huế (chuyến thứ) (19).

(+) BUI HUY TÍN, Bắc Kạn.

— Chuyên chở đường bộ bằng xe hơi.

— Hanoi đi ; Thái Nguyên, Bắc Kạn và Nafac (20)

(?) BUI HUY THINH, Mỹ Tho.

— Trồng lúa, 1.668 ha

— Gia súc : 105 bò.

— phụ tá : các ông

(?) Huynh Văn Dương ở Mỹ Tho

(?) Giao Nguyen Si ở Bến Tre. (21)

(+) BUI QUANG CHIÊU, Long Xuyên.

— Trồng lúa, 600 ha

— Sản lượng : 660 tấn năm 1925.

— Gia súc : 90 trâu.

— Nhân công : 5 giám thị, 30 tá điền (22)

(+) MANH HOA HO, Biên Hòa.

— Khai thác rừng

— Theo đúng luật ngày 18 5-1862 của chính phủ thuộc địa. Được chấp thuận độc quyền (23).

(+) NGUYỄN HỮU TIỆP, Hanoi.

— Hăng thầu

— Nhận làm cầu cống và đường sá.

(+) NGUYỄN VĂN KHUÊ, Saigon.

— Mở trường trung học và tiểu học.

— Có từ lớp Năm (Cours Infantio) đến lớp Tú Tài (Première Secondaire).

— Áp dụng chế độ một phần nội trú.  
 — Do nghị định ngày 5-4-1940 của Thống Đốc Nam Kỳ, ông Nguyễn Văn Khuê thay thế ông Phạm Khắc Minh để làm chủ trường tư Tiểu Học và Tiểu Học Cao Đẳng Đông Dương, và tên «Institut Phạm Khắc Minh» được đổi thành «Trường Nguyễn Văn Khuê» (24)

\* \* \*

### Một vài nhận định

— 1) Ở nước ta, kỹ nghệ và thương mại, nếu hiểu theo nghĩa hiện thời, có lẽ cũng chỉ mới có từ thời Pháp thuộc.

Trước thời Pháp thuộc, kỹ nghệ của ta có tính cách thủ công nghệ, tính cách địa phương và tính cách truyền kế gia đình. Người Pháp tới, đem theo nhu cầu và phương tiện mới, thúc đẩy những ngành kỹ nghệ phát triển. Trong bước đầu, ngành kỹ nghệ nặng thu gọn vào việc khai khẩn mỏ than. Về sau đó, ngành này cũng không tiến tới những lãnh vực mới mẻ hơn.

Về sinh hoạt thương mại, dù thời gian trước hay sau Pháp thuộc, tình trạng cũng không mấy lạc quan. Trong nước, các ngành thương mại lớn nhỏ đều lọt vào tay ngoại nhân. Lý do để giải thích tình trạng này, có thể là: một người Việt không có nhiều vốn; hai, người Việt không có óc kinh doanh. Đó là một thiệt thòi lớn cho nước ta.

Trong cả hai lãnh vực thương mại và kỹ nghệ, người được chú ý đầu tiên là Bạch Thái Bưởi. Có thể coi như Bạch Thái Bưởi đã nêu một gương tốt trong sự đánh thức tinh thần cạnh tranh của người Việt. Cho đến nay, ông vẫn

là người được nhắc nhở đến nhiều nhất, và những việc ông làm đôi khi trở thành một sự kiện lịch sử mỗi khi chúng ta nhắc đến tình trạng lệ thuộc của chính mình dưới sự đô hộ của thực dân Pháp. Ngay trong thời kỳ ấy, nhiều người cũng đã thức tỉnh trước thái độ đọa đày của ông. Trên nhiều chuyến tàu, hành khách được nhắc nhở bằng những giọng chữ «ta đi tàu của ta», hay «ta giúp đỡ cho ta» v.v... Rõ ràng là một thái độ đấu tranh có tính cách chính trị một phần nào. Sau khi Bạch Thái Bưởi qua đời, tạp chí Nam Phong nhiều lần đề cập đến công nghiệp của ông trong lãnh vực kinh tế, không ngớt lời ca tụng.

Đối với chúng ta ngày nay, Bạch Thái Bưởi vẫn là một người đáng được chú ý nhất trong tinh thần ấy, về phẩm cũng như về lượng.

— 2). Sinh hoạt thương mại và kỹ nghệ cũng làm nổi bật đặc tính thiên nhiên của nước ta: kỹ nghệ khai mỏ ở miền Bắc, kỹ nghệ trồng lúa ở miền Nam, chẳng hạn.

Đặc thái này còn có ý nghĩa lâu dài, và mãi mãi chúng ta không nên quên điều đó trong sứ mệnh xây dựng xứ sở. Sau năm 1954, tính cách cả nước của sinh hoạt kỹ nghệ và thương mại không còn được duy trì nữa. Hậu quả thứ nhất đối với phần lãnh thổ phía nam vì tuyến 17 là ngành kỹ nghệ nặng hầu như không còn. Trong khi đó, một vài kỹ nghệ mới nảy sinh và phát triển mau lẹ: khách sạn, chiếu bóng v.v...

Sinh hoạt thương mại cũng có nhiều thay đổi giai đoạn về sau này. Nhìn qua bản liệt kê, chúng ta thấy những



cơ sở do người Việt làm chủ tương đối ít, so với tổng số những cơ sở hiện diện được kể như phong phú mà Dumarest gọi là «tình trạng người Việt nhường quyền làm chủ» (sách đã dẫn).

Mỗi ngày người Việt Nam mỗi ý thức được trách nhiệm của mình, nên đã dần dần giành lại quyền làm chủ từ tay ngoại nhân. Một vài dẫn chứng cụ thể có thể cho ta thấy rõ điều ấy: quyền kinh doanh phần lớn đã do người Việt nắm giữ tại các chợ lớn ở Saigon, Mỹ Tho, Vĩnh Long v.v.. Có lẽ đó là tình trạng chung đối với cả những phần đất khác trên toàn cõi. So với tình trạng thời Pháp thuộc, ta phải nhận rằng đó là một tiến bộ đáng mừng,

Ở một vùng đất như miền Bắc, người ta rất dễ phân biệt hai lãnh vực thương mại và kỹ nghệ. Còn ở miền Nam, nhiều khi sinh hoạt kỹ nghệ bị đồng hóa với sinh hoạt thương mại. Thật ra, người ta cũng khó phân biệt nổi hai hành vi thương mại và kỹ nghệ trong một hoạt động kinh doanh. Như trường hợp khách sạn chẳng hạn, trên bình diện này nó là một kỹ nghệ khai thác, trên bình diện khác nó chỉ là một hình thức thương mại.

Một số nhà máy sản xuất (như giấy, đường, xi măng...) có thể lấy nguyên liệu ngay trong xứ. Nhưng cũng có những nhà máy (như ráp xe...), người ta phải nhập cảng vật liệu nghĩa là làm công việc giao thương. Mỗi tương quan quốc tế mỗi ngày mỗi trở nên quan trọng, thì các sinh hoạt kỹ nghệ hay thương mại càng có thêm cơ hội để trở nên phong phú. Tình trạng nghèo nàn của chúng ta như đã thấy chính là do sự giao thương hạn hẹp dưới thời Pháp thuộc.

—3) Sự tập trung quyền và lợi của sinh hoạt thương mại kỹ nghệ, cũng là một điểm đáng chú ý. Thật ra, đặc tính này không đúng riêng đối với một thời nào cả. Thương mại và kỹ nghệ luôn luôn là những sinh hoạt tạo sự phồn thịnh, nghĩa là tạo nên văn minh vật chất.

Những người tham dự vào hai sinh hoạt ấy, bị đòi hỏi nhiều cố gắng, nhiều hy sinh, ngoài ra còn phải hội đủ một số điều kiện chuyên môn. Sự cố gắng và hy sinh của hai giới này, được đền bù bằng một đời sống vật chất rộng rãi.

Trong xã hội, họ là những nhà tư bản, có một nếp sống riêng, tạo thành hẳn một giai cấp của những người giàu có. Không cần phải minh chứng bằng những con số chính xác, ai cũng rõ rằng hai giới này luôn có địa vị của những người thượng lưu trong xã hội. Ngày nay việc học được mở rộng, những nhà kinh doanh không còn là những người không có học như trong xã hội cổ truyền thì uy quyền của họ có một tầm mức chi phối rất mạnh trong đời sống quốc gia. Dưới thời Pháp thuộc, hai giới này đi những bước đầu tiên của giai đoạn đoạt uy quyền của xã hội.

Sự so sánh này cho ta thấy rõ hơn sự chuyển biến của những vai trò xã hội, trong đó giới trí thức (những người làm nghề tinh thần, nghề tự do) đánh mất dần uy tín của mình.

Giới đại thương gia và kỹ nghệ gia được ưu đãi, là do sự cố gắng của chính họ, tất nhiên ta muốn nói đến những trường hợp cố gắng chân chính.

Trong giòng thời gian, sự ưu đãi đó có thể được duy trì vì những liên hệ huyết tộc làm nổi liên thế hệ. Qua mấy tài liệu trên, ta không có điểm nào để xác định rõ điều ấy. Trường hợp của Bùi Huy Tuấn và Bùi Huy Tín, có biểu lộ một liên hệ huyết tộc nào không?

Như vậy, về phương diện văn hóa, cũng nên coi sinh hoạt thương mại và kỹ nghệ là một yếu tố đáng chú ý. Tính cách truyền kế gia đình, một cách ngẫu nhiên là một đặc thái khá độc đáo của các sinh hoạt loại này.

\* \* \*

Sinh hoạt thương mại và kỹ nghệ phải được lưu tâm thật đặc biệt trong giai đoạn này ta mới mong giải quyết được những khó khăn chậm tiến. Kinh nghiệm dưới thời Pháp thuộc cho chúng ta thấy rằng những sinh hoạt ấy không thể phát triển đúng đắn khi ta không có độc lập. Không một kẻ thống trị nào lại có lòng tốt giúp đỡ ta vô điều kiện.

Điều kiện hòa bình cũng rất quan trọng. Không có hòa bình, mọi cố gắng chỉ mang tính cách giai đoạn, và mọi xây dựng cũng chỉ là những kiến trúc trên cát.

Bài này được viết ra cũng là để học hỏi đôi chút kinh nghiệm, và nhờ đó may ra có thể nhắc nhở một vài ước vọng cho tương lai.

NGUYỄN VĂN ĐẬU  
PHẦN CHÚ THÍCH

(1) Dumarest, *La Formation Des Classes*

*En Pays Annamite*, Lyon, 1935, trang 55.

(2) Sách đã dẫn, trang 212.

(3) *Annuaire Economique De l'Indochine* 1926-1927, première partie, trang 342/3 342/4 của phần số 3.

(4) Xem chú thích(2).

(5) Sách dẫn ở chú thích (3), deuxième partie, trang 51/9 của phần số 5.

(6) Sách đã dẫn, trang 617/17 của phần số 6.

(7) *Annuaire économique de l'Indochine* 1926-1927, Gouvernement général de l'Indochine — Direction des Affaires économiques, première partie, Hanoi, trang 111/19 của phần số 1.

(8) Sách đã dẫn, trang 13/22 của phần số 1.

(9) Sđd trang 123/8 của phần số 1.

(10) Sđd, trang 13/18 của phần số 1.

(11) Sđd, trang 111/4 của phần số 1.

(12) Sđd, trang 111/32 của phần số 1.

(13) Sđd, trang 14/14 của phần số 1.

(14) Sđd, trang 141/7 của phần số 1.

(15) Sách dẫn ở chú thích (5), trang 452/19 của phần số 4.

(16) Sđd, trang 475/3 của phần số 4.

(17) Sách dẫn ở chú thích(3) trang 342/3-34/14 của phần số 3.

(18) Sách dẫn ở chú thích (5) trang 532/2 532/3 của phần số 5.

(19) Sách đã dẫn, trang 533/23 của phần số 5.

(20) Sách đã dẫn, trang 533/15 của phần số 5.

(21) Sách dẫn trang ở chú thích (3), trang 21/41 của phần số 2.

(22) Sách đã dẫn trang 21/36 của phần số 2.

(23) *Rapports Et Documents*, phúc trình của Ủy ban Kinh tế Nam Kỳ, Saigon, 1-11-1865, trang 46.

(24) *Bản Trẻ Học Sinh*, Bán nguyệt san Saigon, số 1, 25-4-1940, trang 2-3.

Nhân cuộc tổng tuyển cử  
tháng 3-1971 tại Ấn-độ :

## Một vài nhận-xét và kỷ-niệm về ẤN ĐỘ

Có thể nói rằng — hay đúng ra : phải nói rằng — cuộc tổng tuyển-cử tại Ấn-độ từ 1 tới 10-3-1971 (1) vừa qua là một sự việc phi-thường :

— Đáng lẽ pháp-nhiệm được chấm dứt vào tháng 2 năm 1972, nhưng vì lý-do chánh-trị đặc-biệt (mà chúng ta sẽ phân-tách ở một đoạn sau), tháng 12 năm 1970 Thủ-tướng Ấn-độ là bà Indira Gandhi đã yêu-cầu Tổng-thống Giri giải-tán quốc-hội, và tổ-chức tổng tuyển-cử 12 tháng sớm hơn hạn định.

— Ấn-độ là quê-hương của bất bạo-động, là xứ-sở của đạo Phật từ-bi, Vậy mà cuộc tổng tuyển-cử đã gây ra không biết bao nhiêu tang-tóc : 40 người đã chết ; 200 người bị thương ; 5 ngôi trường bị đốt ; bom nổ tại tư-thất một vị thẩm-phán ; 5 phòng phiếu phải đóng cửa, (vì các phần-tử đối-lập bạo-động làm 40 người bị thương); bà Thủ-tướng Indira Gandhi nói chuyện với cử-tri bị la-ó hỗn-loạn, ồn-ào... Trong khi đó, báo-chí loan tin một cách bình-thản : trong đêm, có 8 người bị cắt cổ chết, tại Aligarh (thuộc tiểu-bang Uttar Pradesh); hôm sau,

lại thêm 13 người bị bắn tử-thương... Và tại Calcutta, trong mấy ngày liền, mỗi ngày ước chừng có tới 10 người bị ám-sát vì tuyển-cử...

— Tất cả có tới hơn 200 triệu cử-tri, và 2782 ứng-cử-viên tranh-dành 518 ghế trong Hạ-viện... (2). Có 862 tấm phiếu bầu, với tên in và hình vẽ làm biểu-hiệu (vì 75% số cử-tri không biết chữ!). Trong số các hình vẽ làm biểu-hiệu, có «chiếc đèn dầu», có «ngôi sao», có «dưới liềm và bông lúa», có «bò mẹ với bò con», có «thiếu-nữ ngồi dệt vải»...

(1) —. *Tuyển-cử không diễn ra tại khắp nơi trong cùng một ngày mà «lai-rai» lần-lượt trong 10 ngày, Như vậy để một số các nhân-viên phụ-trách tuyển-cử (nhất là các nhân viên cảnh-sát an-ninh) có thể hiện-diện tại khắp các đơn-vị. Mặt khác, tuyển-cử không hoàn-tất trong giới-hạn 10 ngày, như đã dự định. Tại một số đơn-vị, cuộc bầu phiếu đặc-biệt được hoãn tới cuối tháng 5-1971. Vì ứng-cử-viên bị ám-sát, hoặc vì đường-xá cách-trở và hiện nay trời lạnh, tuyết sa...*

(2) —. *Hạ-viện đại-diện quốc-dân (Lok Sabha), có 521 vị (trong số này, có 3 vị được chỉ-định, và 518 do dân bầu). Thượng-viện đại-diện các tiểu-bang (Rajya Sabha), có 250 vị (trong số này có 12 vị được chỉ-định, và 238 vị do Hội-đồng tiểu bang bầu nên, theo tỷ-lệ dân-số nhiều ít).*

— Có cả thầy 2 triệu viên-chức phụ-trách điều-hành tuyên-cử. Vị Thống-đốc Tây Bengale, trong đó có Calcutta, yêu-cầu tiếp-viện 100.000 cảnh-sát để giữ trật-tự. Hàng trăm ngàn thùng phiếu bằng sắt được di-chuyển, đội trên đầu người hay chất trên lưng ngựa, đến tận các địa-phương hẻo-lánh. Có một số đơn-vị phải tổ-chức bầu lại, vì nhân-viên hay ứng cử viên bị đâm hay bị bắn chết (như tại Kerala), hoặc thùng phiếu bị «âm» đi mất dạng... Một số nhân-viên tuyên-truyền, ủng-hộ hay chống đối, xung-đột hay lưu-huyết, tại chỗ...

— Phái ủng-hộ bà Indira Gandhi hô: «Hãy diệt nghèo-nàn từ cỗi-rễ». Phái chống-đối hô: «Indira, hãy rút đi!...»

— Bằng đủ mọi phương-tiện (phi-cơ, trực-thăng, xe hơi, xe lửa...), bà Indira Gandhi đã di chuyển tới 64.000 cây số, tiếp-xúc với hơn 40 triệu cử-tri. Thức giãc từ 5 giờ sáng, không đi ngủ trước nửa đêm: có ngày bà đọc tới 40 bài diễn-văn, ngắn dài tùy nơi, tại các địa-điểm khác nhau và trước các cử-tri thính-giả đủ loại.

— Và bà Indira Gandhi đã thắng cuộc, vẻ-vang. Vì lòng quả-cảm dám đương-đầu với các thử-thách, với đức-tính tể-nhị và kiên-nhẫn đã tạo nên thời-cuộc, thực-tế và khéo-léo khai-thác tận-cùng hết thầy các lá bài.

— Bà Indira Gandhi đã tỏ ra là một nhà chiến-lược kiêm chiến-thuật về chánh-trị...

□□□

Muốn hiểu biết vấn-đề, một vòng

du-lịch Ấn-độ, dù ngắn-ngủi và chỉ lướt qua, thiên-nghĩ cũng cần-thiết và lý-thú.

Đây là lần thứ 6, dân-chúng Ấn-độ được mời tới các phòng phiếu, kể từ khi độc-lập và chủ-quyền được văn-hồi, ngày 15-8-1947. Ta không thể nhìn Ấn-độ là một quốc-gia như bất cứ một quốc-gia nào khác trên thế-giới, mà phải coi Ấn-độ là một bán lục-địa, với dân-số 560 triệu (1) Bán lục-địa đó gồm 18 tiểu-bang và 9 địa phương (territoire). Tiểu-bang nhiều dân nhất có 85 triệu (Uttar-Pradesh); ít dân nhất có 400 ngàn (Nagaland); còn trường-hợp bình-hường là từ 15 tới 30 triệu. Địa-phương nhiều dân nhất có 3,7 triệu (New Delhi); ít dân nhất có 26.000 người (đảo Laquedives, Minicoy và Anindivi). Có cả thầy 1652 thổ-ngữ: 14 thổ-ngữ thịnh-hành nhất được ghi trong hiến-pháp, với vai trò «quốc ngữ» để sử-dụng chánh-thức, được chia xếp theo thứ-tự quan-trọng như sau :

Hindi	210 triệu người,
Télougou	45 »
Bengali	40 »
Marathe	40 »
Tamoul	36 »
Ourdou	28 »
Goudjerati	24 »
Kannada	21 »
Malayalam	20 »

. . .

(1) — Ấn-độ là nước đông dân thứ nhì thế-giới, sau Cộng-Hòa Nhân-dân Trung Hoa 800 triệu người. Dân-số Ấn-độ là 1/6 dân số thế-giới, và gần gấp hai dân-số toàn-thê châu Phi với 45 quốc-gia...

Có 4 tôn-giáo chánh được chia xếp theo thứ-tự quan trọng như sau :

Ấn-độ giáo (Hindous)	440 triệu người.
Hồi-giáo (Musulmans)	50 »
Công-giáo	1 »
Sikho	9 »

Tín-đồ Ấn-giáo tôn-sùng bò ; tín-đồ Hồi-giáo tôn-sùng heo. Và thường khi những vụ lưu huyết rừng-rợn đã xảy ra, chỉ vì vấn-đề thịt bò hay thịt heo...

(Một hôm tác giả bài này tới thăm thân-phụ một người bạn, do chính bạn giới-thiệu và gửi-gắm. Câu chuyện đang nồng-mặn, gia-chủ bỗng hỏi tôi : ở Việt-Nam có ăn thịt bò không ? Tôi trả lời : có. Ông hỏi tiếp chính tôi có ăn thịt bò không ? Tôi lại trả lời : có. Và ông buồn rầu tuyên-bố : ăn thịt bò phải tội. Sau đó, thỉnh thoảng trung bình mỗi tháng một lần, ông gửi thư cho tôi như tổng-đạt án-lệnh, cho biết tôi sẽ bị giải ra trước pháp đình trên thiên giới và sẽ phải nộp phạt vì phạm lỗi...)

Ấn-độ là một nước giàu, nhưng dân Ấn-độ lại là một trong số dân nghèo nhất thế-giới Đại đa-số của cải nằm trong tay tối thiểu số tư bản. Và đại đa-số người Ấn sinh ra đời là để mắc nợ, không ai biết kể chính cả đương sự, từ bao giờ và cho đến bao giờ!.. «Phụ trái tử hoàn» Nợ chồng chất do cha ông để lại, và chính đương-sự sẽ để lại cho các con cháu sau này. Có những người Ấn-độ nghèo-nàn, sống nửa người nửa vật, trông thật thương-tâm và thảm-hại.

Trong số những người được coi như có việc làm hay ít ra cũng không thất nghiệp, ta phải kể tới các công-nhân tại Calcutta (thuộc miền Tây

Bengale đã được nhắc tới trên đây). Một số phu phen, lao công, lãnh lương công-nhân (nghĩa là làm ngày nào lãnh lương ngày đó) không quá 2 rupes ; tính theo mãi-lực đồng khoảng 80 đồng Việt-nam, trong khi một món ăn khả-dĩ chấp-nhận (có thể so-sánh với một tô phở của ta) cũng phải trả tới 50 đồng. Như vậy có nghĩa là ăn chưa đủ, nói chi tới các mục phù-phiếm xa-hoa, như gia-đình thân-thuộc, y-phục thời-trang, hay tiết trời nóng lạnh ?..

Năm 1970, lợi-tức đồng niên của một người dân Ấn-độ tính trung-bình lối 80 Mỹ-kim, nghĩa là còn kém xa tại Việt-Nam. 80 % dân-chúng Ấn-độ theo nông-nghiệp, và 40 % trong số nông-dân này sống ở dưới mức được coi như «quá nghèo nàn». Kỹ nghệ mở-mang từ khi độc-lập hiện nay thâm dụng tới 20 triệu công-nhân. Mặc-dẫu vậy, từ 1960 tới 1970, số người thất-nghiệp đã tăng từ 5.3 triệu lên tới 15,6 triệu. Cái vòng luẩn-quần là kỹ nghệ-hóa nói chung và cơ-giới-hóa nông nghiệp nói riêng để tăng gia sản xuất, nhưng sự-kiện đồng thời còn có nghĩa là tiết kiệm nhân công, và do đó, sa thải một số công nhân(1)...

(1)—. Tại thủ đô New Delhi, ở nhiều khu buôn bán và đôi khi ở ngay trung-tâm thành-phố, đêm đến thường có những người nằm ngủ la-liệt dưới hàng hiên, hoặc ở trong những ngôi cỏ mọ ! Có một năm trời lạnh, đã có tới 300 người chết rét. Có một năm khác trời nóng (có nơi hơn 45 độ dưới bóng cây), đã có tới 300 người chết nóng...

Tại Calcutta với 7.800.000 dân (nghĩa là gấp 4 Saigon), người ta ước có tới 200.000 thường trực sống ngoài trời, mùa đông cũng như mùa hạ. Một số khác, may mắn hơn đôi chút, trong giờ làm việc ở sở hay ở xưởng. Ngoài giờ làm việc, nếu là ngày thì đi lang thang ; nếu là đêm thì vào ngủ «khách sạn». Một chiếc phòng con đủ cho lối 10 người ở : ngủ nằm, ngủ ngồi, ngủ đứng, sát vào nhau, và nhóm này đi là tức khắc có nhóm khác tới nơi thay thế. Chủ «khách sạn» không cho thuê phòng, mà cho thuê chỗ ; không cho thuê ngày (hay đêm) mà cho thuê giờ...

Đối với một hạng người rất đông đảo, mức sống cùng cực là hậu quả dĩ-nhiên, không thể tránh...

Đã vậy, số người khả-thủ nhưng thất nghiệp đó còn, bị lạc lõng trong gò bó chật-hẹp của định-kiến hay giai cấp. Người ăn đói, trong khi những đàn bò vĩ đại thân nhiều gặm cỏ non, hay đôi khi ăn cả đế giấy rẻ rách mà không dùng vào được một việc gì: bò nằm nghênh ngang ở giữa đường, xe hơi đi phải cung kính tránh xa; bò vào tận phòng đợi nhà ga, và khách chờ tàu không buồn và cũng không dám đuổi đi... Thóc gạo không đủ cho người ăn, trong khi những đàn chuột đồng tự do phá hoại mùa màng, mà người dân Ấn kiêng sát-sinh nên không dám trừ khử (1).

Chúng ta có thể đặc biệt gặp những con hươu tại Nara (bên Nhật bản) bình-yên tiến tới du-khách để xin ăn bánh. Vì trong khung-cảnh công-viên, đàn hươu sống như trong thiên-nhiên, đã được huấn-luyện như vậy từ qua bao đời kiếp. Chúng ta cũng có thể đón tiếp những con chim bồ-câu mạnh-bạo bay tới đậu trên cánh tay, để nên thơ mề các hạt gạo hạt thóc trong lòng bàn tay, trên thềm thánh-đường ở Venise (bên Ý). Vì từ đã bao thế-kỷ, cho chim ăn như vậy đã trở nên một trong các thú-vị của khách viễn-phương. Nhưng thông lệ tại Ấn độ, là chúng ta không nên ngạc-nhiên khi thấy, sau khi bắt được ruồi, muỗi, rán ở trong nhà, người bồi hầu lạng-lẽ mang ra sân sau phóng-thích. Đi thăm mấy ngôi cồ-mộ ở ngoại châu-thành, chúng ta có thể

gặp những bày khi hồn-nhiên nhảy truyền trên các cành cây găn-gui, không một chút e-dè, sợ-sệt... Hoặc ngồi quán nước giải khát bên đường, chúng ta có thể trầm-ngâm ngẫm-nghĩa, hay sốt-sắng đùa nghịch với mấy con sóc di-chuyển ở dưới chân, đôi khi ngay trên mặt bàn, chờ đợi bánh quà...

Trên đây có nói tới giai-cấp. Đó là một sự-kiện thật dễ hiểu mà cũng thật khó hiểu, đơn-sơ mà phức tạp vô cùng...

Những giai-cấp thượng-tầng, có của ăn của để, liên-kết chặt-chẽ với nhau. Một số thanh-niên cấp-tiến thường trách-móc các giai-cấp đó vị-kỳ, đôi khi đối với người đồng-bối mà không bằng loài gia-súc. Một vị tiểu-vương mua sữa cho voi uống, trong khi dân ở vùng ông chết đói. Một vị tiểu-vương khác tốn-kém nuôi cả mấy tàu ngựa chạy thi, không những tại Ấn mà còn tại Anh, tại Pháp. Từng phen, vị tiểu-vương đó đã đáp hàng-không hạng nhất hay phi-cơ riêng, di-chuyển du-hí, để dự một cuộc đấu khúc côn cầu, hay viếng-thăm các con ngựa quý. Tại một tiểu-bang miền Nam, vị tiểu-

(1) Một bản thống-kê cách đây mấy năm cho biết số lượng nông phẩm được chuột «chiếu-cổ» hay bị chuột làm hư hại trên toàn quốc, trong một năm, có thể đủ nuôi s<sup>h</sup>na đ<sup>h</sup> một tiểu bang nhỏ, trong một tháng. Một tiểu bang nhỏ, nghĩa là cũng xấp xỉ như nước Việt-Nam...

vương đón-tiếp thượng-khách. Đầu voi trang-sức bằng vàng bạc; lưng voi trải đệm lụa và nhung. Còn chủ và khách dự dạ-hội, đi hài làm bằng vàng y: chân bước nặng-nề, cứng nhắc, nhưng thú-vị, vì sang-trọng, đắt tiền... Trong một đoạn sau, chúng ta sẽ có dịp bàn tới đề-tài: bà Thủ-tướng Indira Gandhi (1) và «quỹ riêng của các vị tiểu-vương» (privy purse, marahadja).

Mặt khác, các giai-cấp hạ-tầng thường an-phận, sợ-sệt, hay hiếu-cổ, và giữ giá. Các người này cũng liên-kết đày, nhưng một cách mù-quáng, cực-đoan, nên xét cho cùng: có hại hơn có lợi... Trường-hợp không phải diễn ra hàng ngày, nhưng một người tài-xế có thể từ-khước chỗ làm, chỉ vì nhà chủ đặt điều-kiện: tài-xế lái xe, lau xe, rửa xe và quét dọn nhà xe cho sạch-sẽ. Vì người tài-xế này «quí-phái», quan-niệm mình chỉ có bổn-phận lái và sửa xe: còn việc rửa xe và quét dọn nhà xe tầm-thường thấp kém, là dành cho kẻ «tiện dân» (2) ở bực thang cuối cùng trong xã-hội!

Một hôm, ông chủ bảo tài-xế rửa xe. Đương-sự từ-chối, khiến ông chủ bất-bình định cho nghỉ việc. Cực chẳng đã, người tài-xế cam-nhận rửa xe: đương-sự nhả-nhục đóng cửa nhà xe thật kín, bật đèn, quần cụt áo thun làm phận-sự, che đậy «sự sa-đọa và hạ-phàm» của mình. Xong đâu đó, lại y-trang tề-chỉnh lái xe ra ngoài.

Người bồi hầu bàn ăn không chịu quét sân hay cọ nhà. Lý-do rất đơn-sơ dễ hiểu: mặt bàn cao hơn mặt đất!... Ngược lại, người làm vườn

hay quét nhà không dám thông-thả dọn bàn hay rửa chén. Vì sợ mang lỗi phạm thượng, thất kính đối với người ở lớp cao hơn, hay sợ bị ngộ-nhận đã tranh-dành chỗ làm đối với người khác cấp...

Một hôm, một ông chủ nhà ngoại-quốc rờ tay vào áo quần, an-ủi người làm vườn lam-lũ. Người làm vườn tránh né, rụt-rè, e-sợ. Có lẽ chẳng, theo sự hiểu biết cồ-truyền, tánh-cách «tiện-dân» của đương-sự sẽ khiến chủ nhà giảm bớt phần nào tư-thể thượng-lưu thanh khiết...

Cố Thủ-tướng Jawaharlal Nehru (là thân-phụ bà Thủ-tướng Gandhi) đã có tư-tưởng cấp-tiến, hủy-bỏ hết thảy các hàng rào giai-cấp. Ông đã nêu gương sáng, tuyên-dụng một kẻ «tiện-dân» để làm giường ngủ và dọn bàn ăn hàng ngày. Đi xa hơn, ông còn chủ-trương một dự-luật nghiêm-trị những ai còn cồ-hủ phân-chia giai-cấp. Nhưng tại nhiều nơi, giai-cấp vẫn tồn-tại trong thực-tế... Vì có những phần-tử «thượng-lưu» nhưng hẹp-hòi thiên-cận đã đành, nhưng

(1) —. *Đôi k'i, bà Gandhi còn được kêu là Shrimati Indira Gandhi. Shrimati nghĩa là bà, cũng như Shri là ông. Bởi vậy, không bao giờ nên kêu Bà Shrimati..., hay Ông Shri.. Cũng như người Miến-điện có chữ Ungiã là ông. Chúng ta kêu U Thant (Tổng Thư-ký Liên-Hiệp-Quốc), hay ông Thant, chứ không nên kêu Ông U Thant.*

Mặt khác, *Ô. Nehru thường được kêu là Pandit Nehru. Pandit là một chức-tước, chức-vị. Về sau, muốn chứng-tỏ Ấn-độ độc-lập theo chánh-sách dân-chủ, cố Thủ-tướng thường muốn người ngoài kêu mình là Shri Jawaharlal Nehru như mọi người...*

(2) — «kẻ tiện-dân», người dân ở bực thang cuối cùng trong xã-hội. Tiếng Anh hay tiếng Pháp kêu: *intouchable*.

thường khi còn vì chính kẻ «tiện-dân» không thể hiểu : tại sao lại cần phải xóa bỏ giai-cấp, và một công-cuộc như vậy, phỏng có ích-lợi gì ? Bởi vậy, cần phải thay-đổi cả một hệ-thống tư-tưởng, cả một tâm-lý cồ-kính ngàn đời : những tục-lệ lỗi-thời, thêm vào đó còn là sức mạnh của phong-kiến cũ liên-kết với tư-bản mới, đè nặng trên con đường canh-tân xứ-sở do Nehru tha-thiết chủ-trương.

Sự-kiện khiến Jawaharlal Nehru đã khơi mào công-cuộc, mà không thể hoàn-tất công-cuộc. Công-cuộc đó ngày nay, do con gái tiếp-tục. Tuy chưa thể khẳng định là bà Indira Gandhi đã hay sẽ hoàn-toàn thành công, nhưng ít nhất cũng đã có nhiều dấu hiệu hứa-hẹn...

oOo

Làm Thủ tướng Ấn-từ năm 1966 bà Indira Gandhi cương quyết tiếp-tục vi-nghiệp do thân-phụ đã mở đường. Không chủ-quan và nhất-thiết bắt chước các nước khác, bà quan-niệm sớm muộn phải tìm ra một đường hướng mới, bắt nguồn từ những căn-bản cấp-tiến về kinh-tế cũng như xã hội. Đối với quê hương dân số năm trăm sáu chục triệu người trước biết bao nhiêu vấn-đề nan-giải : bà hiểu hơn ai hết rằng không tiến nghĩa là thoái, mà thoái mãi ấy là tự-diệt. Và bà chủ-trương áp-dụng và thực-hiện «một nền dân-chủ xã-hội đặc biệt, phù-hợp với quốc-gia Ấn-độ độc-đáo». Nhận thấy canh-tân và cải-tiến chỉ là những danh từ trống rỗng một khi quốc-sự còn trực-tiếp hay-gián tiếp nhất nhất chịu ảnh-hưởng nếu chưa muốn nói là bị đặt dưới sự chi-phối vị-kỳ của «giai-cấp phong-kiến

cũ liên-kết với tư-bản mới», bà kiên-nhẫn và cương-quyết dần dần tiến tới giải pháp quốc-hữu-hóa các ngân-hàng và xí nghiệp lớn, liên quan đến quyền-lợi tối cao của đất nước.

Hậu-quả là bà gặp khó khăn và chống đối mãnh-liệt ngay từ trong hàng ngũ của mình. Các nhân vật tự xét quyền lợi sẽ bị thương tổn vì chính sách mới này, đã tìm đủ mọi cách liên kết, đề trì hoãn, và gây bế-tắc đến cùng...

Cuối năm 1969, đảng Quốc-gại chia thành cựu Quốc-đại (old Congress), chống đối ; và tân Quốc-đại hay Quốc-đại cầm quyền (new Congress hay ruling Congress) ủng hộ Thủ-tướng Indira Gandhi. Trước khi có sự chia rẽ, bà được đa số trong Quốc-hội ủng hộ. Sau khi có sự chia rẽ, bà chỉ còn giữ được 222 phiếu hậu thuẫn trong số 521 vị dân biểu trong Hạ viện. Như vậy có nghĩa là muốn tiếp-tục chỉ-huy, Indira Gandhi phải làm sao thực hiện được ít nhất là hơn phần nửa tổng số phiếu nghĩa là 216 phiếu : ( $> 521 : 2 = 260,50$ ).

Số phiếu sai-biệt tối thiểu cần-thiết đó ( $261 - 222 = 39$  phiếu), bà đành phải tìm kiếm trong số các chánh-đảng khuynh-tả nhiều hay ít, vì các đảng-phái khuynh-hữu đã nhất quyết chống-đối bà nhân chương trình canh-tân xã-hội, cải-tiến kinh-tế, quốc-hữu-hóa ngân hàng và xí-nghiệp lớn...(1)

(1).— Chánh-sách kinh-tế Ấn-độ chủ-trương tiết-kiệm ngoại-tệ, vì vậy nhập-cảng ngoại-hóa ít chừng nào hay chừng nấy. Ví dụ : ngoại trừ các vị «tiểu-vương» và nhân-viên Ngoại-giao đoàn, người dân Ấn-độ không được quyền nhập-cảng xe ngoại-quốc, mà chỉ được mua xe Ấn-độ (xe mới). Còn mua lại xe ngoại-quốc do nhân-viên ngoại-giao sang nhượng : người dân Ấn hay tư-nhân ngoại-quốc phải trả thuế rất mắc.



Mà trong số các chánh-đảng khuynh-tả, Indira Gandhi cân- nhắc đành tạm chấp-nhận đồng-minh giai đoạn với Công-sản Ấn-độ thân Nga-sô (xa-xôi) Như vậy còn hơn là với Cộng-sản Ấn-độ thân Trung-Cộng là đại cường-quốc láng-giềng phía Bắc (gần-gụi), "xấu chơi", hiện còn mâu-thuẫn với Ấn-độ về vấn-đề biên-thùy Tây-tạng...

Thành thử ra trong thực-tế suốt thời-kỳ đảng Quốc-đại phân-hóa (từ cuối 1969 cho tới nay) chánh-phủ Indira Gandhi đứng vững được phần lớn là nhờ các phiếu Ấn-cộng thân Nga-sô, tuy nằm trong Hạ-viện Tân Delhi, nhưng lại nhận chỉ-thị từ Mạc-tư-khoa...

(Chúng ta hiểu tại sao trước đây có một thời, một Tổng-trưởng Ngoại giao thiếu kinh - nghiệm (ô. Dinesh Singh), đi từ lầm lẫn này đến sai-lạc khác, ấy thế mà Thủ-tướng Indira Gandhi vẫn phải lưu-nhiệm cho mãi đến gần cuối năm 1970 mới dứt bỏ được... Ô. Dinesh Singh có chú trước đây lập gia-đình với con gái Staline, Svet'ana, được Nga ủng-hộ : hơn nữa ông thân thiết với một số dân-biểu và mang lại cho Thủ-tướng lối hơn 10 phiếu hậu-thuần từ tiểu-bang Uttar Pradesh để thực-hiện đa-số tối-thiểu cần-thiết trong Quốc-hội)

Một tình trạng như vậy không thể tiếp-diễn quá lâu dài. Và chẳng, bà Indira Gandhi tự-kiêu tự-tín cũng không thể mãi mãi duy-trì một sự-kiện phi-lý như vậy. Cho nên, muốn tiếp-tục lãnh-đạo quốc-gia, muốn có

đa-số phiếu hậu-thuần, chỉ có một trong hai giải pháp :

a), — hoặc là nhượng-bộ chi-đảng cựu Quốc-đại, (điều này tuyệt-nhiên không hợp với chiều hướng tâm-lý và chánh-trị của Indira Gandhi, đồng thời xét có hại cho quyền lợi đất nước

b). — hoặc là yêu-cầu Tổng-thống giải tán quốc hội (1) để tổ chức lại tổng tuyển-cử, "thắng ăn cả, ngã về không" như một canh bạc về khuya đã tới hồi gây cản. (Chúng ta nên biết và nên nhớ :

Indira Gandhi lãnh trách nhiệm là để làm việc nước, để thực-thi một chánh-sách, chứ không phải vì danh lợi mà bà đã có thừa...)

Và ở đây, chúng ta có dịp để nhận chân : Indira Gandhi là một nhà chiến-lược kiêm chiến-thuật, về chánh-trị...

(còn tiếp 1 kỳ)

## PHẠM LƯƠNG GIANG

(1). — Trong lịch-sử gần đây, tuy ít nhưng không phải là không có những trường-hợp siêu phạm như vậy.

Năm 1967, ông Harold Wilson Thủ-tướng Anh tổ-chức 'ông tuyên-cử trước hạn định. Sau khi thất bại, ông vui-vẻ mũ áo ra đi, với một thái-độ rất thề-thao.

Năm 1969, (mặc dầu nhiệm kỳ mãi đến 1973 mới chấm dứt), Tổng-thống De Gaulle tổ-chức trưng-cầu dân-ý. Ông tuyên bố trước : nếu không được quốc-dân tán-thành ủng-hộ, ông sẽ "treo ấn từ quan". Sau khi thất-bại, ông trở về quê viết hồi-ký...

Năm 1971, tại Úc, số phiếu ủng-hộ Thủ tướng Gorton ngang với số phiếu chống đối ông. Chỉ còn chính ông chưa bỏ phiếu. Nếu ông bỏ phiếu ủng-hộ chính ông, ông sẽ lưu-nhiệm, tiếp tục làm thủ-tướng. Nhưng ông mỉm cười, tuyên-bố : "Tôi bỏ phiếu chống-đối bản-thân tôi...". Và ông tươi cười từ-giã ghế thủ tướng...

**BANQUE**

*A votre service*

*tous les services de la*

**BANQUE**

**NATIONALE**

**DE PARIS**

# Nhớ Đông Hồ Tiên Sinh

Bản tin 10 giờ đêm do đài phát thanh Sài-gòn loan đi, nghe được tại Long Xuyên ngày 26 tháng 3, năm 1969, thì Thi sĩ Đông Hồ đã tạ thế vào lúc 7 giờ 3 đêm hôm trước đó.

Tôi ở xa và đang bận một phận vụ phải có mặt thường trực để giải quyết kéo dài hằng tuần, nên dù đã xúc động mạnh và thương nhớ nhiều, vẫn không biết phải thu xếp cách nào để lên Sài Gòn tiễn Đông Hồ tiên sinh lần cuối. Ngay lúc đó, tôi ghi vào trang nhật ký.

«Ngày 25-3-1969, Đông Hồ mất. Được tin rất bàng hoàng đau đớn, bất ngờ. Kỷ niệm dựng dậy trong óc. Nhớ viết thư phân ưu và cần có bài nói về tiên sinh».

Nhật ký lưu nhận bốn điều: Ngày tạ thế—tiếc nhớ lắm—dạn chia buồn—viết bài.

Hai lời dặn, tôi thi hành được một vào 4 ngày sau đó. Tôi đã viết thư về *Quình Lâm thư thất* cho Bà Mộng Tuyết để «chúc nguyện tiên sinh nhẹ gánh hành lý và tiêu dao gót bước trên bờ bên kia».

Còn lại lời dặn sau cùng trong đoạn ký chú về Đông Hồ tiên sinh, tôi đã lơ đãng bỏ quên, rồi quên mất luôn.

Tháng 1 năm 1970, tôi ghé qua một hiệu sách, thấy ảnh tiên sinh in trên mặt báo *Văn*. Tôi mua ngay số báo đó và mới kịp nhớ là sắp đến kỳ tiểu tường của tiên sinh. Thì ra tôi đã đang trí

hoặc đã vô tình đối với một lời mình tự nguyện.

oOo

Đông Hồ với tôi vốn quen nhau không lâu lắm, chừng non 10 năm nay. Tôi mến tiếng tiên sinh ngay khi còn đi học; còn tiên sinh thì chỉ «ưa» tôi qua các tác phẩm khảo về miền Nam sau này. Ban sơ Đông Hồ chỉ trao đổi với tôi bằng thư khi tôi có điều cần hỏi đến thuộc phạm vi văn học, rồi thôi, chưa có dịp gì gặp nhau. Qua sự đôn đai của một số anh em trong văn giới cũng như việc giao tiếp bằng thư từ, tôi hiểu Đông Hồ là một người kỹ lưỡng, đài các, lười viết thư và có lẽ khó tính cỡ chấp nữa. Vì vậy, khi có dịp về Sài Gòn, tôi cũng ngại đến viếng tiên sinh.

Khoảng tháng 6 năm 1962, tôi ghé qua tòa soạn *Văn Đàn* ở 290/11 Công Lý để nhận tiền nhuận bút (dạo này tôi viết khá đều cho *Văn Đàn*) thì được ông chủ nhiệm cho hay rằng tối đêm đó tòa soạn có tổ chức một buổi họp văn học. Nhân có mặt một số văn hữu, nên ông mời tôi đến dự để luôn dịp thăm anh em. Tôi đã nhận lời.

Đó là phiên họp để xét lại «*Văn án Lữ Gia*». Tôi đến tòa soạn đúng 8 giờ đêm và đã thấy có mặt sẵn một số khá đông văn thi hữu: Phan Đình Khiêm, Bằng Bá Lân, Nguyễn Ngu Í, Nghiêm Thẩm, Vi Huyền Đắc, Thái Bạch, Phạm Đình Tân v.v... Và phiên họp bắt đầu sau khi

ông chủ nhiệm giới thiệu từng người để thu vào máy ghi âm cho nhớ.

Diễn tiến chỉ được chừng mười phút thì một «khách lạ» đi vào. Người ấy mặc âu phục màu xám lợt, dáng người cao ráo, mảnh khảnh mặt trắng, môi đỏ, tóc chải suông, lúc nào trên môi cũng sẵn có nụ cười tươi. Sinh hoạt tạm dừng vài phút. Đôi người ngồi gần cửa bắt tay chào khách và sai đem ghế thêm cho khách ngồi; còn khách thì luôn miệng xin lỗi toàn thể vì có việc bận nên phải đến trễ. Buổi hội lại tiếp tục. Khách yên lặng ngồi xuống. Có lẽ chủ tọa đoán nghĩ rằng tất cả đều quen nhau, hoặc vì không muốn phiên họp bị gián đoạn lâu, nên không ai chú ý đến sự giới thiệu thêm người mới tới trong thành phần tham dự. Tôi vừa theo dõi phiên họp vừa để ý đến người khách không biết là ai. Khách ít nói, mà thỉnh thoảng có nói thì rất rõ ràng, duyên dáng, lễ độ.

Gần hai tiếng đồng hồ trôi qua, những danh xưng Ai Vương, Cù Thi, Lữ Gia cũng như những sự liên hệ được mang ra lặp đi lặp lại để rồi đi đến kết thúc: Lữ Gia là một nhà ái quốc. Ý kiến đó đúc kết và máy ghi âm được mang đến trước mặt để thăm hỏi từng người. Theo thứ tự vòng quanh, Nghiêm Thẩm rồi Vi Huyền Đắc lần lượt được hô tên để góp ý. Kể đến là... Đồng hồ thì ra người «khách lạ» đi họp muốn kể là Đông Hồ! Tôi mừng lắm, định bụng xong họp sẽ chào nhau và nói chuyện cho thỏa.

Kể Đông Hồ là Bàn Bá Lân, rồi Nguyễn Ngu Í, rồi đến tôi. Đông Hồ nghe gọi tên tôi thì xô ghế đứng lên, đi vòng quanh góc bàn để đến sau tôi.

Đợi vừa dứt câu, tiên sinh ôm chầm vào lưng tôi kéo lên, vồn vã nói:

— Nguyễn Văn Hầu đây rồi! Bấy lâu mong mỗi gặp nhau, bây giờ ngồi đối diện hàng giờ mà không biết. Thôi để anh em tiếp tục, ta ra ngoài nói chuyện, hội đã sắp xong!

Tôi theo gót tiên sinh.

Phòng họp đặt ở trên lầu, bên ngoài là một hành lang hẹp. Bầu trời tối thui vì những ánh điện ở dưới đất sáng hơn. Gió thổi mát và thơm lành làm tôi thấy tâm hồn thư thới lạ. Đông Hồ nói chuyện với tôi thân mật như một đôi bạn chí thân từng quen biết nhau từ lâu. Tiên sinh hỏi tôi về các tài liệu mà tôi đã tìm được; hỏi về các nhân vật cổ miền Châu Đốc, Long Xuyên, Kiến Phong; hỏi về thổ nghi, đường nẻo... Tôi chỉ nghe và kịp đáp chứ không có quang cách để được nói nhiều. Lòng những mẫn mộ trước sự thân mật chân thành của tiên sinh và trong phút giây liên tưởng, tôi thầm nghĩ đến những gì tôi hiểu về Đông Hồ trước kia, đều sai.

Cháo gà đã dọn xong trong phòng họp và lời mời của văn hữu Phạm Đình Khiêm làm chầm dứt ngang câu chuyện đang mê mải của chúng tôi. Đông Hồ và tôi trở vào trong để «giải lao» với anh em.

Tiệc xong mọi người chia tay. Nhưng ông chủ nhiệm và ông chủ bút của tuần san *Văn Đàn* vì có chuyện cần bàn riêng với tôi về sự cộng tác bài vở cho những ngày sắp tới, nên mời tôi nán lại. Chúng tôi ba người nói chuyện trong lúc các bạn văn đã lần lượt ra về. Gian phòng trống trải, im lặng. Và lạ lùng,

tôi trông thấy Đông Hồ sao còn ngồi chi một mình ở phía đằng kia!

Khoảng 5 phút sau tất cả xuống lầu. Đông Hồ dắt tay tôi kéo về phía một chiếc xe hơi đậu chực sẵn cạnh một góc sân rộng. Đèn trong xe sáng lên và xe rù máy. Tiên sinh vừa mở cửa xe, vừa mời mọc:

— Tôi đưa ông về nhà để chúng ta còn có thì giờ nói chuyện tiếp theo lúc nầy. Thì ra tiên sinh đã cố ý đợi tôi!

Tôi hơi dè dặt vì ngại mất công cho tiên sinh. Nhưng Đông Hồ vui tinh bảo rằng: «Có phải ông về ngay Long Xuyên trong giờ này đâu mà sợ tôi mất công. Nội Sài Gòn Chợ Lớn này, nơi nào mà tôi không đưa ông tới đó được!»

Trên xe, tiên sinh nói nhiều câu chí thành, thâm tình đến cảm động. Một lời khuyến khích của tiên sinh, đến bây giờ tôi như còn nghe rõ được trong tai: «Văn học miền Nam thiếu người khai thác; địa hạt lịch sử miền Nam còn nhiều khu hoang vu. Ông còn trẻ và chọn đúng đường, hãy cố mà tiến tới». Rồi tiên sinh kiểm điểm nhân vật, kiểm điểm tác phẩm viết về miền Nam. Rồi tiên sinh mời tôi ngày mai đến chơi tại *Yiêm Yiêm Thư Trang* để lại gặp nhau nữa. Tôi hỏi tiên sinh rảnh giờ nào. Tiên sinh nói lúc nào cũng tiếp khách được. Tôi hẹn 11 giờ rưỡi. Tiên sinh mừng và nói rằng sẽ sẵn sàng đón đợi.

● oOo

Ngày hôm sau, tôi vạch một chương trình nhỏ: 8 giờ có mặt tại nhà in để chữa ấn cáo; 9 giờ đến thăm Nguyễn Hiến Lê; 10 giờ vào Viện Bảo Tàng gặp Vương Hồng Sển để rồi 11 giờ

rưỡi ghé qua Am Đại Ân thì vừa. Nhưng tôi đã kẹt tại Viện Bảo Tàng vì Anh Vương mãi cầm ở lại chơi, và câu chuyện vui khó có khe hở để chấm dứt, mặc dù tôi có cho tác giả *Thú Chơi Sách* biết rằng trưa nay tôi có giờ hẹn phải đến tại Vương Giả Hương Đình.

Cửa viện được người lao công kéo khép bốt lại để báo hiệu giờ làm đã mãn thì tôi với họ Vương mới đứng dậy. Chúng tôi chia tay nhau và khoảng 12 giờ 10 thì tôi đến *Yiêm Yiêm Thư Trang*. Tôi vừa tự giới thiệu thì người trong hàng sách biết ngay và đem ghế mời tôi ngồi đợi. Lòng tôi hồi hộp âu lo. Mặc cảm Đông Hồ khó tính lại hiện rõ trong tôi. Tôi đã trễ hẹn nửa giờ. Sẽ ău nói làm sao đây!

Mười phút đã trôi qua, sao Đông Hồ đâu không thấy? Tôi đứng dậy đi tới đi lui, dáng như xem qua các sách chung trên kệ, nhưng kỳ thật thì lòng vẫn ngại ngùng. Tự trách mình mới hẹn lần đầu mà đã sai «Vô tín bất lập» thật! Thì bỗng Đông Hồ hiện ra trước mặt tôi. Tiên sinh tươi cười trên chiếc áo tràng màu ngà, lễ nghi chững chạc, chào tôi rồi hướng dẫn vào trong. Tôi cáo lỗi trễ hẹn, nhưng tiên sinh hình như không cần để ý điều đó, cười nói và mời ngồi vào chiếc tràng kỷ đối diện với tiên sinh.

Trước mặt tôi là khói trầm tỏa hương. Hương quỳện xanh chung quanh bình huệ trắng. Sách, tranh, chữ thảo phô lộ phong vị Tống Đường. Trà sen trên bàn bốc khói và câu chuyện được bắt đầu. Tôi thở nhẹ một hơi dài khoan khoái vì được Đông Hồ bỏ lỗi cho.

Tiên sinh hỏi tôi miền Ông Chương; hỏi đến đến miếu thờ Nguyễn Hữu

Cảnh hiện thời ; bởi con đường Long Xuyên đi Cù Lao Tây bây giờ ra sao ? Làng Tân Huệ bên kia quận Chợ Mới có còn phong quang như ngày cũ không ? Đoạn tiên sinh cho biết rằng ngày nhỏ tiên sinh có lần từ Hà Tiên cùng người thân đến Châu Đốc, Long Xuyên rồi theo đường đất lòng Ông Chưởng mà về thăm một họ bà con ở làng Tân Huệ. Tiên sinh cũng cho biết tiếp là hiện đang khảo chú xong truyện *Song Tinh Bất Dạ* mà trong đó có nói đến dòng họ Chưởng binh Nguyễn Hữu Cảnh.

Hôm ấy tôi được nói nhiều vì có những điều tiên sinh muốn nghe. Chúng tôi say sưa nói chuyện mà bất chấp giờ giấc, quên cả giờ ăn. Tôi vài lần toan cáo từ nhưng Đông Hồ cố giữ lại và câu chuyện kéo dài hoài. Hiệu sách đã ngừng hoạt động từ lâu và vì phép lịch sự, tôi cương quyết tạ từ.

Đông Hồ đưa tôi ra ngoài, trao tặng tôi ba quyển sách : *Trinh Tráng*, *Hà Tiên thập cảnh* và *Nàng Ái Cơ trong chậu úp*. Hai quyển trước mang triện son, thủ bút đề tặng và chữ ký của tiên sinh còn quyển sau là chữ của Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội. Tất cả đều được làm sẵn từ bao giờ. Tiên sinh ân cần dặn tôi : « Có dịp về Sài Gòn, ông ghé chơi ; có sách gì mới, gửi cho tôi xem với ». Tôi cúi chào tiên sinh lần cuối bên vệ đường Nguyễn Thái Học. Bảy giờ đã 2 giờ chiều.

oOo

Đông Hồ từ ấy đã chiếm được một địa vị đặc biệt trong lòng tôi. Tôi hiểu tiên sinh là người thành thật, cởi mở,

vui tính mặc dù bề ngoài trông ra kiểu cách, nghiêm trọng. Trong tháng ấy, tôi gửi biểu Đông Hồ 3 quyển sách : *Thuật viết văn*, *Việt Nam Tam giáo sư đại cương* và *Cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa*. Lòng hết sức băn khoăn khi đề tặng *Thuật viết văn*. Có nên gửi biểu Đông Hồ quyển này không ? Đông Hồ đã có dịp đọc nó chưa mà trong nhiều lần tiếp chuyện không nghe ông đề cập ?

Sở là trong sách đó, tôi có trích dẫn hai câu trong bài *Chơi núi Đại Tô Châu* của tiên sinh :

*Cỏ hoa êm lặag không màu tục,  
Cây đá thiên nhiên khác vẻ trần.*

Trích không để khen mà là để trách rằng hai câu đó rỗng, lời nhiều mà ý ít (1). Nếu Đông Hồ đã đọc mà vẫn tiếp tôi rất hậu như vừa qua thì tốt đẹp biết bao, nhưng nếu tiên sinh chưa có dịp trông thấy trang sách đó mà hôm nay tôi gửi tặng, thì chẳng hóa ra mình vô lễ lắm ! Mỗi giao cảm đậm đà biết đâu vì đó mà tránh không khỏi rạn nứt ! Nhưng tôi nghĩ rồi trước sau gì tiên sinh cũng đọc thấy, chỉ bằng cứ gửi tặng và kèm theo một bức thư vừa tỉnh ý vừa tạ lỗi với tiên sinh. Và tôi đã làm như vậy.

Sau đó, tôi nhận được *Truyện Song Tinh* với lời đề thân thiết và sau đó nữa, Đông Hồ gửi cho tôi một bức thư, như sau :

*Bút Trạch tiên sinh túc hạ,*

*Thư túc hạ mừng Truyện Song Tinh đến đã lâu. Hôm nay, trung thu giai kỳ kính lời phúc đáp.*

(1) *Thuật viết văn* ; Tự Do xuất bản, in lần đầu, trang 17.

Từ hôm sách in xong, cứ ngóng đợi có người sứt giã nào ở Lòng Ông Chương qua kính kỳ thì gọi mà không thấy tin.

Tôi rít trẽ biếng việc thư giấy. Từ hôm nào, sau khi điện kiến, túc hạ cũng một lần gọi sách cho, một lần gọi thư ân cần, mà tôi chưa được cảm ơn, chưa được tạ tội. Thôi xin bỏ qua đi cho, đừng trách thì vạn hạnh.

Giữa thu trăng lạnh,

Thuận thính văn an.

Trung thu Nhâm dần, 13, IX, 62.

Đông Hồ

Đọc thư, tôi cảm kích thịnh tình của Đông Hồ. Tiên sinh đã không chấp mà còn nói lời khiêm tốn. Ngôn hành đó thực đã làm tôi phục. Tôi thăm nghĩ cần phải học tập nơi tiên sinh, cách xử sự của một bậc cao hiền.

oOo

Từ ấy đều đều mỗi năm, khi xuân đến, tôi thấy có nhận được mỗi cánh thiệp quý của tiên sinh. Bản in mỹ thuật có mà bản viết tay bằng bút lông cũng có. Mà thiệp nào cũng có thơ. Lời thơ đẹp, đầm thắm mặn mà và có chút kiểu cách hình thức của người khai sanh ra nó.

Băng đi một dạo không tiếp xúc nhau thì bất ngờ, một hôm tôi gặp tiên sinh tại đường Bùi Viện. Đó là đám tang của thân mẫu ông Giản-độc nhà in Tân Sanh và nhạc mẫu của một Ủy viên trong Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia. Hồi ấy đâu vào 1965. Tiên sinh gói mình trong bộ lễ phục màu gạch, nét mặt có vẻ xanh gầy. Tiên sinh mừng tôi. Tôi lo lắng thăm hỏi. Tiên sinh cho biết lúc đó trong mình không được khỏe.

Trên đường tiễn đưa linh cữu về

một nghĩa địa ở ngoại ô Sài-gòn tôi mời Tiên sinh cùng đi trên chiếc xe riêng với tôi. Chúng tôi có đủ thời giờ hàn huyên vì đường đưa linh rất xa. Trong câu chuyện, Đông Hồ có hỏi tôi :

Với tư cách nhà văn, ông cho tôi biết cảm nghĩ của ông về việc tôi khảo cứu *Chuyện Song Tinh*. Và với tư cách nhà giáo, ông nghĩ thế nào về giá trị giáo khoa của nó !

Tôi từng đọc tập san *Nhân Loại*, đã thấy biết Đông Hồ từ nhiều ngày tháng theo đuổi việc khảo cứu *Truyện Song Tinh*, việc làm rất kỹ lưỡng và có phương pháp ; cũng như công việc của Nguyễn Hữu Hào, mặc dù «gặp lúc biên cương rối rãnh, lòng ưa hàn mẶc nên dùng quốc âm làm *Truyện Song Tinh* (1), nhưng truyện đã đánh dấu một giai đoạn văn học quan trọng vào đầu thế kỷ 18, không thể bỏ sót được trong văn học sử Việt Nam và không thể nào thiếu vắng nó trong chương trình giảng huấn tại các học đường được. Cho nên nghe Đông Hồ hỏi, tôi đã trả lời ngay theo ý nghĩ sẵn có đó của tôi. Nhưng tiên sinh hơi phân vân :

— Người ta làm việc chậm lẹc quá ! Sách xuất bản đã trên ba năm rồi. Cộng với sự sưu tầm, khảo luận mà tôi đã công bố trên *Nhân Loại* từ 1953, thì đã hơn mười năm ! Bao giờ thì người ta mới ghi cho nó một dòng trong chương trình giáo khoa ?

Đó là một hoài bão nhỏ của Đông Hồ muốn có sự hiện diện một tác phẩm văn học bị bỏ quên hàng ba thế kỷ. Hoài bão đó đối với những ai có đọc *Truyện Song*

(1) Chữ dùng trong Đại Nam tiền biên liệt truyện, truyện Nguyễn-Hữu-Hào

Tinh do tiên sinh khảo lục. đều thấy được một cách khá rõ qua các trang XVIII và LV.

oOo

Cũng trong năm đó, tôi viết thư xin Đông Hồ một bài thơ để đăng trên một nguyệt-san do tôi chủ trương. số đặc biệt xuân. Nội hai tuần, tôi tiếp được thư của tiên sinh kèm theo một bài thất ngôn bát cú mà tự tay tiên sinh dùng bút lông viết trên trang giấy bạch. Thơ viết bằng quốc âm nhưng đầu đề bài thơ thì viết theo chữ nho lối thảo: *Xuân du thử địa vô phương thảo*. Bài thơ đó như vậy:

*Oanh yến xôn xao khắp nẻo đường,  
Hài văn thơ thỉn để tầm phương.  
Dặm trần hồng nổi ngấn tin gió,  
Cầu ngọc lam chìm lạc dấu sương.  
Người đẹp qua rồi mùa thập thúy,  
Lòng thơm thoïng lại chút dư hương,  
Kính thành khô héo tình biên tái,  
Mà để vương tôn nhữg nhớ thương.*

Tôi trao bài thơ cho ông Bạch Diệp, Tổng thư ký tòa soạn, và một số nhân viên trực thuộc của tôi xem. Ai cũng bằng lòng, ai cũng kính phục Đông Hồ qua nét viết bay bướm và lời ý thâm trầm, lại rất thích hợp với tôn chỉ của nguyệt san. Qua sự hiểu biết của ông Tổng-thư-ký thì bài thơ này biểu lộ lòng khao khát, nhớ mong của một người đang bâng khuâng trên đường tư tưởng giữa đường trần vạn nẻo. Nhưng khi chợt thấy được mối manh, thì cũng vừa là lúc không thể gặp được «người Thơm» mà chỉ thưởng thức được những hương vị thâm trầm còn phảng phất, nên lòng những héo hon đợi mãi trong độ xuân về. Căn cứ vào tâm lý nội bộ, ông Tổng thư ký hơi ngại chữ «qua» trong

câu «*người đẹp qua rồi*» có thể gây hiểu lầm cho đa số. Nên ông đặt lại vấn đề với tôi. Tôi cũng có mối ngại đó. nên một mặt cho làm bản kềm bài thơ, nhưng một mặt viết thư về Đông Hồ ngõ ý trên và xin đề nghị với tiên sinh cho đổi chữ *qua* thành chữ *đi* lấy lý tránh ngộ nhận rằng *qua*, là mất hút mà *đi* thì có lúc sẽ về.

Bản kềm làm xong, đẹp lắm. Nhưng vẫn còn nguyên chữ *qua*. Mà thư hồi âm của Đông Hồ vẫn chưa thấy. Bảy giờ là giữa tháng 10. Tôi sợ bị trễ mắt nên nhờ một họa sĩ nhái theo cách viết của tiên sinh, viết một chữ *đi* bằng cõ, rồi khảm lên trên chữ *qua*, đoạn cho làm lại bản kềm khác. Bản kềm này cũng khá đẹp, khó mà biết được có sự đổi thay. Và để cho kịp in vào báo xuân, tôi nhờ ông Tổng thư ký tòa soạn về Sài Gòn trao tay bức thư bày tỏ ý muốn của tôi đồng thời kèm theo cả hai bản kềm để thỉnh ý tiên sinh.

Nhưng ông Tổng thư ký đã về không. Ông cho biết rằng khi tới Quỳnh Lâm Thư Thất thì gặp lúc Đông Hồ đang bận chỉ huy cho thợ sơn nhà ăn tết. Tiên sinh hẹn rằng đêm đến sẽ coi thư và sẽ trả lời sau đó nếu thấy cần. Vì phép lịch sự, ông Tổng thư ký không trình bày gì thêm giữa khi chủ nhân đang bận rộn công việc. Thế là báo không thể để trễ kỳ và số xuân năm đó trôi qua, không đăng được bài thơ của Đông Hồ.

Một năm lại đi nhanh. Tôi và tiên sinh không có dịp gì gặp nhau và thư từ cũng biếng trễ trừ mấy cánh thiệp



xuân trao đổi và báo tặng thường xuyên tôi cho gửi đến tiên sinh. Trong khi chuẩn bị bài cho số báo xuân lại đến, tôi nhớ ngay đến bài thơ của Lâm Trác Chi.

Nhân chuyến về Sài-gòn trước tết Mậu Thân, tôi quyết định phen này thân đến gặp Đông Hồ, nên đem theo đủ cả hai bản kềm bài *Xuân du thư địa vô phương thảo*. Tôi đã đến Quỳnh Lâm Thư Thất vào một buổi sáng. Nhưng Đông Hồ hôm ấy vắng nhà. Tôi hẹn 3 giờ chiều và chúng tôi đã vui vẻ gặp nhau Văn phong độ cũ; đầu chải suông, miệng cười tươi trên chiếc áo lễ màu ngà, nhưng Đông Hồ không từ nhà trong ra mà đi vòng theo đường hông để vào chào chúng tôi từ nẻo cửa chánh. Hôm ấy cùng đi với tôi có hai bạn văn.

Sau khi thăm hỏi sức khỏe và sinh hoạt của nhau, tôi vào đề ngay. Tiên sinh cười ha hả mà nói rằng :

— Ông thật quá cẩn thận. Tôi đã mặc nhiên đồng ý từ năm ngoái. Cứ tưởng vậy là đã cho đăng. Nào dè số xuân rồi không thấy, tôi chưa rõ tại sao ! Có gì đâu, thì năm nay cứ đăng đi. Chứa lại như vậy càng hay đó !

Tôi lấy mấy bản vở cho tiên sinh xem lại. Tiên sinh cười lớn tỏ ý hài lòng. Rồi hỏi bọn tôi :

— Mà các ông thấy nó thế nào ấy ?

Tôi thấy cho ông Tổng thư ký tòa soạn Đ.T.B. trả lời. Ông Bạch Diệp theo nhận định trước kia, khi mới nhận được bài thơ, mà giảng cho Đông Hồ nghe rồi sau rồi phê bình rằng bài thơ ý thâm, lời đẹp. Tiên sinh khen rằng giảng khéo và khai thác sâu. Tôi hỏi tiên sinh viết nó trong trường hợp nào và với dụng

ý gì, thì tiên sinh dành một lúc lâu để cắt nghĩa nó, mà rút ngắn lại là như sau đây :

— Hồi đó, vốn là đầu xuân, các anh em văn hữu họp mừng nhau. Có Nguyễn Hiến Lê, có Vương Hồng Sển, có nhiều anh em nữa... ai cũng muốn được du xuân. Nhưng du xuân mà không có «phương thảo địa» thì còn có thú vị gì ! Mà ngoài kia súng nổ tứ tung. Thôi thì đành phải chịu cảnh *Xuân du thư địa vô phương thảo* vậy.

Tiên sinh nói tiếp :

— Bài làm theo phú đặc, không nói cổ thơm mà phải phát đầu đầy đều vang bóng cổ thơm. Các ông hiểu khác tôi, nhưng là một lối hiểu sâu xa, hợp tình.

Báo xuân của tôi năm ấy mới được đăng thơ Đông Hồ Thêm lần nữa, tôi hiểu Đông Hồ có tinh thần thông cảm cởi mở, chịu nhau, đâu có như phong văn ngục biện !

oOo

Nhưng Đông Hồ dè dặt, kín đáo. Mà một người xuất thân từ gia đình Nho học, suốt đời cố giữ cốt cách của một nho gia, thì sự kín đáo, dè dặt là một điều không sao không nên có.

Năm 1966, nhân về Sài-gòn dự một cuộc lễ về giải Văn Chương, tôi được văn hữu Lê Ngọc Trụ mách rằng trong sách *Chí sĩ Nguyễn Quang Diêu* của tôi, nơi phần chú thích bài thơ của Thầy Minh xướng họa với nữ sĩ Trần Kim Phụng, còn có thể thêm được. Lê quân còn nói : nếu muốn biết rõ, cần hỏi Lâm Tấn Phác.

Tôi ghi nhận lời đó của văn hữu họ Lê và khi gặp Đông Hồ tại tỉnh đường Quốc Gia Âm Nhạc, tôi hỏi ngay. Tiên sinh tươi cười nói :

— Ông Lê Ngọc Trụ khéo nhớ dai thì thôi ! Đó chỉ là một câu mạn đàm sau lúc họp mặt Hội Đồng Tuyển Trạch.

Tôi nài hỏi tiên sinh ;

— Nhưng tôi muốn biết để được học thêm !

Bấy giờ Đông Hồ mới nói :

— Ông suy nghĩ thử xem, câu «Thùy vi tước vô giác» có làm sáng thêm ý của tác giả trong hai tiếng *sẽ sùng* không ?

Tôi sực nhớ ra và đọc tiếp lên về kế : «Hà dĩ xuyên ngã ốc», để rồi cảm ta tiên sinh và tự nhủ rằng khi sách được tái bản, sẽ chú dẫn thêm câu đó đồng thời ghi nhận lời chỉ bảo của tiên sinh.

Đông Hồ e dè :

— Phải cẩn thận xem lại coi có đúng ý cổ nhân không đã. Phần tôi khi vừa đọc thấy chữ *sẽ sùng* thì chợt nhớ như vậy, chưa kịp nghiệm xét.

oOo

Mùa hè năm nay, tôi có dịp về Sài Gòn trong công tác thí vụ. Khi bách bộ qua chợ Tân Định, nhìn thấy bảng hiệu Yiêm Yiêm Thư Quán, tôi tự nhiên ghé vào. Tôi chưa biết ghé để làm gì thì những quyển *Văn Học Hà Tiên* của Đông Hồ treo lủng lẳng trong hàng sách đã đập ngay vào mắt tôi. Tôi rút

xuống một quyển, lật về phía sau và lấy trong túi ra tờ giấy bạc 500, Một người đàn bà cao ráo, trắng trẻo, hao hao dáng dấp Đông Hồ, gói sách lại rồi kèm theo tiền thối, trao tôi. Tôi muốn bước đi nhưng lại dừng.

— Thưa bà, bà là chi của ông Đông Hồ ?

— Dạ, là cháu.

— Bà gọi ông Đông Hồ bằng gì vậy ?

— Dạ, bằng Thầy.

— Nhưng thưa bà, bà là cháu chú bác, hay cháu cô cậu ?

— Dạ, tôi là cháu gọi ông Đông Hồ bằng cậu.

Tôi cảm ơn chủ nhân, cúi mặt xuống, đôi mi chớp nhanh, lăm lăm mà đi. Tôi không ngoái ngoái về phía sau nhưng linh tính báo cho tôi biết rằng người đàn bà kia đã dòm theo «ông khách lạ lưng» và cùng có mỗi buồn phảng phất như mỗi buồn đang miên man trong lòng tôi.

Ba đêm nay, tôi ngồi viết về Đông Hồ. Kỷ niệm hiện ra nhiều quá ! Tôi cố ghi gọn những điều cần để làm tròn món nợ tự nguyện. Niềm thương dào dạt trong hồn. Đông Hồ ơi ! Tiên sinh vẫn còn mãi trong tôi ! Trong tôi, tiên sinh vẫn là người tài tuấn, là bậc hữu công, lúc nào cũng độ lượng, cởi mở, chịu nhau và hậu tình.

Quý hạ năm Canh Tuất

NGUYỄN VĂN HẦU

## SÁCH SÁNG TẠO

Đã phát hành tại khắp các tiệm sách :

### CHUYỆN VỢ CHỒNG

tập truyện cười ĐẶNG-TRẦN-HUÂN

### KHÁI NIỆM VỀ NGÔN NGỮ VÀ THI PHÁP ANH

biên khảo ĐỖ KHÁNH HOAN

### TRÁI ĐẰNG TRƯỜNG SINH

tập truyện DOÃN QUỐC SỸ



## Huý-nhật Cổ Thi sĩ Đông Hồ tại Kiên giang

*Tường thuật buổi lễ Kỷ niệm Đệ nhị chu niên  
huý nhật cổ Thi sĩ Đông Hồ tại Kiên-giang  
ngày 28-3-1971*

Nhà thơ Đông Hồ tạ thế nay đã vừa đúng hai năm. Ngay khi Đông Hồ vừa nằm xuống thì các văn hữu, môn sinh đã bày tỏ lòng nhớ tiếc bằng các cuộc lễ truy điệu, cầu siêu, in các đặc phẩm kỷ niệm...v.v.. Ngoài Giáo sư Phạm-Việt-Tuyền, ngày 27-4-69, đã nói chuyện ở Đại-học Văn khoa Saigon với đề tài «Đông Hồ, nhà thơ đời mới hoài, trẻ lại mãi, tiến bộ không ngừng» còn có hai môn sinh Đỗ Châu-Huyền và Trần-Đình-Lập nhắc những kỷ niệm trong lớp và ngoài lớp học tại Đại học Văn khoa. Năm sau ngày 25-3-70 nhiều môn sinh ban Việt-Hán, Văn chương Quốc âm nói chuyện kỷ niệm Đông Hồ tại giảng đường Đại học Văn khoa Saigon. Diễn giả là các sinh viên Trần-Đình-Lập, Trần-Nhĩ, Ngô-Kim Thu.

Mãi tận miền cực Tây, tại tỉnh Kiên-Giang cũng có tổ chức các buổi lễ kỷ niệm : Trường Nguyễn-Trung-Trực ở Rạch Giá, Giáo Sư Nguyễn Nhứt-Quang nói về sự nghiệp, về tiểu sử của cổ Thi sĩ có kèm theo những sách với hình ảnh triền lãm cho học sinh xem. Tại Hà Tiên, nơi quê hương sinh trưởng của Thi sĩ, các thân hào nhân sĩ đã phối hợp với

trường Trung học Hà-Tiên tổ chức lễ kỷ niệm thật trọng thể vào ngày 30-3-70, Thiếu tá Quận trưởng Phan-Văn-Cur đứng làm Trưởng ban Tổ chức, đã khai mạc buổi lễ bằng một bài diễn văn ứng khẩu rất quan trọng, nhắc lại sự nghiệp Họ Mạc và công trình văn học mà Đông Hồ đã đóng góp cho Hà Tiên.

Trên văn đàn, nhà văn Nguyễn-Hiến-Lê đã viết về Đông Hồ trong Bách Khoa số 317 đề cao công trình phụng sự tiếng Việt của Đông Hồ bằng bài «Hồn Đại Việt Giọng Hàn Thuyên». Và năm sau trên Bách Khoa các số 340-341. Ông so sánh họ Lâm và họ Mạc trong công cuộc xây dựng nền văn hiến miền Hà Tiên nói riêng và đóng góp vào lâu đài Văn học Việt nam nói chung. Tập san «Văn» đã dành trọn số 145 đề tưởng niệm Đông Hồ. Năm nay tập san Văn học dành cho Đông Hồ số 123 với tựa đề : Đông Hồ, thi gia Miền Nam.

Linh mục Thanh-Lãng lại thương quý Đông Hồ đến mức đã sưu tập xong một tập tài liệu của tất cả mọi giới văn nhân, ký giả, môn sinh, lâu nay phê bình, viết, nghĩ về Đông Hồ. Tập văn này sẽ được xuất

bản trong một thời gian gần đây.

Mới đây, ngày 28-3-1971, tại tỉnh lỵ Kiên-Giang, một nhóm môn sinh của Đông Hồ cùng phối hợp với Trường Trung - học Tổng hợp Nguyễn-Trung-Trực tổ chức Lễ kỷ niệm Đệ nhị chu niên Húy nhật Cổ Thi sĩ tại Hội trường Ty Tiểu-học Kiên-Giang. Buổi lễ, do Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa bảo trợ, có chừng hơn 1000 học sinh, thân hào, nhân sĩ xa gần tham dự. Đây là lần thứ nhất từ khi Đông Hồ nằm xuống, cơ quan Văn hóa của nhà nước đã nhận lấy trách nhiệm tinh thần đối với một Thi nhân tận tụy vì văn học và giáo dục. Việc bảo trợ cho cuộc lễ kỷ niệm này, ngoài ý nghĩa làm sáng tỏ giá trị của một văn thi gia Miền Nam còn nói lên được sự ân cần bồi đắp nền Văn hóa truyền thống dân tộc của Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa nữa.

Ông Quốc vụ khanh Mai Thọ Truyền, đối với Thi gia quá cố Đông Hồ còn là một người bạn từ khi Đông Hồ còn là Trường giáo ở Trí-Đức học xá Hà-Tiên. Xưa kia, từ 1925 đến 1930, cụ Mai Thọ Truyền đã từng làm việc tại Tòa Bố Tỉnh Hà Tiên. Nên bây giờ, bên cạnh mối thâm tình văn-hóa, còn mối thâm tình bằng hữu. Tuy nhiên vào giờ chót, trong buổi lễ tại Kiên Giang «vì một lý do bất khả kháng» cụ không thể đến được. Ông Đồng lý văn phòng phủ Quốc-Vụ-Khanh đặc trách Văn hóa đã đại diện cho Ông Q.V.K Mai Thọ Truyền đến chủ tọa buổi lễ. Buổi lễ bắt đầu bằng cuộc niệm hương thực trang

nghiêm. Di ảnh của cổ Thi sĩ Đông Hồ là một bức họa sơn dầu với màu xám nhạt nền lơ phớt nhẹ làm nổi lên khuôn mặt hồng dụ với đôi mắt tinh anh cúi nghiêng, tỏa lên một phong thái thoát tục. Bức ảnh đặt trên một bệ thờ nghi ngút khói hương và hai bên che hai chiếc lọng diềm tô bằng đôi câu đối Quốc ngữ do Đông Hồ viết bằng bút lông :

*«Văn giữa lòng đời, xã hội mực tuôn dòng hoạt động.*

*«Tiếng trong hồn nước, non sông lời nở áng tinh hoa.*

Ông Đồng lý Văn phòng phủ Quốc Vụ Khanh nâng cao ba nén hương và thành kính nghiêng mình trước di ảnh, trong khi tất cả cử tọa trong hội trường đồng loạt đứng dậy cúi đầu mặc niệm. Tiếp theo đó là cuộc niệm hương của Trung Tá Tỉnh trưởng, ông Hội trưởng hội Phụ Huynh Học Sinh và ông Giám học trường Trung Học Nguyễn Trung Trực... Tiếp theo phần nghi lễ là diễn văn khai mạc của Ông Nguyễn Nhứt Quang, Giám học kiêm Xử lý tầuường vụ Hiệu trưởng Trung học Tổng hợp Nguyễn Trung Trực. Bài diễn văn chú trọng đến lý do buổi lễ và cảm tạ các cấp chính quyền, các nhân sĩ địa phương.

Đáp từ, Ông Đồng lý văn phòng phủ Quốc Vụ Khanh, đại diện cụ Mai Thọ Truyền, đọc chính bài diễn văn của cụ viết, nhiều đoạn thực cảm động như sau: «Trái với một số người chỉ quen biết Đông Hồ nhờ duyên văn tự, tôi được cái may kết giao với Thi sĩ vào cuối năm 1925 ngay ở Phường Thành, tại gian nhà xưa của cụ Lâm Tấn Đức, ven phá Đông Hồ, đối



Thầy giáo Lâm Tấn Phát

diện núi Tô Châu. Lúc gặp nhau lần đầu tiên tôi không khỏi cười thầm cho cái lăm quá bé của tôi. Trước khi đọc Tạp chí Nam Phong, tôi đã hình dung tác giả các bài văn xuôi, văn vần dưới bút hiệu Đông Hồ là một cụ Lão Nho râu thông tới ngực. Khi diện đối diện, mới hay là một thư sinh, đúng một thư sinh, vì thầy giáo Lâm Tấn-Phác rất trẻ, mới hai mươi bốn tuổi đầu, mảnh mai, trắng trẻo, ngày hai buổi, theo con đường Hàng dừa đến trường trong chiếc áo lượt quần trắng, đầu bịt khăn đóng kiểu Bắc chân mang giày hạ, chiếc dù đen trong tay, thật là nho nhã, thật là thuần túy Việt Nam. Càng Việt Nam hơn nữa là thầy chuyên luyện Quốc văn và ngoài thú làm thơ, bình thơ hay chơi «đánh hồ» một lối tiêu khiển mà bây giờ ít người nghe nói và biết đến. Thú thật lúc ấy, tôi không hề nghĩ rằng «Anh» giáo vườn «ấy có thể đi xa trên con đường gần

như độc hành của Anh và nhất là có thể bước lên đài vinh quang của Văn-học nước nhà. Tôi lại một phen đoán sai nữa l...

«Sự thành công của Đông Hồ là một gương tự lực tự cường đáng cho đàn hậu tấn soi chung. Lòng thiết tha yêu tiếng mẹ đẻ, sự tận tụy trau giồi và làm giàu cho văn chương Việt ngữ của thi sĩ, là những nét đặc thù của một con người can đảm, giữa thời đa số «trí thức» thích nói tiếng Tây, bành diện có những đứa con mang tên Pháp... Phải chăng Đông Hồ đã xa mong — hay xa thấy, biết chừng đâu! — sự thay đổi cuộc diện trên đất nước và ngày thoát ly xiềng xích của dân tộc! Dầu sao, nhà văn học sử hiện này cũng như về sau không thể không liệt hai chữ Đông Hồ cạnh tên những văn sĩ thi sĩ tiền phong trên mặt trận phục hưng và phát triển nền văn chương Việt ngữ.

Ngoài ý nghĩa kỷ niệm, tôi cảm thấy một ý nghĩa khác trong cuộc lễ hôm nay. Trong đám môn đệ hiện diện tại đây của người quá vãng, bao nhiêu người đã chịu ơn điều dặt chỉ bảo qua lối hàm thụ của Trường Trí Đức và bao nhiêu người đã thụ huấn trực tiếp? Tôi nghĩ số sau phải đông hơn số trước. Nếu đúng với sự thật thì đây là một bằng cứ chứng minh tình sự đệ chưa mất hẳn trong hoàn cảnh cực kỳ xao trộn hiện nay. Tuy nhiên, chắc chắn thầy đã ra thầy cho nên nay mới có cảnh trò ra trò: lại một gương khác mà «thầy giáo Phác» có thể lưu lại cho

bạn đồng nghiệp, lại một cử chỉ đẹp theo nếp cổ phong mà toàn anh em trong Ban Tổ chức đã bộc lộ một cách cảm động, khiến người học trò ngày nay phải suy gẫm.

«Tôi kính bái hương linh người bạn thuở xưa và thành thật ngợi khen sáng kiến cũng như việc làm của Ban Tổ chức.»

Một môn sinh của Cổ Thi-sĩ Đông-Hồ, Giáo sư Trịnh-Long-Tuyền đã lược thuật tiểu sử và sự nghiệp của Cổ Thi-sĩ bằng những tiếng rung rung kể lại cuộc đời thăng trầm làm văn, viết báo, liên miên thất bại của Cổ Thi-sĩ. Vì «Văn viết kỹ quá nên báo ít ai mua». Tuy vậy những sự thất bại trên lĩnh vực thương mại ấy trái lại là sự thành công lớn trên sự nghiệp văn học vì đó là những tờ báo viết kỹ và đúng dấu hỏi ngã nhất Miền Nam thời bấy giờ. Sự nghiệp văn học còn được thành đạt hơn nữa nhờ gương tự học Quốc văn, công trình tài bồi cho Quốc văn phát triển từ buổi Nam Phong đến thời tiền chiến. Thời nào Đông-Hồ cũng góp mặt với Thi-Văn đàn cả thời kháng chiến, đấu tranh và thời

sau này đất nước chia đôi Đúng như lời Giáo sư Phạm Việt Tuyền hai năm trước kia đã nói:

«Đông Hồ nhà thơ đời mới hoai,  
Trẻ lại mãi, tiền bộ không ngừng»:

Và Thi-sĩ là người duy nhất đã góp phần vào sự nghiệp văn học từ khi nền văn học Quốc ngữ mới thành hình tự buổi Nam Phong, đề chứng kiến nó dần dần lớn mạnh, phát triển, trưởng thành mà vẫn không ngừng tay đóng góp. Vào khoảng cuối đời Ông, Ông đã thấy nền văn chương ấy rạng rỡ, đơm hoa kết nhụy trên nền trời Đại-học Văn-khoa giữa những mùa vàng son.

Màu vàng màu dân tộc  
Màu son màu của học trò  
... Lời châu ý ngọc kết tinh  
mây biếc sang nền tuyết trắng  
Văn chương quốc ngữ trưởng  
thành

Hơn hờ chùm hoa đặc thắng

Nhóm môn sinh đông đúc xum xuê tại ngôi trường Đại học Văn khoa là phần thưởng cho thi nhân.

«Một trời mực đậm son tươi  
Một trời Đại học, một trời Văn  
khoa,

CHÚC MỪNG

TRẦN KIÊM THÊM

và

ĐOÀN THỊ THANH VÂN

trăm năm hạnh phúc

LÊ NGỘ CHÂU — VÕ PHIẾN

Tiếp theo lại một môn sinh nữa, Giáo sư Trương-Minh-Hiền, lên nói về tâm sự của Đông Hồ. Diễn giả căn cứ vào tác phẩm Bội-Lan Hành xuất bản sau khi Đông Hồ từ trần, theo diễn giả, Đông Hồ đã gói gắm lời di-chức của mình trong tập thơ ấy.

*«Trăm kềm hai dòng lệ  
Gởi lại Mái trắng non  
Gởi làng thơ đau buồn ..»*

Lời trần tình tâm sự là tiếng nói của một kẻ bị lưu đày trên đất Trích quê hương. Từ Hà Tiên chạy loạn lên Kinh thành cát bụi, bị lạc lõng, bơ vơ, cô đơn, không hẹn ngày trở về và kéo dài cuộc đời «Một chiếc hoa rụng cuối mùa» đem chút hương tàn góp vào hương lòng đất nước. Chí sở nguyện của tác giả là giữ vẹn niềm trinh ý trắng đối với nền văn trụ bút đề làm đẹp cho Quốc ngữ và Thi ca.

Phần cảm tưởng của quan khách rất hào hứng.

Những cảm tưởng có vẻ mới mẻ sáng tạo và phấn khởi nhất là của Linh Mục Thanh Lãng. Cha Thanh Lãng đã nhân danh người bạn văn, người đồng nghiệp, người ái mộ đức độ phong cách và văn tài của Cố Thi sĩ Đông Hồ đã phát biểu đại ý như sau :

☉ «Đông Hồ là nhà thơ, nhà văn ở miền cực Nam mà tâm hồn luôn luôn hướng về miền cực Bắc, Đông Hồ sinh trưởng ở Miền Hà-Tiên Kiên-Giang, Miền cực Tây của Nam Việt Nam, Miền có nền văn hiến cũ kỹ từ thời họ Mạc khai sáng, sau này.

Miền Nam là nơi phát sinh ra những trào lưu văn học mới lớn lao nhất của V.N. Miền Bắc chỉ có công tô điểm, mài giũa cho sắc sảo hơn. Miền Nam là nơi phát sinh ra chữ Quốc ngữ. Miền Nam tiên phong trong phong trào Tiểu thuyết với Hồ Biểu Chánh, Báo chí với Trương Vĩnh Ký. Thơ Mới với Phan Khôi, Nữ sĩ Mạnh Mạnh Nguyễn Thị Kiêm, Miền Nam khai sinh ca kịch sân khấu cải lương, Miền Nam dẫn đầu Tân nhạc và cả Tôn giáo và còn gì nữa... Miền Hà Tiên Kiên Giang xưa kia đã có thành tích văn hóa với Thi đàn Chiêu-Anh-Các của họ Mạc thì miền Hà Tiên Kiên Giang thực xứng đáng là «Đất Tỏ» của bao nhiêu trào lưu văn học lớn của Việt Nam, Hà Tiên là «Đất Tỏ» của Văn học Miền Nam nói riêng và Văn học mới của Việt Nam nói chung vậy. Đông Hồ được sinh trưởng trên vùng «Đất Tỏ» của nền văn học ấy đã làm rạng rỡ cho văn học và quê hương. Hôm nay, tôi trở về đây, được cái hân hạnh đứng trên mảnh «Đất Tỏ» của văn học Việt Nam lẽ ra tôi phải cúi xuống khi mới bước ra phi cơ, hôn lên mảnh «Đất Tỏ này...» Sau cùng Linh mục Thanh Lãng đề nghị nên đặt cho ở Kiên Giang và Thủ đô Saigon những con đường mang tên Đông Hồ để ghi nhớ công lao người có công lớn với nền văn học đất nước và dân tộc.

Nhà văn Sơn Nam, nguyên quán ở Kiên Giang, bằng lời nói trào lộng gây nhiều trận cười cho cử tọa. Ông đã nhấn mạnh về vị trí kinh tế và văn hóa của miền Hà Tiên Kiên Giang.

Nơi đây mới được tìm thấy mỏ dầu lửa và nơi đây còn có truyền thống văn học mà Đông Hồ là đại diện xứng đáng. Ông Sơn Nam kêu gọi phải tận lực phát triển kinh tế để V.N trở thành một cường quốc dầu-hỏa và dùng kinh tế để xây dựng văn hóa dân tộc chống lại mọi ý hướng lai-căn. Ông ca ngợi Đông-Hồ tuổi trẻ mà đã biết tung ra ba «độc chường» để làm cho tên tuổi mình sớm nổi như cồn:

a) Thứ nhất là bài «Hà Tiên Mạc Thị-sử» của Đông Hồ đăng ở Nam Phong số 143, một bài nghiên cứu về sử-học tường tận có tinh thần tôn trọng sử-liệu và trình bày khá khoa học, khác hơn lối viết sử vì tình cảm của các nhà làm sử thời đó trở về trước.

b) Thứ hai là bài văn «Một cuộc viếng thăm đảo Phú-quốc» và «Linh Phụng ký» Những bài bút-ký và du-ký viết theo lối văn êm ái, sáng sủa, mới mẻ, so với lối văn khắc khổ khô khan của Phạm Quỳnh.

c) Thứ ba là «Trí-Đức học xá» một việc làm can đảm vì thời đó «ai dám dạy học tư là làm Cách-mạng, là Cộng-sản» theo quan-niệm của người Pháp và chính quyền thời đó. Đông-Hồ chẳng những dám dạy tư mà còn dạy chuyên tiếng Việt, dạy suốt tám chín năm trường và có học trò ở khắp nơi.

Thi-sĩ Kiên Giang Hà-Huy-Hà, tác giả «Hoa-trắng thôi cài lên áo tím» và «Lúa sạ miền Nam» nói về tình yêu quê hương «*Người ta có thể sống xa quê hương không thể tách rời con tim khỏi quê hương được*». Ông nhắc

lại công trình khai hoang của các bậc tiền nhân đã biến những «Vùng đất sinh thành đất đứng» và công trình tạo lập văn-hóa vào công cuộc khai hoang viết văn, làm thơ, hát tuồng.. Thi-sĩ Đông-Hồ một thi-sĩ xa quê hương mà vẫn hướng lòng về quê hương, làm đẹp cho quê-hương bằng công trình văn-học của mình. Ông không quên đề cập đến các nhà văn nhà báo đã quá cố như Trúc-Hà, Lư-Khê, và trên 30 văn-nhân ký-giả nguyên gốc tại Kiên-Giang hiện đang tận tụy phục vụ cho nền văn-học quê-hương của Thủ-đô.

Sau cùng ông đọc lên vài câu ca-dao ý-nghĩa nhắc lại lòng gắn bó với quê hương.

*Muốn ăn cháo cá rau cần*

*Thì về Rạch-Giá cho gần đường đi.*

Và kêu gọi nối tiếp sự nghiệp văn học liên tục :

*Ngàn xưa nối tiếp ngàn sau*

*Cho dòng lịch sử rạng màu tinh anh.*

«Màu tinh anh» là thứ tinh anh mà Đông-Hồ đã ghi lại trong hai câu thơ Kiên-Giang cho là nhiên ý-nghĩa nhất.

*Trong cơn gió loạn hoa nào nở*

*Là chút tinh anh gọi lại đời.*

Đó là thứ tinh anh muôn đời đã góp phần phát triển văn học giống nòi để chống lại mọi cuộc vọng ngoại, lai căn và nô lệ...

Nhà văn Mai-Chường-Đức trình bày dài về cái chết của Bác-sĩ Hồ-Thích ở Trung-Hoa, chết trong học-viện, để so sánh cái chết của Đông-Hồ tại



giảng-đường, đề so sánh sự nghiệp của hai nhà văn-hóa cùng thời và ý-nghĩa của sự-nghiệp tranh đấu cho Việt-ngữ của Đông Hồ và Bạch-thoại văn của Hồ-Thích ; sau cùng ông kêu gọi sự tích cực đầy mạnh phong-trào dịch-thuật để làm giàu hơn nữa nền văn-học, cho đàn sau tiến theo người đi trước nối tiếp sự nghiệp của Đông-Hồ.

Cuối cùng là Bà Mộng-Tuyết, đáng yếu đuối, và vì tuổi cao, cảm động vì bị khích động mỗi thương tâm trước di ảnh của người quá cố, trước tấm chơn tình, trước những niềm bi thiết của bằng hữu và môn sinh, lên bày tỏ lòng cảm tạ đối với Ban Tổ-chức, các cấp chính-quyền và các quan khách. Trông và nghe Bà nói, người ta có cảm tưởng nghe «Một nửa của Đông Hồ» (Lời của Linh mục Thanh Lăng) trở về hội ngộ với bằng hữu và môn sinh.

Buổi lễ bế mạc bằng cuộc thưởng âm các trân ngoạn của Đông Hồ bày

trong phòng hội. Các nam nữ học sinh và quan khách thỏa thích nhìn ngắm những bài thơ, thiệp xuân, triện son, ấn tín, thi, họa, câu đối bằng bút lông viết quốc ngữ của Cố Thi-sĩ Đông Hồ. Trưa tiêng-trường sáng rõ, 2 câu viết chữ son trên nền vải trắng :

*«Những đấng tài hoa giá ngọc  
càng cao trong buổi mới.  
Một thiên tuyệt bút hảo thơm  
lần đở nhớ người xưa»*

(ĐÔNG HỒ)

Và một đôi câu khác ghi trên biểu ngữ giữa hội trường cũng của Đông Hồ nói lên giá trị bất tử của chính tác giả :

*«Một khối văn ấy, nghìn năm hãy  
còn phiêu diêu dưới vùng tinh nhật.  
«Một vết mực ấy, muôn thuở hãy  
còn bàng bạc trong cõi giang hồ.*

(ĐÔNG HỒ PHÚ)

TIÊU LU KHÊ

## Tạp chí KHAI-PHÓNG

CƠ-QUAN NGÔN-LUẬN CỦA

PHỤ-HUYNH HỌC SINH KHÁNH-HÒA NHA-TRANG

*Diễn Đàn Văn-Hóa. Giáo-Dục Xã-Hội — Nơi vận động cho Viện Đại-Học NHATRANG — Nơi giao-ngộ của những nhà văn, Học giả, Giáo-sư tên tuổi.*

Số 10 sẽ phát-hành vào cuối tháng 4-71. Có bán tại các tỉnh Vùng II Duyên Hải và các nhà sách lớn ở Sài gòn.

**Tòa-soạn : 40 Yersin NhaTrang**

**Văn-phòng liên-lạc : 95, số cũ 53 Phước Hải NHATRANG**



## THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói: 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG  
 có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)  
 màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số: 2.701 THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

# TUỔI TRẺ HƯ KHÔNG

6 / *Truyện dài* HOÀNG NGỌC TUẤN

Tôi muốn nhắm mắt ngủ, ít nhất là trong đoạn đầu của chuyến đi. Bởi thế xe dò ròi khỏi Qui Nhơn lúc nào tôi cũng không biết, chỉ nghe mơ màng bên tai tiếng gió và một bầu không khí thoáng mát của đường xa. Tiếng trò chuyện lao xao của tám chín hành khách bắt đầu làm quen với nhau trong lòng chiếc xe nhỏ, vo ve chung quanh thật khó chịu như một bầy ong trong khóm cây. Nhưng rồi dần dần tôi cũng lơ là được với âm thanh ấy, chỉ còn mùi dầu Nhị-thiên-đường hắc nồng là còn cảm thấy mùi dầu không biết có đem lại dễ chịu gì cho người khác không, chứ chỉ tỏ làm tôi nôn nao trong bụng tưởng chừng như muốn nôn mửa ra được.

Tiếng động rầm rầm bỗng nổ bật dưới những bánh xe, đánh thức tôi khỏi cơn mê ngủ chập chờn. Tôi mở mắt, nhìn thấy đầu tiên mờ tót đen bần bám tận gáy và chiếc mũ lụp xụp của người tài-xế.

Xe đang chạy qua một chiếc cầu sắt nhỏ, không có hai thành cầu nên khi nhìn ra ngoài, có cảm tưởng như mình sẵn sàng nhào xuống lòng nước sông đờ đẫn. Song song với cây cầu sắt là những nhịp cầu bằng xi-măng lớn hơn nhưng đã gãy

đồ vì bị đặt mìn, thành cầu chúi xuống nước và con đường rầy xe hỏa nằm cong queo.

Một chút hương thơm của đồng nội phảng phất bên ngoài. Tôi muốn nhắm mắt lại, dỗ uể giắc ngủ vì đêm qua thức trắng.

— Anh có hộp quẹt không, cho tôi xin một chút lửa.

Tôi quay sang người bên cạnh tìm chiếc hộp quẹt mềm ướt mồ hôi trong túi áo đưa cho y. Đó là một người đàn ông đã có tuổi, khoảng trên dưới bốn mươi, miệng ngậm chiếc ống điếu sần sùi những tầng gỗ màu nâu, tay y đang loay hoay với chiếc bật lửa loại đắt tiền nhưng có lẽ đã hết xăng nên không bốc lửa được. Y cầm chiếc hộp quẹt giắt của tôi, cúi đầu thấp xuống dưới hàng ghế để tránh gió. Phải mất vài cây diêm ngọn lửa mới bắt vào trong tàu thuốc, bốc lên nhiều khói và một mùi thơm rất nồng.

Người đàn ông làm tôi thấy thèm thuốc. Tôi cũng hút một điếu, thứ thuốc lá thơm của Mỹ vừa mua lẻ vài điếu ở bến xe. Người đàn ông trả lại chiếc hộp quẹt, y chỉ nói cảm ơn vắn tắt rồi chăm chú vào một cuốn sách y đang đọc dở.

Tôi liếc thấy nhan đề trên bìa sách :

*Cơ-cấu của những tổ-chức chính-trị quốc-tế :*

Tôi cũng thích đọc sách nhưng cái đề tài loại đó làm tôi nản và ít khi đọc hết được một chương. Ngụm khói thuốc trong miệng làm tôi thấy khó ngủ lại được. Bên ngoài, cảnh tượng hoang vắng của những dãy núi xa xa và xóm làng thưa thớt đang chạy ngược chiều. Thỉnh thoảng mới trông thấy những hình người nhỏ xíu trên đồng ruộng khô cằn. Miền quê có vẻ xơ xác và mệt nhọc, chỉ được một điều là làn gió mát lúc nào cũng đầy ắp trong không khí, thổi ào ào vào mặt tôi làm tóc bay rối lên, da mặt tê tê một chút để chịu vì những ngọn gió bất tuyệt vô về.

Một lát sau tôi nghe tiếng ngáp nhỏ kín đáo của người đàn ông bên cạnh. Y đã úp những trang sách, nằm ơ hồ trên đầu gối và mắt nhắm lại với dáng mệt nhọc. Tôi tò mò nhìn khuôn mặt người đàn ông và ngạc nhiên không hiểu tại sao y lại chịu đi trên chiếc xe đò tồi tàn này. Tóc y lấm tấm một vài sợi bạc bên mai, những nếp nhăn của lo nghĩ và của tuổi tác ghi đậm trên trán. Y ăn mặc một cách đơn giản nhưng không dấu được vẻ giàu có ở chiếc áo trắng với cặp *manchette* nơi cổ tay, ngoài khoác chiếc áo ấm mỏng. Và một chiếc cặp da loại đắt tiền luôn luôn dựa sát vào bên người y. Y có dáng dấp của một tay làm ăn lớn hay là một khuôn mặt quen thuộc thành thạo trong giới quyền thế.

Nhưng dù sao, không nên tò mò với người lạ này làm gì. Y chỉ ở bên cạnh tôi trong một ngày đường

là nhiều, đám hành khách đang ngủ gà ngủ gật cũng thế. Khi chiều xuống, xe đến Nha-Trang và mỗi người sẽ mất hút ngay theo những lối đi về nhà của mình. Còn tôi sẽ ngủ đờ đầu đó một đêm, chờ chuyển xe sáng mai đi vào Sài-gòn.

Xe dừng lại ở Ninh-Hòa vào quá buổi trưa để hành khách dùng cơm. Trước dãy quán nằm trên con quốc lộ số 1 đã có từng hàng xe đò đậu nối đuôi nhau. Tiếng nổ của động cơ rú thêm vài hồi rồi tắt máy, hành khách mệt nhọc bước xuống, với những lưng áo nhăn nheo và tóc tai bám đầy bụi.

Tôi ngồi ở một chiếc bàn trong cùng, thực khách ồn ào huyên náo đầy nghẹt chung quanh. Trước mỗi quán ăn ở đây đều treo lủng lẳng những đèn chả nộm, dưa xanh chất từng đống trông thật mát mắt.

Đường xa làm đói bụng hơn thường lệ, tôi ăn ngon lành đĩa cơm bò xào, thêm một ly chanh muối nhiều đá lạnh.

Người đàn ông lớn tuổi lúc nãy ngồi cạnh tôi, lững thững bước vào quán, chiếc cặp da vẫn nằm trong tay y. Đôi mắt của y có vẻ thờ ơ nhìn một vòng quanh trong quán. Không còn chiếc bàn nào trống, hầu hết những chuyến xe đò đều dừng lại ở cái quận Ninh-Hòa bé nhỏ và đầy nắng này. Người đàn ông chợt nhìn thấy tôi và một chiếc ghế trống bên cạnh, y nhếch miệng cười và tiến lại. Cái giọng nói trầm trầm nặng nề của y lại lên tiếng :

— Ghế này có người nào ngồi chưa?

— Chưa. Ông có thể ngồi tạm ở đây.

Y ngồi xuống, chiếc cặp da để dưới chân và y lại từ tốn nhồi thuốc vào ống điếu. Có lẽ y đã mua một chiếc hộp quẹt ngoài sạp thuốc, y hút một hơi và khẽ đưa ngón tay gọi người bồi.

— Có canh chua cá lóc không ?

— Dạ có chứ, quán chúng tôi đông khách nhất nhờ món đó... Canh chua nấu với đầu cá và...

Y khoát tay cho người bồi đứng lại bài học thuộc lòng quảng-cáo của gã.

— Thôi, được rồi. Cho tôi món đó, thêm một đĩa gà rang mặn và chai bia 33.

Tôi ăn xong nhanh chóng bữa cơm nhỏ vội vã dọc đường. Tôi hút một điếu thuốc như thường lệ và ngồi nhìn vắn vơ hoạt cảnh đầy người ngợm lao xao bên cạnh, tay tôi buồn buồn bẻ gãy vụn mấy cây tăm.

Một thằng bé bán báo đi vào, người đàn ông trước mặt tôi mua một lúc ba bốn tờ. Y đọc lướt qua trang nhất, mắt có vẻ chăm chú và miệng vẫn không rời chiếc ống điếu bốc khói. Y lật qua loa nhanh chóng những trang báo rồi xếp lại, y chợt nhìn thấy tôi đang chú ý quan sát y. Y mỉm cười bắt chuyện:

— Anh đọc báo mới không, có nhiều tin sốt dẻo lắm.

Tôi nói cảm ơn và cầm lấy tờ báo nhưng bỏ mặc những biến chuyển thời sự chính trị quan trọng ở trang nhất, tôi chỉ chú ý đến mục rao vặt, tìm xem có chỗ nào cho thuê phòng ngủ ở Sài Gòn, tôi cũng theo dõi những lời rao cần người làm... thư ký, kèm

trẻ em học, giao dịch... Có lẽ trước hết tôi phải tìm được một ngôi nhà nào đầu vớ vắn đến đâu cũng được, nếu không muốn chết đói ở một thành phố lạ sau khi số tiền ít ỏi trong túi đã cạn.

Tiếng người đàn ông:

— Anh đi Nha-Trang ?

Tôi dè dặt nhìn y, trả lời:

— Xa hơn một chút nữa. Sài Gòn.

Người đàn ông «à» một tiếng, y nhìn tôi với vẻ thân mật, thêm một chút quan sát tò mò thích thú. Nhưng khó mà ghét một người như y được, dầu tính tôi không thích nói chuyện với người lạ, gương mặt y có một cái vẻ gì đứng đắn làm người ta tin cần ngay được, dầu đôi mắt hay nheo lại một cách khinh bạc và hơi hung dữ. Y nói:

— Thế là có lẽ lại gặp anh trên chuyến xe ngày mai nữa rồi.

— Ông cũng vào Sài-gòn.

Người đàn ông gật đầu. Tôi tiếp tục câu chuyện vì đã đọc qua hết trang rao vặt và không muốn đọc thêm một cái gì hết trong tờ nhật báo.

— Chắc là vì công việc. Sao ông không đi máy bay nhanh và khoẻ hơn.

— Tôi có vài chuyện riêng, ở những tỉnh dọc đường. Và... đừng gọi tôi bằng «ông», tôi rất sợ già.

Tôi bật cười trước câu nói đùa của khách lạ. Y tiếp tục:

— Gọi tôi bằng «anh» cũng được.

Tôi hơi ngạc nhiên về người đàn ông, y có lẽ lớn gấp đôi tuổi tôi, những dấu hiệu già dặn từng trải lộ rõ trên khuôn mặt và dáng điệu của

y, nhưng đôi lúc y cũng có một chút gì vui vẻ và cởi mở.

— Chú tên gì?

— Lạc.

— Còn tôi là...

— Tôi biết tên ông rồi.

Tôi mỉm cười giải thích cho y hiểu bằng cách chỉ tay vào chiếc cặp da của y, trên miếng giấy nhỏ dán trên cặp có một hàng chữ đánh máy: *Trần Văn Hiền*. Tôi nói đùa:

— Chỉ còn thiếu ghi nghề nghiệp. Ông Hiền nhún vai.

— Tôi làm vài nghề lằng quằng. Còn chú?

— Chưa có. Nhưng chắc rồi cũng lông bông hơn cái nghề "loăng quăng" gì đó của anh nữa.

Ông Hiền nhìn tôi với vẻ ngạc nhiên, ông đồ những màu tàn thuốc ra trong chiếc gạt tàn. Đôi mắt ông nheo lại, cái dáng quen thuộc tôi

thường thấy ở những người lớn khi có điều gì không bằng lòng về tôi.

— Ở tuổi chú mà nói đến nghề nghiệp thì hơi bậy. Đáng lẽ tôi phải hỏi đến chuyện học hành. Chú vào Sài Gòn để theo học ở trường nào?

Tôi mỉm cười, hơi thích thú vì đã ăn nói như một kẻ « phong trần » với ông Hiền. Gia đình, học đường... Những thứ đó chắc là quan trọng ghê lắm đối với ông Hiền khi ông bằng tuổi tôi. Nhưng giờ đây, tôi đã dứt bỏ sớm. Tôi nói, với cái giọng và lời lẽ cố làm cho ông Hiền thêm ngạc nhiên cho vui:

— Học đường, nghĩa là học ngoài đường. Tôi sẽ ghi tên vào trường đó.

Ông Hiền nhiu mày lại nhìn tôi chờ đợi.

— Chú đừng nên đùa như thế. Chú vào Sài Gòn để làm gì nếu không tiếp tục học hành, và ở với ai trong đó, cha mẹ hay bà con?

**TỦ SÁCH CỦA BẠN, ĐÃ CÓ CHƯA :**

**CON NGƯỜI VÀ KỸ THUẬT**

của OSWALD SPENGLER

« ... đối với nhiều người. OSWALD SPENGLER là « con chim báo điềm dữ » đã từng « báo động » cho các người Tây phương rằng tình trạng của họ chẳng có gì tốt đẹp.

.. Phần đóng góp chính yếu của SPENGLER là ở chỗ KHÍCH ĐỘNG mạnh mẽ, khốc liệt mà tư tưởng của ông đem lại cho bất cứ độc giả nào sẵn sàng tiếp thụ. »

ANATOLE A. PETROWSKY

**KINH-THI ấn hành**

— Ở một mình, và sẽ làm nhiều thứ, giờ thì chưa biết sẽ làm gì nhưng chắc chắn là không ngồi trong lớp học hay yên ổn trong gia đình.

Ông Hiền có vẻ hiểu, ông lặng lẽ nhồi tiếp thuốc thêm vào ống điếu và nhìn tôi. Nhưng rồi ông phải tạm dừng hút thuốc. Những món ăn đã được người bồi dọn ra đang nghi ngút khói. Ông Hiền uống một ngụm bia, lắc đầu nhìn tôi :

— Lại thêm một kiểu tuổi trẻ «bụi đời». Thôi, chốc nữa chúng ta nói chuyện tiếp trên xe.

Tôi đỏ mặt vì những chữ dùng có vẻ chế diễu của ông Hiền. Trong lúc ông ngồi ăn, tôi lục túi và mới biết đã đánh mất cái địa-chỉ chỉ-dẫn nhà trọ của Đình, chắc là đã rơi ở bến xe Qui Nhơn khi hai đứa vội vàng lúng túng từ giã nhau. Tôi phải mượn lại một tờ nhật báo của ông Hiền. Tôi may mắn tìm thấy một hàng rao vặt thích hợp với mình, bên cạnh những chữ đầy đặc rao bán nhà cửa xe cộ và phân tru với những người chết. Tôi ghi vội cái địa chỉ cần thiết ấy vào chiếc hộp quẹt giấy : *nhận cho học sinh, sinh viên ở trọ, hỏi số... đường Bùi Chu...*

Khi ông Hiền đã ăn cơm trưa xong và chưa kịp hút thêm một hơi thuốc, người tài xế đã dáo dác đi quanh quán, vai gã vắt vèo một chiếc khăn lông dơ bẩn, cây tăm nằm giữa hàm răng có nhiều cái vàng chói.

— Mời bà con cô bác lên xe. No nê rồi, ráng thêm vài giờ nữa là đến Nha Trang, tha hồ đêm nay ngủ ngon... vợ chồng con cái gặp nhau... Mời bà con cô bác.

Câu nói oang oang hài hước của gã tài xế thật vô duyên, nhưng cũng có được vài tiếng cười khúc khích của mấy cụ đàn bà làm gã có vẻ khoái chí ra mặt. Hành khách ồn ào đứng dậy, dắt díu nhau vui vẻ ra khỏi quán.

Lát sau, chiếc xe đồ chậm rãi lăn bánh rời bỏ Ninh Hòa, quận lỵ nhỏ nhoi với những hàng quán dọc theo hai bên đường, cây cầu nhỏ gần chợ và những mái nhà tranh êm ả trong khu vườn nhiều cây lá. Ở đây chỉ có thể, nắng chói chan nhảy múa trên đường quốc lộ.

Khi lên đến giữa Đèo Cả, xe bị hỏng máy và gã tài xế bây giờ đã đánh mất cái lối kể chuyện hay hát hò làm nhảm của gã. Gã cạo cọ chun cả bộ mặt dính đầy mồ hôi và dầu nhờn dưới gầm xe. Hành khách cũng có vẻ bức tức không kém, kéo nhau ra ngồi hóng mát bên vệ đường, lại thì nhau nói chuyện ầm ĩ.

Chiếc xe chạy khó nhọc và chậm như rùa sau khi có vụ trục trặc giữa đèo, nên đến chiều tối mới tới Nha-Trang. Tôi chưa biết Nha Trang lần nào, chỉ nghe nói ở đây có bãi biển và nhiều phong cảnh đẹp hơn Qui Nhơn nhiều. Dù sao, tôi cũng không còn thanh thần gì mà ngắm cảnh trong lúc này. Một người đàn bà ngồi trước tôi, bỗng đưa con gái nhỏ cho nhìn ra ngoài cửa xe : *Tháp Chàm Cầu Đá kia con, lát tối con sẽ được ngủ với ba rồi, thích không ?*

Khi chia tay ở bến xe, ông Hiền đề-nghị với tôi là cả hai sẽ đến ngủ ở nhà người quen của ông trong đêm nay. Tôi nói cảm ơn với ông và hẹn đến sáng mai sẽ gặp lại trên

chuyến xe vào Sài Gòn. Còn đêm nay, đây là đêm đầu tiên ở một nơi lạ của tôi, xa cách hẳn gia đình và những bạn bè thân thuộc cũ, tôi muốn ở một mình.

Ông Hiền bắt tay tôi, ông nói hơi có vẻ đùa cợt.

— Thôi, sáng mai gặp lại, nếu chú không đổi ý định và đón xe trở về. Thực tình tôi rất mừng khi thấy sáng mai chúng ta sẽ đi ngược chiều nhau, mặc dầu có chú đề nói chuyện trên chuyến đi này cũng đỡ chán.

— Anh yên chí, ngày mai sẽ còn tiếp tục câu chuyện.

Tôi tìm thuê phòng ở một khách sạn tồi tàn nhưng giá rẻ tiền gần bến xe. Có lẽ trung tâm thành phố Nha

Trang ở khá xa đây nên bây giờ, khi trời vừa tối, bóng đêm âm u đổ xuống nhanh chóng trên bến xe lác đác người ra về.

Trước một cái quán lụp xụp nhỏ hắt ra chút ít ánh đèn vàng, bộ bàn ghế lỏng chỏng và một vài người tài xế và thợ máy đang khề khà với nhau những chai bia.

Tôi đi về phía đó, sau khi đã bỏ chiếc xắc tay nhỏ trong phòng khách sạn. Tôi muốn mua một bao thuốc Bastos xanh rẻ tiền để hút trong đêm nay, chắc là khó ngủ mặc dầu đã mệt suốt một ngày đường.

Tôi cũng thấy thêm một tách cà-phê nóng.

(Còn tiếp)

HOÀNG NGỌC TUẤN

*Rượu bổ*  
QUINQUINA

**Quina '9**  
CÔ ACIDE GLUTAMIQUE





*khai vị,  
ăn thêm ngon*

**BỔ OC**  
bồi dưỡng  
cơ thể



BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

KN 2079.677



# NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỐI

Giám đốc sáng lập : NHẬT-HẠNH

Lô O số 121 Chung-cư Minh Mạng

Saigon 10



## LỊCH SỬ TRIẾT HỌC TÂY PHƯƠNG

của LÊ-TÔN-NGHIÊM

*Lịch-sử triết-học Tây-phương là một cố gắng suy tư lâu dài. Ngày nay, dưới mắt chúng ta, lịch sử ấy đã trở thành một vở kịch diễn xuất trên dưới 2.000 năm. Căn cứ vào khoảng thời gian dài ấy người Tây-Phương đã có quyền kiêu hãnh, nhưng đáng kiêu hãnh hơn nữa là trong lịch-sử ấy đã thấy xuất hiện những sáng tác tuyệt vời của những thiên tài xuất chúng như Héraclite, Parménide, Socrate, Platon, Aristote, Kant, Hegel, Schopenhauer, Nietzsche, Husserl, Heidegger v.v.*

*Nhờ họ, một căn bản tư tưởng mạch lạc và sáng sủa đã được hoạch định để giúp con người suy tư về vũ trụ, về chính mình và về những gì siêu việt. Tuy nhiên, trong dòng lịch sử ấy chúng ta cũng sẽ chứng kiến những sức mạnh xung đột nhau, những cuộc tranh luận triền miên và những vấn đề xem ra không giải quyết được...*

*Bộ Lịch-Sử Triết-Học Tây-Phương của LÊ-TÔN-NGHIÊM đã và sẽ nói lên được tất cả những khía cạnh phức tạp ấy.*

---

Nhà sách «bỏ túi» (tại nhà xuất bản Lá-Bối) mở cửa vào đầu tháng 3-1971, bán sách của các nhà xuất-bản: An-Tiêm, Ca Dao, Cảo Thơm, Hồng-Hà, Nguyễn Hiến-Lê, Thanh-Tân, Thái-Độ, Trình Bầy, Tu-Thư Vạn-Hạnh, Sáng-Tạo, Võ-Tánh, Lá Bối, Lửa Thiêng, Phong Phú v.v...

# BASTOS *Super*



巴

士

多

金

牌

煙

名貴

大地

大超

方等

Siêu đẳng thượng hảo hạng

ĐÃ PHÁT HÀNH:

## 15 GƯƠNG PHỤ NỮ

của MARIANNE MONESTIER

NGUYỄN HIẾN - LÊ lược dịch

\*Tôi mong rằng đọc xong cuốn này, lòng tự tin của bạn gái sẽ tăng lên; họ sẽ thấy nếu họ muốn thì cũng lập được những sự nghiệp lẫy lừng như đàn ông, mà nền văn minh tương lai sẽ không phải của riêng đàn ông xây dựng, vì họ không kém đàn ông về một phương diện nào hết.\* (Trích lời tựa)

Trí-Đăng xuất bản và Đồng Nai phát hành



tác phẩm mới

do nhà An Tiêm xuất bản

- ★ **THIÊN LUẬN** của Suzuki  
Trúc Thiên dịch
- ★ **CỐT TỦY CỦA ĐẠO PHẬT**  
của Suzuki, Trúc Thiên dịch  
in lần thứ hai, có hiệu chính
- ★ **SỐNG THIỀN**  
của H. Herrigel Trí Hải dịch
- ★ **SÁU CỬA VÀO ĐỘNG THIẾU THẤT**  
của Bồ Đề Đạt Ma  
Trúc Thiên dịch  
in lần thứ hai, có hiệu chính

---

*Các sách trên do nhà ĐỒNG NAI phát hành*

---

Thơ do An Tiêm xuất bản :

- ★ **TA ĐỢI EM TỪ BA MƯƠI NĂM**  
tuyển tập thơ «Tình Yêu» của Vũ Hoàng Chương  
in lần thứ hai
- ★ **CHUYỂN MỘT HƯƠNG SAY**  
thơ Trúc Thiên  
một tập thơ có nhiều «cái lạ»

# Đi câu với Phạm Lê Phan

## Thơ TƯỞNG LINH

Tặng Phạm-Minh-Cảnh

Nước mặt hồ vương sương sớm mai  
Trúc cong như một nét mi dài  
Lòng vui nô nức chờ phao động  
Sầu bỗng quên và nhớ bỗng phai

Phôi thoát làn mây bụi thị thành  
Ngày lên ăm ắp gió đồng xanh  
Cá gì lay nhẹ chòm bông súng  
Riu rít đàn chim sẻ chuyển cành

Đây miền Tân Thuận giống quê ta  
Tre rợp đường thôn, ruộng tiếp nhà  
Mùa mới nắng pha mùi rạ mới  
Bờ ao đan nhánh quit sai hoa

Lần nữa thành quen Bình Trị Đông  
Nhịp xe thổ mộ bụi trưa hồng  
Quán nghèo, lộ vắng, ly trà đậm  
Nệm cỏ mời lưng trẻ mục đồng

Lơ dăng dần xa hút Phú Lâm  
Lá sen san sát tỏa trên đầm  
Gợi thương về những mùa sen cũ  
Rào rạt tình thơ nhớ Tỉnh Tâm

Bình Chánh mênh mông lúa khuất đầu  
Ta ngồi bên một giếng bom sâu  
Mỗi lần cá trửu cong cần trúc  
Ngõ mảnh bom nào vương lưỡi câu...

Gửi trọn si mê giữa nước, trời  
Quên mình, quên cả bóng chiều rơi  
Lợi danh xin lánh sang đường khác  
Đừng bận lòng ta lỡ cuộc chơi.

## Tình đi mùa thu

sao không là thu trong thành nội  
cho ta ngồi đếm mộng dưới trăng vàng  
cho sầu này chôn sâu lòng tháp cổ  
cười say sưa như uống rượu ấm nồng

sao không là thu trong thành nội  
cho ta gặp em qua đóm thuốc bập bùng  
thắp lại hồn ngọn lửa tình đã tắt  
cải đăm mê trong túi áo hoang đường

sao không là thu trong thành nội  
cho ta gặp bạn bè giữa lá vàng bay  
cho mây về mang đầy tâm sự cũ  
phủ vào lòng chút mơ ước lâu nay

sao không là thu trong thành nội  
cho ta tựa lưng đứng với nhịp cầu  
trả áo phong trần cho cát bụi  
nhận diện mình dưới đáy sông sâu

sao không là thu trong thành nội  
cho ta về vui chút mộng gia đình  
qua phố chợ nhìn mặt người quen biết  
và xin sống giữa những ngày đao binh

## Chút tình băng khuâng

cỏ cây ngủ gục đôi bờ  
nước trong khe đá lạnh lờ buông xuôi  
chiều tàn trên lá mồi côi  
ta thân lữ khách ngậm ngùi phương xa  
hồn du ngọn gió la đà  
mắt mù một cõi sương sa lạnh lùng  
với tay giữ chút tình cùng  
nghe sao hiu quạnh giữa vùng thình không.

(michigan)

# Một thành phố cho tương lai

Thơ ĐÔNG TRINH

Dù rất xa nhưng đường đi phải tới,  
Vi đau thương đã nạm ngọc chân người,  
Hãy thông thả, không việc gì phải vội,  
Trong đêm buồn đã thấy rõ ngày vui.

Ngày huy-hoàng sau từng cơn biển động,  
Gió đã lên cao, no những thân bướm.  
Đêm đã chết, một mặt trời rực sáng,  
Mái chèo nào khua vỡ sóng trùng dương?

Hãy thức dậy cùng tôi chào thành phố,  
Gởi lời hỏi thăm đến những con đường.  
Buổi sáng người về cờ hồng lối gió  
Trên đỉnh này ta thắp sáng quê hương.

Chào anh em sau nhiều năm biệt tích,  
Râu tóc hoang vu không nhận rõ dáng người.  
Chào sự sống trở về từ cõi chết,  
Chào vết thương, giọt máu vẫn còn tươi.

Xin mở cửa ra nhìn nhau bốn phía,  
Gọi bà con đem phân phát nụ cười.  
Đuổi khỏi bóng đêm từ lâu ngự trị,  
Đuổi lời vu oan hờm sẵn trên môi.

Ngã tư này là công trường hội ngộ,  
Người đổ về như nước lũ tìm sông,  
Cuốc xẻng trên tay, anh lấp hầm hố  
Chị tìm tên mình trên bảng phân công.

Thành phố vui khi cơn mưa chợt đến,  
Đại lộ xanh cây, bến nước ấm tình.  
Xưởng máy cao ngất, trời xanh khói cuộn  
Tiếng búa dòn đập vỡ nắng bình minh.

(Trong "Đông Phương Hồng" sắp xuất bản)

# Thời sự thế giới

TỪ-TRÌ

Quyết định của Hoa kỳ rút thêm quân khỏi Việt Nam, những lời lẽ trong bản diễn văn ngày 7-4-1971 của ông Nixon đã cho người ta thấy trong chính sách đối ngoại của Hoa kỳ có nhiều sự thay đổi.

Sự thay đổi này, đã bắt đầu từ lâu và có ảnh hưởng không nhỏ tới các nỗ lực thương thuyết ở Trung Đông.

Tại Á Châu cuộc nội chiến tại Hồi quốc đã bắt đầu có những hậu quả quốc tế quan trọng. Thế giới sẽ có thể đi tới một chia rẽ trước vấn đề ủng hộ phe ly khai.

Phong trào ly khai cũng còn phát động tại Ai nhĩ Lan khiến một lần nữa chính phủ Bắc Ai nhĩ Lan cũng như chính phủ Anh trở nên lúng túng trước cuộc tranh chấp giữa các người tin lành và người công giáo hiện tại.

## Một vài sự thay đổi trong chính sách đối ngoại của Mỹ

Cuối tháng 4-1970 khi Tổng thống Nixon quyết định gửi quân can thiệp tại Kampuchea, dân chúng Hoa kỳ đã biểu tình rầm rộ để phản đối sự mở rộng chiến tranh. Nhưng ông Nixon đã nhất quyết dùng chiến thuật mở rộng chiến tranh để chấm dứt chiến tranh. Cuối tháng 6-1970 ông đã rút quân khỏi lãnh thổ Kampuchea. Nhưng ông vẫn tiếp tục theo đuổi chính sách mở rộng chiến tranh. Vào tháng 2-1971 ông đã ra lệnh cho không lực Mỹ yểm trợ cho cuộc hành quân Hạ Lào của chính phủ Nam Việt.

Vì lần này bộ binh Mỹ không tiến vào lãnh thổ Lào nên ông Nixon không gặp phải phản ứng nào đáng kể của dân chúng. Tuy dân chúng không có những hành động phản đối mạnh mẽ nào nhưng người ta đã bắt đầu tự hỏi không hiểu ông Nixon có cho dân chúng được biết đầy đủ sự thật về cuộc chiến tranh ở Việt Nam hay không. Một cuộc thăm dò dư luận của viện Gallup đã cho biết là 69% những người được tham khảo ý kiến đều cho rằng chính phủ Nixon dấu diếm nhiều sự thật về chính sách Việt Nam.

Sự mất tin tưởng của dân chúng một năm rưỡi trước cuộc bầu cử Tổng thống là một đe dọa trầm trọng cho tương lai chính trị của ông Nixon. Vì vậy ông phải, một mặt trấn an dân chúng Hoa kỳ là ông sẽ sớm chấm dứt chiến tranh để khỏi phải hy sinh tính mạng của thanh niên Mỹ, nhưng một mặt ông lại phải tỏ cho Bắc Việt biết rằng ông sẵn sàng can thiệp tại Việt Nam cho tới khi nào Bắc Việt bỏ chính sách xâm lăng của họ.

Ông đã tuyên bố là Hoa kỳ sẽ bảo vệ Nam Việt để cho nước này có thể tồn tại trước mưu đồ cướp chính quyền của Cộng sản, nếu không trên toàn thế giới, Hoa kỳ sẽ chịu những thất bại nặng nề, không đứng vững được nữa. Nhưng đồng thời ông cũng đã chuẩn bị rút thêm quân.

Trong bài diễn văn ngày 7-4 vừa qua ông Nixon đã loan báo là ông sẽ ra lệnh rút thêm 100.000 quân Mỹ nữa

trong thời gian từ 1-5-1971 tới 1-12-1971. Như vậy vào cuối năm nay Hoa kỳ chỉ còn có 184.000 quân tại Việt Nam. Do đó ông kết luận rằng 365.000 quân tức là 2/3 tổng số quân đội Mỹ sẽ rút khỏi Việt Nam vì chương trình Việt hóa đã được xúc tiến mạnh mẽ.

Để có thêm sự tin tưởng của dân chúng ông Nixon còn mở rộng chính sách hòa bình của ông trên toàn thế giới. Ông nói : Tôi muốn hòa bình chung cho cả Trung Đông, Âu châu, cả thế giới chứ không riêng gì tại Việt Nam.

Người ta không hiểu chính sách hòa bình của Tổng thống Nixon có nghĩa là ông đẩy mạnh hơn nữa sự cộng tác với phe Cộng sản hay không. Thật vậy, trong những ngày vừa qua người ta đã nói nhiều tới vấn đề Hoa kỳ thừa nhận Trung Cộng khiến các quốc gia đồng minh của Hoa kỳ ở Á châu phải lo ngại. Đại diện của Thái lan ở Liên Hiệp Quốc là Đại sứ Hanand đã lên tiếng tố cáo Mỹ thiếu trung thành với cam kết ủng hộ các nước Á châu trước âm mưu của Cộng sản.

#### Ngõ cụt ngoại giao tại Trung Đông

Trong khi Hoa kỳ bắt đầu áp dụng chính sách cộng tác với phe Cộng sản để giải quyết các vấn đề thế giới thì cuộc vận động hòa bình ở Trung Đông của ông Gunnar Jarring bị sa lầy. Ông Jarring đã trở lại Mạc tư khoa để tiếp tục giữ chức vụ Đại sứ Thụy điển tại Nga.

Theo ông Jarring thì giờ đến lúc Do thái phải tỏ thiện chí hòa bình

bằng cách chấp nhận nguyên tắc rút khỏi các lãnh thổ Ả rập mà Do thái đã chiếm đóng từ năm 1967 tới nay. Nhưng không có một dấu hiệu nào tỏ rằng Do thái muốn nhượng bộ như vậy cả vì Do thái tiếp tục coi các lãnh thổ này như những bảo đảm cho an ninh của họ. Ông Abba Eban vừa sang Hoa thịnh đôn để gặp các nhà lãnh đạo Hoa kỳ. Ông đã chứng minh cho 40 Thượng nghị sĩ Mỹ rằng các đề nghị của Ngoại trưởng Rogers không đủ để bảo đảm hòa bình cho Trung Đông.

Trước hoạt động của ông Eban tại Thượng viện Mỹ, ông Rogers cũng đã phải đến giải thích trước các Thượng nghị sĩ rằng tuy Hoa kỳ muốn Do thái rút khỏi các lãnh thổ Ả rập nhưng Hoa kỳ không bao giờ muốn dùng áp lực để làm như vậy, và các quyết định về hòa bình như thành lập một đạo quân quốc tế bảo vệ hòa bình là thuộc thẩm quyền các quốc gia liên hệ tại Trung Đông.

Những lời tuyên bố của ông Rogers đã khiến Do thái được thể tiếp tục thái độ cứng rắn, của mình Tổng thống Ai cập đã cảnh cáo Do thái rằng các giới quân sự Ai cập đã hết kiên nhẫn để chịu đựng thái độ bất nhượng bộ của Do thái. Nhất là hiện thời quân đội Ai cập lớn mạnh hơn trước và các mỏ dầu hỏa vừa khám phá ra tại vùng sa mạc phía Tây có thể cho phép Ai cập tự tài trợ lấy các nỗ lực chiến tranh của mình. Ông Sadat cũng đã cam kết với ông Jarring rằng Ai cập đã thừa nhận chủ quyền Do thái, nhưng Do



thái vãn tỏ vẻ hoài nghi thiện chí của Ai cập. Nhưng bây giờ, hơn lúc nào hết. Do thái cần phải tính chuyện thiết lập một nền tảng hòa bình với Ai cập khi nước này còn đang muốn rời bỏ chính sách hiếu chiến tốn kém để dồn mọi nỗ lực vào việc phát triển quốc gia.

### Những ảnh hưởng của cuộc nội chiến Hồi trên trường quốc-tế.

Tuy phong trào ly khai tại Đông Hồi chỉ là một vấn đề nội bộ của Hồi quốc nhưng nó đã không ngớt có những hậu quả quan trọng trên chính trường quốc tế. Trước hết Ấn-độ hài lòng vì cuộc ly khai này làm suy yếu Hồi quốc khiến nước này không còn đủ nghị lực để tính chuyện đòi Cachemire nữa. Nhưng chính phủ Tân Đê-li cũng có những lý do để lo lắng: Tiểu bang Tây Bengale đã gửi quân sang giúp Đông Hồi để đương đầu lại với quân của chính phủ trung ương. Vì Ấn-độ là một quốc gia liên bang nên chính phủ trung ương khó có biện pháp ngăn chặn chính quyền địa phương ở Tây Bengale không cho họ đưa quân vào Đông Bengale. Ngoài ra chính phủ của tiểu bang Tây Bengale từ nhiều năm nay lại do phe Cộng sản nắm giữ. Bà Gandhi cũng sợ rằng Tây Bengale có thể đòi ly khai khỏi liên bang Ấn-độ để nhập với Đông Bengale làm thành một quốc gia Bengale lớn và mạnh hơn.

Ấn-độ lại còn gặp nhiều khó khăn ngoại giao hơn nữa khi Tổng thống Hồi Yahya Khan đã tố cáo Ấn can

thiệp vào nội bộ Hồi để ủng hộ phe ly khai Bengale. Sau Hồi lại đến lượt Trung Cộng phản kháng Ấn-độ đã can thiệp vào Đông Hồi và đề cho dân chúng tụ tập trước cửa Tòa Đại sứ Trung Cộng để nhục mạ Mao-trạch-Đông, Lâm Bru và Chu-ân-Lai. Bộ ngoại giao Ấn đã từ chối không chịu nhận bản kháng thư này và gây liên lạc giữa Ấn và Trung Cộng đang ở trong một giai đoạn cực kỳ căng thẳng.

Nội chiến ở Hồi còn là một dịp để cho Trung Cộng và Nga xô thêm bất đồng ý kiến. Nga biết rằng thế nào Đông Hồi cũng ra khỏi Hồi quốc nên đã ủng hộ nước này, trong khi Trung Cộng cố gắng ủng hộ chính phủ Karachi vì thân hữu với Hồi để Hồi tách khỏi vòng ảnh hưởng của Mỹ vẫn là mục tiêu mà ngoại giao Trung Cộng theo đuổi từ năm 1962 tới nay.

Hoa kỳ tuy chưa ngã hẳn về bên nào nhưng ngay từ bây giờ Hoa-thịnh-đốn đã phản đối chính phủ Hồi dùng vũ khí Mỹ để đàn áp thường dân. Có lẽ Hoa kỳ muốn lấy lòng Tây Bengale nhưng vẫn muốn tránh khó khăn với Tây Hồi.

### Tranh-chấp Công-giáo Tin-lành ở Ái-nhĩ-lan

Sau khi biểu tình đòi bình quyền rầm rộ năm 1969, các người công giáo Ái nhĩ lan đã phát động lại phong trào tranh đấu của họ. Bắc Ái nhĩ lan là một vương quốc tự trị thừa nhận bá quyền của Nữ hoàng Anh. Tại xứ này đa số theo đạo Tin lành với 826,000 dân và một thiểu số công giáo rất mạnh với 500,000 dân. Dân



tin lành luôn luôn được hưởng một qui chế ưu đãi trong quốc gia. Một số lớn các người thất nghiệp đều là công giáo. Tại các xưởng đóng tàu thủy ở Belfast chỉ có 500 thợ trên 10.000 là công giáo. Không những người công giáo thiếu quyền chính trị, thiếu việc làm mà còn thiếu nhà ở.

Năm 1969 nhiều cuộc đụng độ đổ máu đã xảy ra giữa hai cộng đồng. Chính phủ Luân đôn đã phải gửi tới 9600 quân sang giữ trật tự. Bắc Ái Nhĩ lan đã phải cử ông Brian Faulkner làm Thủ tướng thay ông Chichester Clark để giải quyết cuộc khủng hoảng này. Và chính phủ Anh cũng dọa là

nếu các cuộc bạo động còn tiếp diễn thì Anh sẽ đặt Bắc Ái Nhĩ lan dưới quyền cai trị trực tiếp của Quốc hội Anh ở Luân đôn. Đó là biện pháp mà hiện thời ở Luân đôn người ta đang nghĩ tới để giải quyết cuộc tranh chấp giữa hai tôn giáo tại Ái Nhĩ lan. Nhưng người Ái Nhĩ lan lại nghĩ tới một biện pháp khác là ly khai với Anh để kết hợp với Cộng hòa Nam Ái Nhĩ lan. Nếu đó là ước vọng của đa số dân Bắc Ái Nhĩ lan thì ngoài phong trào ly khai tại Hời người ta sẽ còn thấy một phong trào khác ngay tại Âu châu.

TỪ TRÌ

Tăng cường sinh lực bằng

**CETONIC**

**VITAMINE C 250mg**

433-YTDP.Đ.

## Laser, một nguy hiểm mới cho phi-cơ:

Các phi cơ chở hành khách, khi bay ngang qua các vùng sau đây phải báo trước cho người có thẩm quyền... Thiên-văn đài Mc Donald, ở tiểu bang Texas; Thiên-văn đài Harvard ở tiểu bang Boston và hai thiên-văn-đài khác ở đông bắc và phía nam Tucson. Tại các nơi này các nhà bác học đang dùng tia Laser chiếu lên mặt trăng và hứng nhận các tia phản hồi từ nơi đó về để nghiên cứu về những rối loạn của từ trường trái đất hoặc Nguyệt cầu, tìm thêm bằng chứng về Thuyết lục địa trôi v.v... Các tia Laser được hướng vào các tấm kính phản-hồi đã được các phi hành gia của các chuyến bay Apollo đặt lên trước đó. Trung bình thời gian đi về của tia sáng là 2 giây rưỡi. Dựa vào vận tốc ánh sáng đã được biết trước (186.000 dặm một giây), khoảng cách giữa mặt trăng và trái đất tính sai chỉ khoảng 14 - 15cm. Tia Laser có một cường độ rất mạnh tuy nó không thể làm nổ tung một chiếc phi cơ cao hàng ngàn thước, nhưng nếu tình cờ hành khách nhìn phải thì có thể bị mù. Biện pháp an toàn hiện nay là khi có chiếc phi cơ nào sắp bay qua vùng đó thì tia Laser sẽ ngưng hoạt động để chờ cho nó đi qua.

Bằng cách tăng cường độ của tia sáng, người ta hy vọng có thể sử dụng tia Laser như một thứ vũ khí để phá hủy các hỏa tiễn của địch khi hỏa tiễn này còn cách xa mục tiêu hàng ngàn dặm,

## Cuộc viễn du tới Jupiter

Cơ quan Nasa của Hoa-kỳ đã thảo luận tới chương trình phóng một phi thuyền Pioneer lên thám hiểm hành tinh Jupiter, hành tinh ở phần ngoài cùng của Thái dương hệ.

Jupiter là hành tinh lớn nhất của Thái dương hệ, muốn đi tới đích ít ra cũng mất một thời gian là 2 năm. Pioneer F phải đi qua một vùng vụn thạch, có gần tới 50.000 vụn thạch có kích thước rất lớn tụ lại trong quỹ đạo mặt trời, giữa quỹ đạo của hành tinh Mars và Jupiter. Đây sẽ là một giai đoạn khó khăn cho chuyến bay tương lai. Nếu dự định này được thực hiện kịp thời, trước những năm cuối cùng của thập niên 70, Pioneer F sẽ có cái may mắn đi vào sự trùng hợp hiếm hoi giữa các hành tinh. Vào những năm này, các hành tinh đi gần nhau đến nỗi một khi phi thuyền lọt được vào quỹ đạo của Jupiter. Nó sẽ lần lượt rơi vào vùng sức hút của trọng trường hành tinh Saturn và Pluto, hay từ Jupiter sang Neptune sang Uranus. Như thế là 1 *Grand Tours*. Hiện tượng này xảy ra với một chu kỳ là 179 năm.

Jupiter là hành tinh thứ 2 trong thái dương hệ ngoài Trái đất bị nghi ngờ là có một từ trường riêng biệt, ngoài ra nó còn tỏa ra nhiệt năng mà nguồn gốc chưa biết rõ là từ một cơ chế nào. Chung quanh Jupiter có 12 hành tinh trong có 3 hành tinh có kích thước lớn hơn nguyệt cầu của Trái đất chúng ta. Bằng vài dữ kiện mà Pioneer F sẽ thu thập được khi tới gần 10 (ai-ô), hành tinh ngoài cùng của Jupiter, các nhà bác học mới có thể quả quyết là có hay không có một khí quyển xung quanh các hành tinh này.

Pioneer F sẽ giúp phân tích bầu khí quyển của Jupiter vốn đã được coi như gần giống với bầu khí quyển của trái đất nhất. Nhà thiên văn học Carl Sagan tiên đoán một hình thức phôi thai của đời sống đã xuất hiện trên hành tinh này.

Để thỏa mãn tính hiếu kỳ của loài người, Thượng đế đã có sẵn vô số tinh cầu khác ngoài một thái dương hệ nhỏ nhoi và vô nghĩa trong vũ trụ.

### Tân Giám đốc NASA

Sau gần 6 tháng chọn lựa, Tổng thống Nixon đã bổ nhiệm ông James Chipman Fletcher làm giám đốc cơ quan NASA thay thế ông Thomas O. Paine đã từ chức từ năm ngoái.

Fletcher là một nhà thiên văn vật lý học. Từ năm 1964 ông đã giữ chức viện trưởng viện đại học Utah, ông cũng là người đã góp công vào việc hoàn thành phi đạn Atlas, ICBM và trước khi rời bỏ lãnh vực không gian ông đã tham gia vào một công ty sản xuất máy móc điện tử, sau đó ông làm việc trong giới đại học.

Letcher sẽ phải giải quyết một vấn đề đang đe dọa trực tiếp sự sống còn của cơ quan NASA: một số các nhà bác học đang làm việc tại cơ quan này, đã rời bỏ chức vụ của mình để phản đối những mục tiêu đang theo đuổi. Họ cho đó là những mục tiêu viển vông, không cần thiết cho đời sống xã hội. Những ngân sách lớn lao đáng lẽ để dùng vào việc cải thiện đời sống của dân chúng lại đổ hết vào những công cuộc có vẻ khoa trương, có một sự lợi dụng danh tiếng của các chuyến bay thành công vào mục đích tuyên truyền chính trị. Hơn nữa, sự thành công của Luna 17 của Nga, với những người máy có thể hoạt động đặc lực không kém gì con người, đang đặt ra một vấn đề là liệu

có nên tiếp tục các dự án các chuyến bay có người lái tốn kém gấp mấy mươi lần các chuyến bay không có phi hành gia.

Dù sao cũng phải khách quan mà nhận định rằng, NASA đã làm vẻ vang cho nước Mỹ.

### Thuốc lá và sức khỏe

Cơ quan y tế quốc tế đã chính thức mở một trận chiến tranh chống lại thuốc lá. Ngày nay, kết luận của giới y sĩ là: Thuốc lá giết người, đó là một sự ngộ độc kinh niên bằng chất Nicotine. Thuốc lá đã nâng cao số bệnh nhân bị ung thư, bị tắc mạch máu ở tim, bị sưng cuống phổi kinh niên, bị loét bao tử, yếu thị giác và sự thay đổi về tinh thần.

Một phân nửa giới y sĩ bên Anh đã bỏ thuốc lá. Ở Mỹ, hầu hết các bác sĩ đều đã thôi hút. Ở Pháp, trái lại chỉ có một số nhỏ bỏ hút. Người bỏ thuốc nhanh nhất là Tổng thống De Gaulle, ông bỏ thuốc hồi 58 tuổi, trong vài tuần đầu ông đã phải nhai "Chewing-gum" để thế vào. Giới chống thuốc lá ở Pháp đang vận động để Tổng thống Pompidou bỏ thuốc lá làm gương cho dân chúng. Hiện ông này đang hút hơn 2 gói một ngày.

Tuy vậy mức tiêu thụ thuốc lá vẫn chưa giảm xuống bao nhiêu. Đâu có dễ gì để bỏ hẳn một thói quen.

TỬ DIỆP

## CÁO LỖI

Vì việc ấn loát dương tờ chức lại, nên Bách Khoa số này bị trễ 2 ngày và một số bài phải gác lỗi dành cho kỳ tới. Từ số sau trở đi Bách Khoa lại ra đúng kỳ hạn như cũ.

Xin trân trọng cáo lại cùng quý vị độc giả.

Tòa soạn BÁCH-KHOA

# THỜI SỰ VĂN NGHỆ

## Mác chống Mác

Theo lý thuyết, đáng lẽ một chế độ Cộng sản được thành lập trải qua ba giai đoạn. Giai đoạn I : xóa bỏ chế độ tư bản ; Giai đoạn II : một chế độ chuyên chính cầm quyền tạm thời nhân danh vô sản ; Giai đoạn cuối cùng : chế độ chuyên chính tự xóa, xã hội không còn giai cấp, mọi người sống trong bình đẳng xã hội và dân chủ chính trị.

Trên thực tế, giai đoạn thứ hai chẳng bao giờ vượt qua nổi, chuyên chính chẳng bao giờ tự xóa. Người ta ngỡ rằng có cái gì trục trặc trong các nước xã hội, trong lý thuyết mác-xít v.v... Các nhà mác-xít thì lo giải thích, cắt nghĩa, trấn an...

Thỉnh thoảng một vụ nổi dậy của thợ thuyền xảy ra tại Hung, Ba lan, Tiệp, Lỗ v.v... và bị đàn áp đẫm máu. Người người xông xáo. Các nhà mác-xít thì nhăn mặt, xoắn xang, khó chịu một chút ; nhưng rồi biến cố «bất thường» lại giải thích được ngay. Lương tâm lại được yên ổn. Lại tiến bộ, cách mạng, tả khuynh bằng thích. Lại ca ngợi thành trì cách mạng thế giới như điên v.v...

Biến cố «bất thường» được giải thích bằng sự phản bội của một kẻ phản động nào đó, kẻ bất hạnh ấy thường bị đưa qua Nga an trí, rồi ở luôn bên ấy. «Cách mạng bị phản bội» là lối nói của Trotski.

Xem ra thì mặc dù chuyện «phản bội» phải là chuyện bất thường,

nhưng nhìn chung thì không có ở nước xã hội nào mà cách mạng không bị phản bội. Bởi vì không có ở nước nào nó tiến tới giai đoạn III, nó vượt nổi ách chuyên chế. Ách chuyên chế của tầng lớp thư lại.

Thư lại là cái gì mà nó đè đầu vô sản cả nửa thế-kỷ, nó đoạt mất cuộc cách mạng của vô sản ? Trotski dè dặt không tiện gọi nó là một giai cấp (classe), chỉ gọi là một tầng lớp xã hội (couche).

Về sau này, Milovan Djilas không cần dấu điểm, nói toạc ra : nó chính thị là một giai cấp. Trong cuốn *Marx cnotre Marx, la société techno-bureaucratique* mới đây, Marc Paillet cũng gọi nó như thế, và còn tiên đoán cho nó một quẻ hậu vận : nó sẽ bị lật đổ. Lần này giai cấp cách mạng không phải là anh em vô sản đông đảo, mà là tầng lớp kỹ thuật gia (technocratie) gồm từ ông cụ bác học trong phòng thí nghiệm cho đến anh chuyên viên trong xưởng máy.

Nếu có thể, lần đầu tiên, cách mạng không do lớp nghèo lật đổ lớp giàu, không do lớp dưới lật đổ tầng trên. «Đấu tranh này là trận cuối cùng»: đúng, là trận cuối cùng của giới nghèo.

## Báo để nghe

Mỗi buổi sáng, bắt đầu 7 giờ, dân chúng ở thành phố Nice bên Pháp chỉ cần quay số điện thoại 80.14.14 là có thể được nghe báo trong vòng 3 phút.

Báo gồm một bài bình luận ngắn, một phút rưỡi tin tức địa phương, chọn lọc, và một ít mẫu tin cần biết.

Sáng kiến báo chí lạ đời trên đây là của ông thị trưởng Jacques Medecin, nguyên là một cựu ký giả. Đã bỏ nghề ký giả ra làm thị trưởng, bây giờ không phải vì ngửa nghề mà ông lại bày trò báo điện thoại. Nguyên nhân chính là vấn đề tranh cử.

### Chết vì yêu

Đi xem phim "Mourir d'aimer" phải cầm theo khăn tay. Bên pháp, trong vòng ba tuần, ở Paris có 220.000 khán giả xô nhau tới xem. Rồi cả nước Pháp tranh nhau xem. Và hễ xem tới, là khóc mũi, ướt hết khăn tay.

Phim căn cứ trên một chuyện thật: chuyện cô giáo Gabrielle Russier, chồng ly dị, có 2 con, tuổi đời 31, đi yêu một cậu học trò 17 tuổi, tên Christian Rossi. Nhiều trở lực khiến cho "vòng tay học trò" đưa tới kết cục bi thảm: cô giáo tự tử.

Câu chuyện đã làm dư luận Pháp xôn xao một độ. Tổng thống Pompidou bị chất vấn đã ngâm ngùi đọc thơ P. Eluard v.v...

Sự thành công của phim *Chết vì yêu*, cũng như của *Truyện tình (Love story)* v.v... khiến nhiều người nghĩ đến sự phục thù của tình cảm ướt át trong kỷ nguyên của văn minh điện tử, trong xã hội kỹ thuật:

### Tự do phê bình

Hai nhà tiến sĩ... khoa nhậu nhẹt (docteurs en gastronomie) của Pháp là Henri Gault và Christian Millau đã làm tàng, và được tòa cho họ có quyền tiếp tục làm tàng.

Tờ báo phê bình của họ ấn hành mỗi tháng 130.000 số, với tôn chỉ cao quý là nhằm phê bình các món ăn. Ngoài ra họ còn in 19 cuốn sách hướng dẫn, tổng cộng lên đến 450.000 bản lưu hành rộng rãi.

Một nhà nhập cảng đồ hộp vừa tung ra món cua đóng hộp của Nhật-bồn, bị hai vị tiến sĩ phê bình trên báo: «*Xin đừng đụng đến... mùi thối như... nước đá quý.*»

Hãng nhập cảng đưa nhị vị tiến sĩ ra tòa. Tòa bênh vực quyền tự do phê bình.

### TRĂNG THIÊN

#### Nhà văn và nh xuất bản

Nhà xuất bản Tuổi Hoa bị một nhà xuất bản trong Chợ lớn in lậu luôn một lúc 3 cuốn sách của 3 tác giả: Bích Thủy, Minh Quân, Hoàng Đăng Cáp. Nhà Tuổi Hoa nhờ thừa phát lại lập vi bằng và kiện nhà xuất bản ma giáo kia. Chứng cứ rành rành, kẻ làm chuyện gian lận hết đường chống đỡ. Theo một ký giả nhật báo Tiền Tuyến đã đưa vụ này lên báo mờ xả, thì anh được biết là nhà xuất bản in sách lậu sau đó đã điều đình đề xin nhà Tuổi Hoa bãi nại và chịu đền bù thiệt hại là 500.000.đ.

Số tiền trên đây sẽ chia ra sao giữa nhà xuất bản và các tác giả? Anh em trong làng văn đã bàn cãi sôi nổi, người cho rằng nhà xuất bản mất tiền phí thừa kiện nên phải ăn phần lớn hơn, người cho rằng nhà văn chịu thiệt nhiều về tác quyền nên được hưởng nhiều hơn. Theo ký giả nói trên thì nhà Tuổi Hoa (do L. M. Chân Tín làm

Giám đốc) có lẽ chia đôi, nhà xuất bản một nửa, 3 nhà văn một nửa. Nhưng như vậy cũng chưa ổn, thực ra tác giả những cuốn sách in lậu sẽ chẳng biết đến bao giờ mới tái bản được các cuốn sách đó vì không thể rõ được số lượng sách in lậu là bao nhiêu, như vậy họ thiệt nhiều hơn. Vậy giá Linh mục Chân Tín chia số tiền đều làm 5 phần, nhà xuất bản lấy 2, còn 3 chia cho 3 nhà văn thì công bằng hơn cả. Hề các tác giả được chia đúng như vậy nhớ đừng quên kể nêu ra ý kiến này nhé!

### Phạm Duy còn đó...

Ngày 30 sáng Chủ nhật, nhóm thân hữu Phạm Duy cùng nhà xuất bản Văn-Sử-học có tổ chức tại Hầm Gió một cuộc họp mặt các anh chị em văn nghệ sĩ và ký giả, nhân dịp phát hành cuốn *«Phạm Duy còn đó, nỗi buồn»* của Tạ Tỵ.

Gian phòng trà bữa đó đông nghẹt các bạn hữu của Phạm Duy và của Tạ Tỵ trong giới cầm bút và nghệ sĩ, Người ta thấy có mặt Phạm Duy và Phạm Thiên Thư, tác giả lời thơ của 10 bài Đạo ca, Nguyễn Nhã, Chủ nhiệm tập san Sử Địa và cũng là người chủ trương nhà xuất bản Văn Sử học, Vũ Hoàng Chương, Lãng Nhân Phùng Tất Đắc, Mai Thảo, Thế Uyên, Đỗ Trọng Huề, Nghiêm Toàn, Võ Phiến, Lê Uyên và Phương, Miên Đức Thắng Vũ Thành An Sơn Nam v. v...

Mở đầu, anh Nguyễn Nhã đại diện nhà xuất bản lên cảm ơn các bạn có mặt bữa đó và nói rằng tại Việt Nam đây là trường hợp đặc biệt: một người còn sống mà cuộc đời đã được

viết ra thành sách. Người đó là Phạm Duy thì cũng rất xứng đáng vì những đóng góp của anh cho dân tộc trong mấy chục năm qua. Nguyễn Nhã cho rằng nước ta không thiếu nhân tài, nhưng ta không có tinh thần nuôi dưỡng thiên tài nên thiên tài dễ thui chột đi và anh đã rất xúc động khi đọc thấy những bài của một người ngoại quốc, G. E. Gauthier, viết về Phạm Duy trên Bách Khoa.

Tiếp theo là Tạ Tỵ nói về lý do nào đã khiến anh viết cuốn sách về cuộc đời Phạm Duy. Anh bạn với Phạm Duy từ hồi 20 tuổi và trong 30 năm qua anh và Phạm Duy luôn luôn có dịp sống gần nhau. Anh biết Phạm Duy chỉ say mê 2 thứ: nghệ thuật và tình yêu và Phạm Duy luôn luôn nhìn thẳng vào cái chết để sống hết mình.

Mỗi người bạn của Phạm Duy thường chỉ biết một khía cạnh, hoặc một giai đoạn nào đó trong đời Phạm Duy; Có lần Phạm Duy đã chỉ cho Tạ Tỵ, ở trên đường Lê Lợi, một người bạn đã cùng Phạm Duy cầm súng kháng chiến chống pháp cùng một ngày, năm 1946, nay bán chạp phở và Tạ Tỵ đã rất xúc động nhìn anh bạn chạp phở này.

Tạ Tỵ còn minh xác những điều anh viết ra trong cuốn sách phát hành năm nay là đúng sự thật 70%, còn 10% anh không dám viết hết vì nhiều lý do còn 20% nữa, chỉ có Phạm Duy mới có thể và có quyền viết ra sau này khi có dịp, và anh cũng mong Phạm Duy sẽ viết...

Khi nhận cuốn sách tượng trưng từ tay Tạ Tỵ, tác giả Tục ca, Đạo ca

nói đại ý là anh rất cảm động, anh nhắc lại tình bạn giữa hai người mà Tạ Ty đã nói tới và anh cũng nói thêm về sự cần thiết phải thương nhau giữa những người làm văn nghệ ở miền Nam này.

Phạm Thiên Thư, Sơn Nam, Thế Uyên v. v... đã lần lượt lên phát biểu ý kiến, Lê Uyên và Phương Miên Đức Thắng, Vũ Thành An v.v, cũng lên nói về lòng ngưỡng mộ và cảm tình đối với Phạm Duy và hát một số bài...

Buổi họp mặt chấm dứt vào giữa trưa vui vẻ và thân mật tới lúc chia tay.

### Ta đã làm chi đời ta ?

Trong buổi họp mặt ở Hầm Gió trên đây khi Phạm Duy nói đến sự cần thiết "phải thương lấy nhau" của những người làm văn nghệ ở miền Nam, có nhắc lại bữa mừng thượng thọ nhà văn Tam Lang và cho rằng chúng ta phải làm gì cho những người đã đề gấn trọn cuộc đời mình phục vụ cho văn nghệ như nhà thơ Vũ Hoàng Chương chẳng hạn...

Vũ Hoàng Chương có mặt bữa đó, thấy anh em bàn chuyện sẽ viết về cuộc đời mình như Tạ Ty viết về Phạm Duy thì anh cười cho biết là anh hiện đang viết tập hồi ký mang tên "Ta đã làm chi đời ta ?" và chưa biết sẽ trao cho nhà xuất bản nào. Thầy Từ Mẫn ở nhà Lá Bối ngồi gần đấy liền nhận lời ngay là sẽ in tập đó.

Cũng trong buổi này, tác giả "Ta đợi em từ ba mươi năm" còn cho biết anh đang cho in tập thơ tình yêu : "Đời vắng em rồi say với ai ?" do Lửa Thiêng xuất bản, gồm những bài thơ tình viết trước năm 1940 — chưa hề in — chừng 18 bài, và sau 1945 — chưa có in trong tập "Ta đợi em từ ba mươi năm" — cũng chừng 18 bài nữa.

Người ta còn được biết đầu năm nay, trên tập san về các nhà thơ, số tháng 2-71, xuất bản tại Bỉ, nhà thơ Marcel Hennart có viết một bài nói về cuốn "Tân thi" (Nouveaux poèmes)

của Vũ Hoàng Chương, mang tựa là *Face à la déraison, le poète* cũng trong tháng 2-71, một nguyệt san Ý "Il Giornale Dei Poeti" xuất bản tại Roma, đã đăng một bài giới thiệu nhà thơ Việt Nam Vũ Hoàng Chương (Un poeta vietnamita Vu Hoang Chương) tiểu sử dịch theo như trong tập "Tân thi" và 4 bài thơ : Đêm vào La mã, Trời Phật bảo giùm, Chiến sĩ vô danh, Hình mắt bóng còn, được nữ thi sĩ Chủ nhiệm của nguyệt san trên là Edvige Pesce Gorini dịch sang Ý ngữ.

### Bút Việt Á Châu

Năm nay Đại hội các nhà văn Á châu của Trung Tâm Văn Bút sẽ họp tại Saigon do Bút Việt tổ chức. Vì vậy nên L.M. Thanh Lăng có soạn một dàn bài về "Nhà văn Á Châu và xã hội hôm nay" rất lý thú, xin đăng nguyên văn sau đây :

I — Xã hội Á Châu hôm nay.

1/ Các Châu khác nghĩ gì về Á Châu

2/ Người Á Châu xây dựng hình ảnh Á Châu thế nào ?

3/ Thực chất của xã hội và con người Á Châu

— Nhu cầu và đòi hỏi của Á Châu

— Cái nó là nó

— Cái nó muốn là.

4/ Cái thế lực ngoại nhập tranh dành ảnh hưởng trong việc kiến tạo xã hội và con người Á Châu.

II. — Nhà văn Á Châu hôm nay.

— Sự hình thành nhà văn Á Châu

— Yếu tố dân tộc

— Yếu tố Âu Châu

— Yếu tố Mỹ Châu

— Yếu tố Xã hội

— Hoàn cảnh sinh sống của nhà văn Á Châu

— Cái nhà văn Á Châu đang viết hôm nay

— Nhà văn Á Châu thể hiện xã hội Á Châu như nó là nó đề nó nằm yên đó ?

— Nhà văn Á Châu thể hiện xã hội Á Châu để kiến tạo, xây dựng nó.

THU THỦY



# Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Chuyện tình nguyên tác Love Story** của Erich Segal, một chuyện bán chạy nhất tại Mỹ và Âu châu vào năm 1970. Phan Lệ Thanh dịch và Hoa năng xuất bản. Sách dày 214 trang. Giá 250 đ.

— **Chuyện vợ chồng** (chuyện cảm đàn bà 2) của Đặng Trần Huân do Sáng Tạo xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày hơn 200 trang gồm khoảng 140 truyện cười rất đặc sắc. Giá 220 đ.

— **Con người và kỹ thuật** nguyên tác của Oswald Spengler, bản dịch Việt ngữ của Hoàng Thiên Nguyễn do Kinh Thi xuất bản và gửi tặng. Sách dày 162 trang giúp cho độc giả ném một cái nhìn đầu tiên vào cái bí mật vĩ đại của định mệnh con người. Giá 220 đ.

— **Khái niệm về ngôn ngữ và thi pháp Anh** của Đỗ Khánh Hoan do Sáng Tạo xuất bản và gửi tặng. Sách dày 154 trang, gồm 3 phần : Cấu tạo và phát triển, Âm bộ và âm luật, các hình thức thi ca. Giá 160 đ.

— **Trong cộng đồng dân Chúa** (Tài liệu khóa tu nghiệp Linh mục tại Nha Trang từ 7 tới 21-1-71) do ban báo chí khóa tu nghiệp ấn hành. Sách dày 486 trang gồm ngót 20 bài thuyết trình giá trị về các vấn đề liên quan đến linh mục và đời sống đạo, đời cùng những bản đúc kết thảo luận trong khóa tu nghiệp qui tụ 85 linh mục trẻ thuộc Giáo phận miền Trung. Giá 400 đ.

— **Tôi đi tu ít quan niệm về cuộc sống tu trì hiện đại của Anh Giảng**, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 209 trang gồm 9 chương. Giá 200 đ.

— **Quốc văn tổng quang (Tú Tài I ABCD)** của Bắc Phong Trần Minh Cầm, Giáo sư chuyên khoa văn chương. Sách dày 670 trang, dành cho thí sinh Tú Tài I các ban nhưng soạn riêng cho những người tự học môn văn chương ban CD, trình bày giản dị mà đầy đủ lại nêu nhiều câu hỏi và đề luận thực tập. Giá 500 đ.

— **Quê hương nước mắt** của Hoàng Đăng Cáp, do Thăng Tiến xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 40 trang, khổ 10 x 20, thuộc Tủ sách "Quà tặng học trò" trình bày đẹp, nói chuyện về quá trình lịch sử của dân tộc đề gợi niềm tự hào dân tộc và lòng yêu quê hương với một ngòi bút rất tin tưởng và tha thiết. Giá 45 đ.

— **Tình yêu tuổi học trò** truyện dài bằng thơ của Lê Minh Ngọc do Hòa Mã xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 48 trang in ronéo, khổ 20 x 26 gồm 118 $\frac{1}{2}$  câu thơ là "một tự tình khúc của một người, một mối tình, như một tiếng thở dài vừa thoát ra khỏi lồng ngực mang theo nỗi u-uất tủi hờn".

## TÌM NGƯỜI DỊCH

Nhà văn Thế Uyên tìm người nhận dịch sang Anh ngữ và Pháp ngữ hai tập truyện NGOÀI ĐÊM và BẢN TÌNH CA và hai truyện dài TIỀN ĐỒN và KHU VƯỜN MÙA MƯA. Xin liên lạc bằng thư với :

tr/u Nguyễn kim Dũng (chuyên giao)

10 U bis Cư xá sĩ quan Chi Hòa, Saigon 10.

Đã phát hành :

## TRẦM MẶC CÂY RỪNG

*tập truyện của* **VÕ HỒNG** — **LÁ BỐI** xuất bản

Tập truyện tiêu biểu nhất cho cái tâm hồn thâm thúy dịu dàng và nét u mặc nhẹ nhàng của bút pháp Võ-Hồng. Đọc **TRẦM MẶC CÂY RỪNG** để thấy rằng truyện ngắn Việt-Nam không thua những truyện ngắn hay nhất của ngoại quốc.

Tâm hồn bạn sẽ trở nên tươi vui êm mát giữa cái không khí nhọc nhằn của chiến tranh.

---

Nhà sách "bỏ túi" tại nhà xuất bản **LÁ BỐI** lô 0 số 121 Chung Cư Minh Mạng Saigon 10, bày bán sách của các nhà Xuất bản uy-tín : An-Tiến, Ca-Dao, Cảo-Thơm, Hồng Hà, Hoàng Hạc, Nguyễn-hiển-Lê, Lửa-Thừng, Thái Độ, Thời Mới, Tu-Thư, Vạn-Hạnh, Sáng-Tạo, Võ-Tánh v.v..

Dịp khai trương dành nhiều hoa hồng cho bạn đọc.

---

Nhà xuất bản **Ca Dao** Hộp thư 2287 Saigon

Đang in **BERTRAND RUSSELL**

### **THẾ GIỚI NGÀY NAY VÀ TƯƠNG LAI NHÂN LOẠI**

NGUYỄN HIỂN LÊ dịch

Tác giả Bertrand Russell sống gần trọn một thế kỉ, già nửa đời người chiến đấu một cách cực kì can đảm cho Tự do, cho Hòa Bình, cho các Dân tộc nhtrợc đều. bị nhốt khám mấy lần, bị hầu hết các chính quyền Âu, Mỹ (kể cả chính quyền Anh) nguyên rủa, nhưng khi chết thì được cả thế giới ngưỡng mộ, và chính những kẻ không ưa ông bị ông "quất" — «ngọn roi của ông không chừa một ai» — cũng phải nhận ông là «triết gia nhân bản vĩ đại nhất của nhân loại», là Voltaire của thế kỉ XX».

Trước sau Bertrand Russell đã viết khoảng 70 tác phẩm về rất nhiều vấn đề : toán, triết lí, luân lí, khoa học, giáo dục, sử học, chính trị... Cuốn *Thế giới ngày nay và tương lai nhân loại* này tóm tắt được những tư tưởng chính của ông về triết học, tôn giáo, chiến tranh, hạnh phúc... ; giảng cho ta hiểu thái độ của ông đối với tư bản và cộng sản. Ông cảnh cáo chúng về nạn độc tài, về chiến tranh nguyên tử, nhưng vẫn hi vọng rằng loài người đủ khôn để tạo cho mình một tương lai rực rỡ hơn, sung sướng hơn, phong phú hơn.